

Số 275

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO



Sự sụp đổ
của sự thật
quy ước

Tr. 30

Bất khả tư nghì

Tr. 19

*Nho hiền
và Phật giáo*

Tr. 24

NGÀY 30/5/2017 TẬP ĐOÀN HOA SEN XUẤT KHẨU LÔ HÀNG 12.000 TẤN TÔN THÀNH PHẨM ĐẾN CHÂU ÂU

TẬP ĐOÀN HOA SEN
XUẤT KHẨU
TRÊN **75** QUỐC GIA
VÀ VÙNG LÃNH THỔ



**NHÀ MÁY HOA SEN NGHỆ AN XUẤT KHẨU LÔ HÀNG 12.000 TẤN TÔN
QUA CẢNG PTSC THANH HÓA ĐẾN CHÂU ÂU**
HOA SEN NGHỆ AN EXPORTS 12,000 TONS OF GALVANIZED STEEL COIL FROM PTSC THANH HOA PORT TO EUROPE



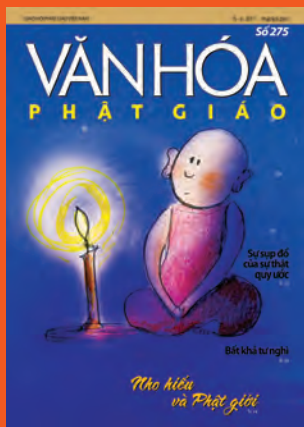
TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



www.hoasengroup.vn

TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẮN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngõ Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576

Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

Số tài khoản:

0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT

Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Con kiến mà leo cành đa... (Nguyễn Cảnh)	4
Tình trạng cầu thả trong in ấn tác phẩm âm nhạc (Lê Hải Đăng)	8
Ảnh hưởng của phong trào Chấn hưng PGVN (1920) đến việc thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981) (Thích Thiện Nhơn)	10
Mặc áo giáp đi xuyên qua lịch sử (Nguyễn Thế Đăng)	14
Về một mùa An cư lợi lạc (Nguyễn Lạc)	16
Hương sen (Đỗ Hồng Ngọc)	19
Cái nhìn thật ảo (Dương Thủy Triều)	20
Nho giáo và Phật giáo (Võ Thị Minh Phụng - Võ Thị Hương Dương)	24
Bất kỳ bạn ở đâu, giác ngộ ở đó (Thiền sư Shunryu Suzuki; Cao Huy Hóa dịch)	28
Sự sụp đổ của sự thật quy ước (Kee Nanayon; Hoang Phong dịch)	30
Thuyết lượng tử và sự di chuyển của tâm thức (Anna Lemind; Tuệ Đan dịch)	34
Tình giác về cái chết (Dalai Lama; Thích Nguyên Tạng dịch)	36
Khai quật và phát hiện (Hồ Anh Thái)	40
Thương học phương châm: Giáo khoa thư của doanh nhân ngày trước (Tôn Thất Thọ)	42
Lời trẻ hỏi những điều phải suy gẫm (Nguyễn Hữu Đức)	44
Đêm phủ sa châu thổ (Trần Bảo Định)	46
Lời giới thiệu sách Thánh nữ Maha Majapati Gotami (Cao Huy Thuận)	50
Thơ (Trương Hoàng Minh, Trần Thị Hồng Xuân, TK. Vy Tiểu, Miền Đức Thắng, Hà Như Uyên)	52
Cổng nhà có giàn hoa giấy (Lê Thị Xuyên)	54
Thiền tông Việt Nam (Trần Tuấn Mẫn)	57

Bìa 1: Hải hòa với Vô Thường. Tranh: Molly Hahn

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Trước năm 2010, tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vẫn phát hành được một số lượng nhỏ ra nước ngoài nhờ vào các vị thân hữu và độc giả định cư ở hải ngoại đặt báo dài hạn. Lúc ấy, chúng tôi vẫn gửi báo ra nước ngoài - Hoa Kỳ, Pháp, Canada, Úc và Đức - qua đường bưu điện với cước phí 12.000đ/tờ. Tuy nhiên, từ tháng 4 năm 2010, giá cước bưu điện tăng gần gấp bốn lần giá báo khiến chúng tôi chịu nhiều thiệt hại và từ năm 2011, VHPG không thể tiếp tục đến với độc giả ở ngoài nước.

Gần đây, một số Phật tử Việt Nam hải ngoại - đặc biệt là ở Úc, Pháp và một số vùng lãnh thổ mới ngoài các nước có nêu tên trên như Ba Lan, Cộng hoà Czech - muốn đặt báo dài hạn. Chúng tôi đang tìm cách để tiếp tục đưa tạp chí VHPG ra nước ngoài với giá cước rẻ chấp nhận được

Vừa qua, cũng có một số độc giả liên lạc với tòa soạn hỏi mua các tập sách viết về các vị Đại đệ tử của Đức Phật do Hòa thượng Thích Trung Hậu thực hiện. Chúng tôi xin thưa, loạt sách này thường chỉ được in mỗi cuốn 1.000 bản, chủ yếu là để tặng chư tôn túc, các thân hữu và những cơ sở Phật giáo làm tài liệu tham khảo, không bán. Quý vị nào cần sách nên trực tiếp liên lạc với Hòa thượng Thích Trung Hậu.

Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VII (2012-2017) sẽ được tổ chức vào đầu tháng 7-2017. Hội nghị kỳ này sẽ bàn nhiều Phật sự quan trọng liên hệ đến Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2017-2022). Chúng tôi xin cùng toàn thể quý độc giả bày tỏ lòng mong muốn Hội nghị thành công tốt đẹp.

Kính chúc quý độc giả luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Này các Tỷ-kheo, sự đoạn
tận tham, sự đoạn tận sân,
sự đoạn tận si. Này các Tỷ-
kheo, đây gọi là vô vi.

*(Tương Ứng Bộ kinh, kinh
Tương ứng vô vi)*



NGUYỄN CÁN

Vấn cứ “tìm kim chổ sáng”

Cách đây gần mười năm, khi nhận định về chiến lược giáo dục Việt Nam, chúng tôi đã có bài “*Tìm kim chổ sáng*”, nhắc đến câu chuyện một bà lão mất cây kim trong nhà nhưng lại ra vườn tìm mãi, tất nhiên không thấy. Có người hỏi tại sao lại tìm ngoài vườn thì bà trả lời rằng ngoài vườn sáng để tìm hơn (?).

Sở dĩ chúng tôi dùng hình ảnh ấy vì chiến lược đưa ra những chỉ tiêu kiểu “đếm cua trong lỗ”, ví dụ như dự kiến vào năm 2020 sẽ có đến 4,5 triệu sinh viên (tỷ lệ 450 sinh viên trên một vạn dân), và rất nhiều chỉ tiêu giả định mà thiếu phần chứng minh cho luận cứ. Gần mười năm đã trôi qua kể từ ngày đưa ra chiến lược ấy, thử nhìn lại, thì thấy tổng số sinh viên cả nước hiện nay có khoảng 2.200.000, đạt tỷ lệ khoảng 250 sinh viên trên một vạn dân. Chỉ còn 3 năm nữa, làm sao tăng gần 80%?

Hiện nay sinh viên đại học chiếm 66%, sinh viên cao đẳng chiếm 34%. Ngoài ra, có khoảng 100.000 du học sinh Việt Nam đang học tập tại gần 40 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Nhưng phải mở ngoặc con số báo động là có khoảng 225.000 cử nhân, thạc sĩ đang thất nghiệp!

Nhưng vấn đề mấu chốt là con người mà chúng ta đào tạo vì sao lại thất nghiệp nhiều đến thế? Vì họ không đáp ứng yêu cầu xã hội? Hay vì chúng ta đào tạo thừa so với nhu cầu? Hay vì lý do nào khác? Nhà sản xuất chế tạo sản phẩm ra không bán được để tồn kho quá nhiều phải xét lại chủ trương, đường lối tiếp thị hay chiến lược phát triển công ty chứ? Tiến sĩ Giáp Văn Dương trong một bài viết gần đây đặt lại vấn đề triết lý giáo dục (TLGD).

Ông viết: “*Triết lý giáo dục là gì mà suốt mấy chục năm nay, lúc nào cũng như đồng lửa âm ỉ, chỉ chờ gặp gió là bùng lên. Mà ngọn gió đó có thể là bất cứ một thứ gì liên quan đến giáo dục. Lần này thì đó là dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra để lấy ý kiến*”.

Theo ông thì, “... Một cách ngăn ngọn, TLGD là một phát biểu ở tầm tư tưởng, nhưng cô đọng súc tích, thường chỉ trong một câu, để ai cũng thấu hiểu và thực hiện được. Nhờ đó, TLGD trở thành kim chỉ nam cho mọi hoạt động dạy và học, và rộng hơn là mọi hoạt động liên quan phát triển con người. TLGD vì thế không nằm ở đâu xa, mà ở ngay sản phẩm đầu ra của hệ thống giáo dục, tức ở những con người mà hệ thống giáo dục đó tạo ra.

Nói cách khác, TLGD sẽ được tìm thấy trong việc trả lời câu hỏi mấu chốt nhất: Hệ thống giáo dục hướng đến việc đào tạo con người nào?'

(Giáp Văn Dương, Triết lý giáo dục trong thời đại mới, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, 25/5/2017)

Nhìn lại hoạt động dạy và học, chúng ta thấy ngay giờ phút này đây, cả người dạy và người học đều đang có tâm trạng hoang mang. Thông tin về dự định chuyển hơn một triệu giáo viên từ biên chế sang hợp đồng lao động đang tạo sóng dư luận trong hàng ngũ giáo viên. Người ta đang tranh luận ầm ĩ trên các phương tiện thông tin, trên mạng xã hội... Trước mắt người đi dạy cảm thấy bất an khi phải đổi diện khả năng mất việc cao hơn trước! Còn người học, chỉ riêng việc xét tuyển vào lớp 6 cũng khiến nhiều trường nhức đầu.

Cụ thể, theo các báo, Giáo sư Văn Như Cương, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh chia sẻ rằng ông cảm thấy rất kỳ lạ và khó xử khi tiếp nhận hàng trăm hồ sơ đạt điểm 10 tuyệt đối cả hai môn Toán và Tiếng Việt suốt năm năm tiểu học trong xét tuyển vào lớp 6. Tình trạng lạm phát điểm 10 diễn ra tràn lan. Có trường nhận cả nghìn hồ sơ toàn điểm 10, không biết xét tuyển làm sao. Nguyên nhân không nằm ở điểm 10, mà nằm ở việc tại sao lại xét tuyển khi giáo dục phổ thông là ai cũng được đi học kia mà, khi chúng ta đang phổ cập cấp 2 cho toàn dân! Lại nữa căn bệnh thành tích từ đầu sinh ra khi nhiều trường có tới 90% học sinh đạt loại giỏi mà thầy cô vẫn cứ phàn nàn? Nghĩa là có gì đó lẩn khuất trong cái triết lý mơ hồ mà ta chưa hình dung được!

Mặt khác, giáo viên cũng trải qua nhiều hoạt động "thí điểm" của Bộ GDĐT, từ chương trình phân ban, đổi mới sách giáo khoa, và gần đây nhất là "thí điểm chương trình VNEN (Dự án Mô hình Trường học mới)" tại Hà Tĩnh và một số địa phương khác. Mặc dù được ghi rõ là "thí điểm", song chương trình này lại được triển khai ở ạt. Giáo viên không được đào tạo, nhà trường chưa đầy đủ về cơ sở vật chất, học sinh chưa quen với phương pháp học tập mới, phụ huynh cũng rất ngỡ ngàng. Bộ GDĐT cũng đã ban hành văn bản, nêu rõ là chỉ tiến hành "thí điểm" VNEN dựa trên cơ sở tự nguyện. Đến nay, nhiều trường vẫn tiếp tục "thí điểm" VNEN, không dựa trên tinh thần tự nguyện của phụ huynh, học sinh, trong trạng thái không biết khi nào thì kết thúc. Hậu quả của việc "thí điểm" theo phong trào và vì thành tích nói trên, cho đến nay, chưa có cán bộ quản lý giáo dục nào đứng ra nhận trách nhiệm.

Tại sao cần TLGD?

Nói như Tiến sĩ Giáp Văn Dương *"Một hành trình không có đích đến sẽ quẩn quanh mất phương hướng. Một hệ thống không có mục tiêu tường minh về đầu ra sẽ hỗn loạn không thể vận hành"*. Vì thế, ông cho rằng

TLGD chính là "hồn cốt", là "thần sắc" của toàn bộ nền giáo dục. Theo định nghĩa sơ bộ trên thế giới, TLGD có thể là triết lý của quá trình giáo dục hay triết lý để ra của môn giáo dục học. Nó liên quan đến mục tiêu, hình thức, phương pháp và kết quả của tiến trình giáo dục. Nó trả lời tất cả những thắc mắc về chính sách giáo dục, ngành sư phạm, chương trình học, và quy trình giảng dạy, cả những giá trị và mô thức dạy dỗ và đào tạo, mối tương quan và tính phù hợp giữa lý thuyết và thực tiễn.

Triết gia nổi tiếng Hoa Kỳ là John Dewey từng viết *"Giáo dục là một mối quan tâm hết sức lớn lao trong cuộc đời..."*, cho nên chúng ta mong muốn tìm ra triết lý của nó như là tìm ra triết lý trong nghệ thuật hay tôn giáo. Chúng ta kỳ vọng việc nghiên cứu TLGD sẽ chứng tỏ rằng nó đóng một vai trò không thể thiếu và gắn bó với đời sống.

Vì thiếu TLGD nên chúng ta đã không định hướng phát triển và việc giáo dục đã thể hiện nhiều bất cập: từ việc xét tuyển lớp 6 như nói ở trên đến thi vào lớp 10, ở một địa phương như TP.HCM, dự kiến dôi ra 20.000 học sinh không vào được lớp 10, thì số này sẽ làm gì, học nghề chẳng? Nhưng nghề gì và trường nào? Thử hỏi bất kỳ học sinh nào, các em đều không rõ! Còn phân ban trung học, đã hơn 30 năm rồi chúng ta không thực hiện tốt ráo. Thi vào đại học thì thay đổi hình thức khá thường xuyên, gây khó khăn cho thí sinh và phụ huynh, điều mà dư luận đã bao lần lên tiếng.

Vì thiếu TLGD nên chúng ta định hướng mơ hồ *"Đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa"*. Nhưng ông Giáp Văn Dương băn khoăn *"... con người mới xã hội chủ nghĩa là con người nào thì không ai biết, vì theo một nhà lãnh đạo thì đến hết thế kỷ này không biết đã có chủ nghĩa xã hội hoàn thiện ở Việt Nam hay chưa?"*.

Ông nói thêm *"Câu chuyện về TLGD vì thế rơi vào bất định. Phát biểu vào tháng 4-2014 của cựu Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phạm Vũ Luận: TLGD của Việt Nam là Nghị quyết 29 của Trung ương. Nghị quyết này dài hơn 7.000 từ. Nghị quyết 29, dù nội dung của nó hay như thế nào đi chăng nữa, nhưng với hình thức dài dòng như thế, không có cách nào đi vào phòng học và bữa cơm tối của các gia đình để hiện hữu một cách tường minh, nhất quán và tự nhiên như hơi thở"*.

Ông nhận định rằng mục tiêu chính của chúng ta cho đến nay vẫn chỉ là: *"Đào tạo con người công cụ"* nhằm đáp ứng nhu cầu, phục vụ một hệ thống và một mục tiêu định trước. Điều đó được giải thích là trong chiến tranh người ta cần sự tuân thủ tuyệt đối, không cần tranh biện, và yêu cầu tiếp thu một chiều. Việc này kéo dài sang cả hiện nay, để lại hậu quả rất lớn là người đi học ở Việt Nam, kể cả sinh viên, rất thụ động, chỉ biết lắng nghe, thiếu sáng tạo và tranh luận. Làm văn rập khuôn, không dám phát biểu ý kiến riêng của

minh. TS. Dương vạch ra “Trong suốt cuộc đời đi học của mình, chúng ta luôn được dạy theo cách hiểu, biết và hành xử trong một khuôn mẫu định sẵn. Khác đi là không được. Khác đi là phải trả giá. Dù luôn kêu gào sáng tạo, không sáng tạo là chết, nhưng bạn hãy thử sáng tạo trong cách học, cách thi, cách hiểu, cách diễn giải thử xem, bạn sẽ phải trả giá ngay tức khắc”. Trong một bối cảnh như thế, người ta phải “học tử, học gạo”, làm “phao thi”... tất cả đều lệch lạc theo chiều hướng học vẹt...

Mỗi thời đại có triết lý riêng, nếu thời phong kiến, người ta phải lâu thông “Tứ thư, Ngũ kinh” theo lối học Tống Nho với hình tượng khuôn mẫu là người quân tử, thì đến thời đại hiện nay, chúng ta cũng đang đi một lối mòn theo sách giáo khoa, chương trình quy định, kể cả ở bậc đại học! TS. Dương kêu gọi “*Thay vì đào tạo con người công cụ, nền giáo dục phải chuyển hướng sang đào tạo con người tự do. Khi đó, con người sáng tạo, con người làm chủ sẽ tự nhiên xuất hiện.*”

Nhưng ông không thể giải thích con người sáng tạo là như thế nào? Ông cho rằng con người đó sẽ đáp ứng yêu cầu đổi mới của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang sầm sập tới, vì học sinh của chúng ta sau mười năm hay hai mươi năm nữa, khi ra trường, sẽ phải cạnh tranh với các robot và trí tuệ nhân tạo. “Nếu không thay đổi từ bây giờ, phần thua của những con người công cụ sẽ là cầm chắc trong tay”. Nhưng như vậy con người sáng tạo của ông chỉ có một vế: kiến thức khoa học kỹ thuật. Còn một vế nữa hết sức quan trọng mà ông *chưa* hay *không* đề cập. Vì dù có tinh thông khoa học kỹ thuật mà bản thân người đó thiếu hiểu biết về xã hội, về môi trường sống, thiếu nhiệt tâm và ích kỷ trong quan hệ hay thiếu sót trong ứng xử con người thì vẫn chưa thể làm “thăng nhân thời đại” được.

Bài học từ Nhật Bản

Chúng ta biết rằng sau Chiến tranh Nam - Bắc, Nam Hàn đã mạnh dạn “học tập” đường lối, chương trình giáo dục của Nhật Bản, áp dụng vào hệ thống giáo dục của mình dù trong tâm thức nhiều người Hàn vẫn có ác cảm với người Nhật do những năm tháng bị quân phiệt Nhật cai trị. Tuy nhiên họ sẵn lòng học tập cái hay, cái đúng để phát triển. Còn người Nhật ngay từ thời Minh Trị, họ đã gửi người sang các nước phương Tây, không phân biệt hoàn cảnh, sắc tộc, tôn giáo, giai cấp... hể thanh niên nào có tiềm năng và tố chất, có khát vọng phục vụ phát triển đất nước, đều được ra đi để tiếp thu các giá trị khoa học kỹ thuật, công nghệ mới rồi quay về phục vụ “Thiên hoàng”.

Triết lý “đào tạo người đóng góp cho đất nước” dựa trên nguyên tắc công bằng đã nhanh chóng mang lại hiệu quả khi nhân tài từ phương Tây trở về phục vụ Nhật Bản. Giáo dục Nhật nhờ đó mà học hỏi tinh túy từ hệ thống giáo dục nước ngoài. Trước khi phát huy tinh

thần sáng tạo, người Nhật dạy trẻ em tính kỷ luật, nhấn mạnh kỷ luật tự giác như mục tiêu tối thượng. Các em tập quản lý thời gian, tự phê bình bản thân, không đổ lỗi cho hoàn cảnh, và từ chức hay thôi nhiệm vụ khi không thể hoàn tất công việc được giao. Nguyên khí quốc gia của họ luôn được bảo tồn và bảo vệ. Chúng ta tự hỏi bao nhiêu phần trăm trong số hàng vạn sinh viên ra trường có việc làm và bao nhiêu trong số 100.000 du học sinh VN sẽ về nước đóng góp và đất nước sẽ làm gì để tiếp nhận họ đúng người, đúng việc, đúng chế độ đãi ngộ? Con số chắc không nhiều và chúng ta đang lâm vào cảnh “chảy máu chất xám” đáng quan ngại!

Việc giáo dục tinh thần tự giác đó sẽ giúp họ gìn giữ tinh thần học tập suốt đời, nâng cao năng lực và tri thức.

Người ta đã nhận xét để thực hiện triết lý này, nội dung và phương pháp giáo dục thiên về việc giúp học sinh tự trải nghiệm các bài học hơn là nhồi nhét kiến thức. Nhật cũng thay đổi hệ thống sách giáo khoa với sự đa dạng hóa nhằm tăng cường khả năng phản biện cho học sinh, kích thích việc tự học, phát huy sức sáng tạo.

Hướng đi nào cho Việt Nam?

Yêu cầu cấp bách hiện nay là cải cách giáo dục và xây dựng lại TLGD phù hợp hơn cho thời đại mới. TS. Dương đưa ra khái niệm con người sáng tạo, chúng tôi thiết nghĩ chưa đủ. Con người ấy phải vượt lên chính mình, xây dựng lại nền nếp kỷ luật tự giác, nghĩa là xây dựng lý tưởng sống, biết quản lý thời gian và công việc, theo đuổi những mục đích vì cộng đồng vì tha nhân, vượt lên trên những hoàn cảnh khó khăn, sống tri túc và lành mạnh. Con người sáng tạo và tự do ấy chỉ có được nếu “con người công cụ” hiện nay đáp ứng ba điều kiện:

a. quyết tâm gạt rửa mình khỏi nếp sống cũ, nếp tư duy cũ.

b. quyết tu dưỡng thành con người mới (không nhất thiết phải thêm chữ “xã hội chủ nghĩa” ở đây).

c. quyết tạo dựng cuộc sống mới: sống đời sống Việt và đời sống người, luôn biết thuận hòa sống cùng người.

Một vài tín hiệu gần đây

Đó đây, vẫn có những nhà giáo dục đang nghĩ về TLGD, ví dụ như Phó Giáo sư Tiến sĩ Võ Văn Sen, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, trong một bài phỏng vấn gần đây khi được hỏi “trong bối cảnh như thế nào mà nhà trường xác lập TLGD, điều khá mới mẻ của giáo dục đại học Việt Nam sau năm 1975?”, đã trả lời: “*Nội hàm tương tự TLGD của nhà trường thực tế từ sau 1975 đã được xác lập ở nhiều khía cạnh khác nhau và nhà trường cũng đã chuyển hoá những nội dung ấy vào công tác đào tạo, nghiên cứu, quản lý, điều hành.*

... Chúng ta xác định rằng, việc đào tạo là để giới thiệu cho đất nước những sản phẩm giáo dục chất lượng cao

và toàn diện, không thiên lệch về một tiêu chí nào đó. Nhà trường xác định rằng phải đào tạo được những cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ có đầy đủ các yếu tố Đức-Tri-Thế-Mỹ. Bốn yếu tố này được xác định trong mối quan hệ nội tại, biện chứng hết sức sâu sắc. Nếu chỉ thiên lệch một yếu tố sẽ dẫn đến sự lệch lạc nguy hiểm trong giáo dục và tất nhiên sẽ là sự thất bại trong đào tạo những tri thức về khoa học xã hội và nhân văn. Đạo đức là gốc, tri thức, sức khỏe là phương tiện và “cái đẹp - sự tiếp nhận cái đẹp” sẽ là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt”.

Còn về nội hàm của “Giáo dục khai phóng”, ông cho biết “Giáo dục khai phóng trong TLGD mà chúng ta xác định chính là khái niệm có ý nghĩa từ “Liberal Education”, cụm từ này có nguồn gốc từ giai đoạn của các nhà hiền triết Hy Lạp cổ đại... Chương trình đào tạo của trường sẽ chú trọng đến những kiến thức rộng, tổng hợp cao để hình thành khả năng định hướng trong thời đại “đa thông tin” ngày nay; cân đối hợp lý giữa kiến thức đại cương và chuyên ngành, giữa kiến thức về văn hóa, đạo đức với kiến thức khoa học sâu. Với điều kiện của trường, chúng ta xác định rằng việc đào tạo ở trường theo triết lý khai phóng sẽ giúp mỗi sinh viên được phát huy cao độ năng lực cá nhân bằng cách trang bị kiến thức toàn diện, năng lực thích ứng linh hoạt để có thể làm việc trong bất cứ môi trường nào, có nền tảng đạo đức tốt, sống nhân bản và trách nhiệm xã hội”.

Một cách nào đó, ông khiến chúng ta nhớ lại tôn chỉ của một số trường đại học trước 1975: Dân tộc-Nhân bản và Khai phóng. TLGD như thế phần nào tương tự quan điểm Phật giáo với định hướng “Duy tuệ thị nghiệp”.

Vì đạo Phật luôn muốn giúp con người đánh thức tuệ giác của mình. Đó là tự giáo dục, dựa

vào nội lực của chính mình để phấn đấu vươn lên, dù bất cứ trong hoàn cảnh nào cũng phải lấy trí tuệ làm mục tiêu, làm lẽ sống, làm con đường đi lên, thích nghi với môi trường xã hội... Quả thật, “... giáo dục đạo Phật chứa đựng cơ sở của một TLGD toàn diện. Tính toàn diện được thể hiện qua việc diệt trừ vô minh, diệt trừ tham, sân, si... những nhân tố tạo nên sự bất ổn cho mỗi cá nhân và cộng đồng. Đạo Phật chủ trương diệt trừ tận gốc các nhân tố này để giải quyết mọi khổ đau cho con người không phân biệt bất cứ giai cấp, thành phần nào trong xã hội. Nhưng cốt lõi của giáo dục vẫn là “con người tự thấp đức mà đi...”.

(Lê Thanh Sơn, *Mạn đàm quanh TLGD của Phật giáo*, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 88)

Phương pháp giáo dục Phật giáo không chỉ khoa học còn mang đậm tính nhân bản, vượt lên trên mọi giới hạn của tôn giáo, là phương thức giáo dục con người toàn diện.

Đề cao sự phản tỉnh cá nhân, giáo dục của Phật giáo thể hiện tính dân chủ với tinh thần vô ngã, phá chấp. Đây là việc nội tỉnh, quay về chính mình để tu tâm dưỡng tính, nghiên cứu mọi mặt của đời sống riêng chung, cảm nghiệm quá khứ, chiêm nghiệm hiện tại và hoạch định tương lai. Con người ấy phải biết tôi luyện ý chí, lý tưởng, chấp nhận gian khó, và sống trong tình tự lịch sử dân tộc, chứ nếu không, chỉ giỏi khoa học kỹ thuật mà thiếu những phẩm chất khác không thể là mục tiêu của TLGD thời đại mới được.

Chừng nào chúng ta còn loay hoay với những chuyện “kỹ thuật” vụn vặt như thế thức thi, quy chế xét tuyển... mà không đề ra được một định hướng lớn thì vẫn còn loanh quanh trong ao hẹp, chưa ra biển lớn được, khác nào “Con kiến mà leo cành đa...!” ■



Tình trạng cầu thả trong in ấn tác phẩm âm nhạc

LÊ HẢI ĐĂNG

Tác phẩm âm nhạc sau khi thể hiện dưới dạng văn bản đã trở thành sản phẩm văn hóa mang thuộc tính tự trị, độc lập, thậm chí trước cả tác giả xét với tư cách chủ thể thẩm mỹ.

Công việc chép nhạc tuy không phức tạp, nhưng phải được thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc, chính xác. Bởi vậy, công việc này trước kia thường giao cho những người làm âm nhạc chuyên nghiệp. Nhiều thầy, cô giáo ở Nhạc viện Hà Nội từng nhận gánh vác công việc chép nhạc. Họ coi đây như một hoạt động phụ trợ, thầm lặng, vừa góp phần tăng thêm thu nhập, vừa đóng góp thiết thực cho đời sống văn hóa.

Trên thực tế, viết nhạc tuy dễ mà khó. Khi chiếc máy tính chưa xuất hiện, công việc chép nhạc trải qua các công đoạn mang tính thủ công. Nó đòi hỏi người chép vừa phải cẩn thận, tỉ mỉ, vừa trình bày đúng quy tắc, thẩm mỹ. Nốt nhạc viết ra đều tay, phù hợp với “văn phạm” trong ngôn ngữ âm nhạc. Nhân viên biên tập Nhà xuất bản Âm nhạc xưa kia hầu hết đều xuất thân từ Nhạc viện. Sau khi ngành xuất bản được “xã hội hóa”, lĩnh vực này bắt đầu xuất hiện nhiều gương mặt mới, máy tính phổ cập tiếp tục giúp cho công việc chép nhạc thực hiện dễ dàng hơn. Bất kể người trong hay ngoài giới âm nhạc đều có thể tham gia. Tất nhiên, người sử dụng sản phẩm không hề quan tâm đến người tạo ra nó là ai, làm nghề gì, mà chỉ quan tâm tới phẩm chất. Hai vấn đề này tự nhiên móc nối với nhau và cho thấy, khi những người không am hiểu về âm nhạc tham gia vào hoạt động này càng đông thì sự yếu kém về cả số lượng lẫn phẩm chất bộc lộ càng nhiều. Bên cạnh đó, sau khi chiếc máy tính hỗ trợ cho việc chép nhạc càng tiện lợi, căn bệnh cầu thả, thiếu trách nhiệm càng nặng. Vì thế, những ấn phẩm chứa lỗi đậm đìa có điều kiện thuận lợi “đầu thai” và đến tay người sử dụng. Như vậy, vấn đề đã rời khỏi địa hạt âm nhạc lọt sang lĩnh vực văn hóa.

Những lỗi thường gặp

Ấn phẩm âm nhạc xuất hiện trên thị trường tập trung vào các loại: Sách công cụ, Tuyển tập ca khúc, và Tác phẩm viết cho nhạc cụ độc tấu; trong đó, sách in ấn tác phẩm âm nhạc chiếm số lượng chủ yếu, nhất là tác phẩm viết cho nhạc cụ độc tấu, ca khúc. Đối với tác phẩm văn học, do sử dụng ngôn ngữ phổ thông, nên

dù xảy ra sai sót, lỗi chính tả, đa số người đọc vẫn có khả năng tự điều chỉnh hoặc biết cách tiêu dùng bằng tư duy phản biện. Còn đối với tác phẩm âm nhạc, do phục vụ nhu cầu thiếu số, trong đó, những người có khả năng thẩm định tính chất đúng đắn lại càng ít ỏi, nên ngẫu nhiên nó trở thành vùng đất màu mỡ cho những sai sót phát sinh. Nhiều lỗi hớ hênh, ngớ ngẩn đi vào ấn phẩm, như:

Lỗi về khóa

Lỗi về khóa xảy ra trong phạm vi tác phẩm viết cho đàn piano. Vì nhạc cụ này sử dụng hai khóa: khóa son và khóa pha khác nhau, nên trong trường hợp chép nhạc bằng vi tính có thể xảy ra hiện tượng nốt nhạc tự do chọn vị cao độ, chứ không hề được khống chế, kiểm soát theo âm vực mà mỗi khóa đảm nhận. Ngoài ra, ở đàn piano cũng như nhiều nhạc cụ khác, nhằm tránh nhiều dòng kẻ phụ, người viết sẽ thay thế bằng cách hạ thấp hoặc nâng cao quãng tám bằng cách ký hiệu *8va...* phía trên hoặc bên dưới. Như vậy, người đàn sẽ biết tự tìm đến quãng tám thực tế, còn nốt nhạc biểu thị trên khuôn nhạc được hiểu theo nghĩa tương ứng cao độ, nhưng khác quãng 8. Cách viết này giúp cho việc thị tấu được thực hiện trở nên dễ dàng hơn. Trên thực tế, có những tác phẩm mà dòng kẻ phụ lên tới cả 5, 6 dòng. Khi ấy người đàn sẽ phải “căng mắt” ra đếm dòng kẻ phụ. Sở dĩ trong âm nhạc sử dụng các khóa khác nhau cũng nhằm mục đích giảm thiểu sự xuất hiện nhiều dòng kẻ phụ. Nếu dòng kẻ phụ sử dụng một cách thoải mái, thì tất cả nhạc cụ đã dùng chung một khóa, không cần thiết phải có thêm khóa pha, khóa đô (Alto và Tenor), bên cạnh khóa son. Điều này có thể liên hệ tới cách ghi hệ số đếm ở chữ Hán, như chữ “Nhất” biểu thị bằng một gạch, “Nhị”: hai gạch, “Tam”: ba gạch và không lẽ, mười, trăm, ngàn, vạn, triệu... sẽ là cả một đống gạch! Khi đó, công việc ngồi đếm đống “gạch” vạn hoặc dòng kẻ phụ đã tốn hết thời gian dành cho việc tìm hiểu ý nghĩa ẩn chứa đằng sau phù hiệu hay ký hiệu.

Lỗi đẳng âm, hoa mỹ

Đẳng âm là hai âm có cùng cao độ, nhưng khác nhau về tên gọi. Đẳng âm thuộc phạm trù giọng, điệu. Mặc dù xét về cao độ, không có sự khác biệt giữa hai nốt đẳng âm, như la giáng và son thăng; mi giáng và

rê thăng... Nhưng, khi đặt chúng vào giọng điệu cụ thể nhằm xác lập vai trò, vị trí thông qua các mối quan hệ thì hai âm có cùng cao độ buộc phải viết tên khác nhau. Chẳng hạn như tác phẩm viết ở giọng La thứ, trong trường hợp âm bậc 7 thăng nửa cung thì phải viết là *son thăng*, chứ không thể viết *la giáng*. Vì mối quan hệ giữa son thăng và la giáng đặt trong hai giọng La thứ và Mi trưởng gần gũi nhau hơn. Khoảng cách và mối quan hệ họ hàng giữa các bậc âm và giọng điệu quyết định tính chất, tên gọi cũng như địa vị của chúng. Đó là nguyên tắc về giọng. Còn theo khuynh hướng di chuyển các bậc âm, hàng âm, như ở giọng đô trưởng, từ đô đi xuống phải qua si, rồi si giáng, la... Trong trường hợp này, si giáng không thể viết thành la thăng. Đối với nốt hoa mỹ, nếu có dạng hình thái thù, như: la - la thăng - la bình, phải viết là: *la - si giáng - la*; rồi son - son giáng - son phải viết là: *son - pha thăng - son*; hình thái thoát, như: son - son thăng - pha phải viết là: *son - la giáng - pha*... Những cách viết trên giống như nguyên tắc chính tả trong văn tự. Và tất cả những sai phạm này đều xảy ra nhan nhản trên các bản nhạc, kể cả những cuốn đã trở thành kinh điển, mẫu mực.

Lỗi liên kết trường độ

Theo nguyên tắc, người ta có thể liên kết nhiều nốt nhạc thành từng nhóm, như các nốt móc đơn, chùm ba, nốt móc kép, móc đơn và móc kép, móc tam và móc đơn. Những tổ hợp này không chỉ giúp liên kết nốt nhạc thành từng tổ, mà còn thể hiện mô hình tiết tấu dưới dạng âm hình. Trong nhạc hát, do gắn với lời ca, nên việc liên kết lại phải tham chiếu đơn vị ca từ tương ứng. Trong thực tế, nhiều tác phẩm nhạc hát đã viết giống như nhạc đàn, bất kể ca từ phía dưới ra sao, giai điệu phía trên cứ tự do liên kết với nhau. Tất nhiên, lỗi này dễ dàng xảy ra khi sử dụng máy tính chép nhạc. Vì, có nhiều trường hợp, dấu liên kết tự động kết nối với nhau. Nhằm tránh tình trạng này, người sửa bản "bông" phải cẩn thận, cho dù đã xem xét kỹ lưỡng trước đó.

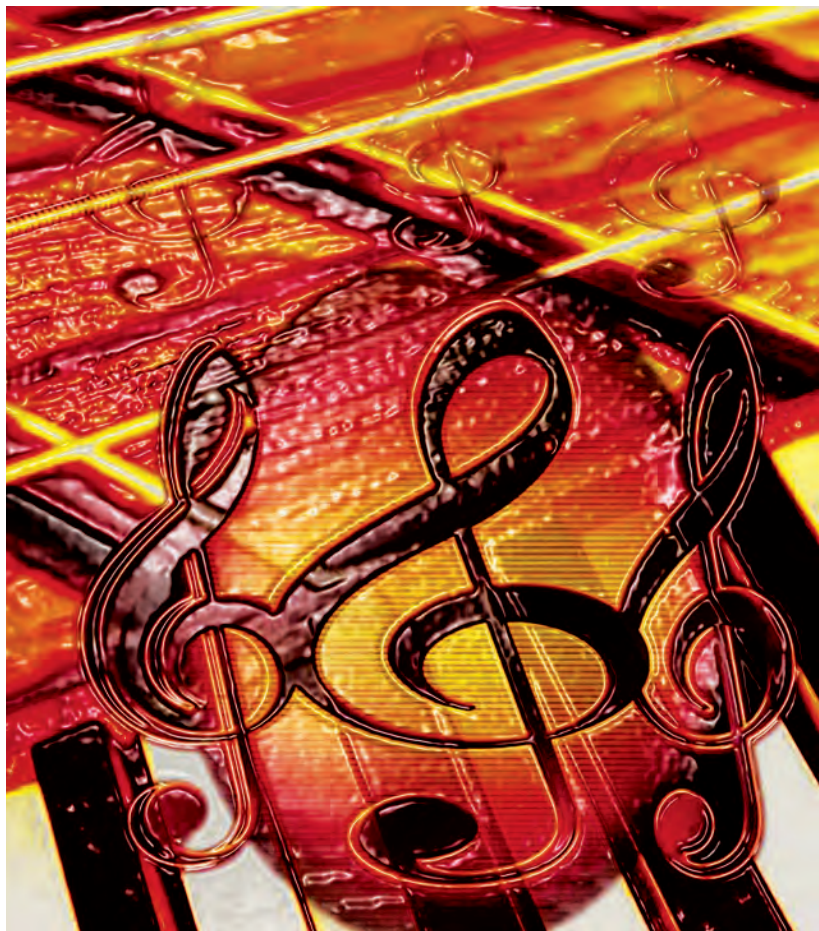
Lỗi minh họa

Việc minh họa trang bìa vốn chẳng lỗi lầm gì khi đứng ngoài văn bản. Nhưng, xuất phát từ chức năng minh họa, nên nó lại có liên quan ít nhiều đến nội dung ấn phẩm, từ đó, yếu tố "họa" phải thể hiện được nội dung cần "minh". Nếu tranh, bìa minh họa dừng lại ở tính chất trang sức có lẽ nên đặt trong một bối cảnh khác, chứ không thể nằm ngoài bìa trang sách. Chẳng hạn như cuốn *"Phương pháp đệm đàn piano & organ"* của Hồ Đăng Tín (Nxb Văn Nghệ), tranh minh họa trước Lời nói đầu là hình tác giả ôm cây đàn guitar; Cuốn *"Ngâm thơ và nghe ngâm thơ"* của Thạch Cẩm (Nxb Văn Hóa - Văn Nghệ) có nội dung đề cập tới cây đàn chủ lực trong nghệ thuật ngâm thơ là đàn tranh thì trang bìa

vẽ tác giả ôm cây đàn nguyệt... Tình trạng "ấm ở hội tề", "ông chẳng bà chuộc", "đầu Ngô mình Sở" này tràn lan trên kệ sách. Có lẽ, chúng chẳng làm phiền lòng ai, nhưng nhìn rộng ra cả nền văn hóa không khỏi thấy tính chất kỳ dị và bất thường một cách bình thường. Cứ đà này tiến triển, trong tương lai không chừng xuất hiện *"Tuyển tập Etude Chopin"* với bìa minh họa là vận động viên chơi tennis!

Qua đó thấy rằng thái độ nghiêm cẩn trong nhiều hoạt động, từ giáo dục đến môi trường văn hóa đã bị bỏ qua, coi thường. Hậu quả của nó đã để lại trên những sản phẩm vốn đong đầy giá trị văn hóa nhưng lại mắc lỗi đẫm đìa. Dấu vết này sẽ đi vào lịch sử để làm bằng chứng cho một thời đại chạy theo những mục tiêu to tát, nhưng thiếu thái độ nghiêm túc trong hoạt động văn hóa.

Nước ta vốn có tiếng khất khe trong hoạt động kiểm duyệt, nhưng những lỗi kỹ thuật thuần túy ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi người tiêu dùng, gián tiếp tới đời sống văn hóa lại bị thờ ơ, phớt lờ. Nhà quản lý và người tiêu dùng dường như nhìn về những phía khác nhau, từ đó góp phần cho sự ra đời hàng loạt sản phẩm yếu kém trà trộn vào lĩnh vực xuất bản gây nhiễu loạn, hỗn tạp trong đời sống văn hóa. ■



Ảnh hưởng của phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam (1920) đến việc thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981)

THÍCH THIỆN NHON

Phật giáo Việt Nam vào thời kỳ cực thịnh Đinh, Lê, Lý, Trần hơn 400 năm, nhưng khi bước sang thời Hậu Lê, Phật giáo mất dần ảnh hưởng và không phát triển, càng ngày càng lu mờ do chế độ phong kiến đề cao Nho giáo, Phật giáo ảnh hưởng giai đoạn này hơn 300 năm, đến thời kỳ Pháp thuộc Phật giáo bị thế lực Tây phương đàn áp, chèn ép không cho hình thành và phát triển, ảnh hưởng gần 100 năm.

Tuy nhiên tiềm năng Phật giáo vẫn còn sống mãi trong tâm tư của Tăng Ni, Phật tử Việt Nam, chỉ chờ có cơ hội là tái phát, sinh hoạt trở lại trên mảnh đất Việt Nam là Phật giáo, Phật giáo là Việt Nam như máu với thịt không bao giờ cách ly. Yếu tố thuận lợi tác động từ phong trào Chấn hưng Phật giáo các nước bên ngoài như:

1. Tại Ấn Độ, ngài Dharmapala (1891-1933) người Tích Lan, đã phát tâm trùng tu Bốn động tâm nơi Phật Đản sinh, Thành đạo, Chuyển Pháp luân, Nhập Niết-bàn (Lumbini, Bodhigaya, Sarnath, Kusinara), làm đường vào bốn Thánh địa trên. Ngài còn thành lập Hội Maha Bodhi (Maha Bodhi Society), cho xuất bản nguyệt san *Đại Bồ Đề (Maha Bodhi Magazine)*...

2. Tại Nhật Bản, vào thời Minh Trị Duy Tân (1868-1912), Phật giáo được phân định như sau: Tăng có hai: Tân Tăng, sinh hoạt theo mọi hình thức xã hội; Thanh tịnh Tăng, tu trì tại các tu viện, thiền viện, tự viện, các đại bản sơn... Phật pháp được phát triển qua các tông: Thiền, Tịnh và Pháp Hoa...

3. Tại Trung Quốc, với cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911 của Tôn Dật Tiên, chủ trương chính sách Tam dân: Dân tộc - Dân quyền - Dân sinh, nên năm 1913 ngài Thái Hư đại sư chủ trương bốn cuộc cách mạng: Tăng-già, giáo sản, giáo lý và giáo chế. Thành lập Hội Phật giáo Trung Quốc, cho xuất bản tuần san *Hải Triều Âm* và thành lập nhiều Phật học viện: Vũ Xương, Vũ Hán, Nam Kinh, Phúc Kiến...

Trong nước, nhất là sau khi Tổ Lê Khánh Hòa tham quan nghiên cứu tình hình Phật giáo Campuchia, Hòa thượng Trí Hải tham cứu Phật giáo Hồng Kông và Trung Quốc, đã rút ra những bài học kinh nghiệm cho phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

Năm 1920, tại chùa Giác Hải ở Chợ Lớn, Tổ Khánh Hòa cùng quý Tổ Từ Phong - Như Nhãn, Huệ Quang,

An Lạc, Long Triều... thành lập Hội Lục hòa mục đích đoàn kết hòa hợp cùng tu học, hành trì pháp Phật, trao đổi những kinh nghiệm vào các ngày hiệp kỳ chư Tổ... hằng năm, cho ra đời tạp chí *Pháp Âm* do Tổ Khánh Hòa làm Chủ bút, tạp chí *Phật Hóa Tân Thanh Niên* do Hòa thượng Thiện Chiếu làm Chủ bút.

Ý tưởng chấn hưng Phật giáo bắt đầu từ đây. Như Tổ Khánh Hòa huấn thị: "Phật pháp suy vi là do Tăng-già thất học, trở thành mê tín dị đoan làm trò đùa cho thế gian. Do đó, muốn chấn hưng Phật giáo Việt Nam: Phải chấn chỉnh Tăng-già, thành lập tổ chức duy nhất, đoàn kết, hòa hợp, chung lo Phật sự. Mở trường Phật học đào tạo Tăng tài cho Phật giáo Việt Nam. Phiên dịch kinh điển để truyền bá rộng rãi trong nước. Mở rộng bang giao Phật giáo các nước Campuchia, Lào, Trung Quốc, Nhật Bản. Có như thế mới phát triển Phật giáo được". Trên đây được xem như là năm nội dung, phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam do Tổ Khánh Hòa đề xuất.

Dẫn đi từ khái niệm, hành động tích cực ấy, năm 1931 Tổ cùng quý Hòa thượng Thiện Chiếu, Huệ Quang... vận động thành lập Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (gọi đúng là Hội Nghiên cứu và bảo vệ Phật giáo tại Nam Kỳ), được chính quyền Pháp cho phép thành lập, trụ sở đặt tại chùa Linh Sơn, Sài Gòn do Hòa thượng Khánh Hòa làm Hội trưởng và xuất bản tạp chí *Từ Bi Âm*, do Hòa thượng Khánh Hòa làm Chủ nhiệm, Hòa thượng Bích Liên làm Chủ bút.

Đầu năm 1933, khai giảng Phật học viện Linh Sơn, chỉ hoạt động vài tháng thì tạm giải tán, vì chính quyền Pháp không cho phép. Từ đấy, Tổ lui về Bến Tre, ngày 20/02/1933 thành lập Liên đoàn Phật học xã tại chùa Viên Giác, đây là trường Phật học lưu động, tiến thân của các Phật học đường, Phật học viện sau này. Mỗi địa điểm giảng dạy ba tháng, xong chuyển sang địa điểm khác. Đầu tiên là chùa Long Hòa Trà Vinh rồi đến chùa Thiên Phước Vĩnh Long, cuối cùng là chùa Viên Giác Bến Tre. Trường chỉ hoạt động được ba khóa thì tạm ngưng, vì chính quyền tỉnh Bến Tre không cho phép.

Từ đó, Tổ quyết tâm vận động các cư sĩ Phật tử Trà Vinh, xin phép chính quyền tỉnh thành lập Hội Lương Xuyên Phật học năm 1934, trụ sở đặt tại chùa Long Phước Trà Vinh, do Tổ Khánh Hòa làm Tổng lý, ông Huỳnh Thái Cữu, Hòa thượng An Lạc làm Hội trưởng.



Hội xuất bản tạp chí *Duy Tâm Phật Học* do Hòa thượng Huệ Quang làm Chủ nhiệm, ông Trần Huỳnh làm Chủ bút, bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe làm quản lý. Đến năm 1935, thành lập Thích Học đường Lương Xuyên Trà Vinh, Tổ Khánh Hòa làm Đốc học, Hòa thượng Huệ Quang làm Tổng lý. Từ năm 1935-1938 khai giảng Lớp Sơ đẳng Phật học; năm 1939-1942 khai giảng Lớp Trung đẳng Phật học; năm 1943 khai giảng Lớp Cao đẳng Phật học. Qua mười năm hoạt động, một số vị giáo phẩm Phật giáo Việt Nam thời hiện đại như Hòa thượng Thiên Hòa, Thiên Hoa, Huỳnh Quang, Quảng Liên, Hành Trụ, Thiên Định, Trí Minh, Huệ Hưng, Bửu Ngọc, Bửu Lai, Huệ Hải, Nhật Long, Viên Hảo, Tắc An, Đồng Huy... đều xuất thân từ Phật học đường Lương Xuyên - Trà Vinh. Phật học đường Lương Xuyên hoạt động đến năm 1945 thì cả Hội và Phật học đường đều ngưng hoạt động vì chiến tranh Việt - Pháp leo thang.

Năm 1932, Hội An Nam Phật học Trung Kỳ thành lập, với sự lãnh đạo của Tổ Giác Tiên, cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám cùng tạp chí *Viên Âm* ra đời. Thành lập các trường Phật học Tây Thiên, Báo Quốc - Huế...

Năm 1934, Hội Phật giáo Bắc Kỳ thành lập và ra đời báo *Đuốc Tuệ*, do cụ Nguyễn Năng Quốc làm Hội trưởng, Hòa thượng Trí Hải làm cố vấn, Tổ Tuệ Tạng chứng minh, Hòa thượng Thanh Hanh (Vĩnh Nghiêm) làm Thiển gia Pháp chủ, trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ Hà Nội. Từ đó, Phật giáo ba miền có ba Hội Phật giáo cùng các tạp chí *Việt ngữ* hoạt động đều đặn và cứ như thế phát triển liên tục, riêng Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học bị ngưng hoạt động từ năm 1945. Do đó, đến năm 1950, thành lập Hội Phật học Nam Việt (gồm hai thành phần Tăng-già và cư sĩ). Trụ sở đặt tại chùa Khánh Hưng ở Chí Hòa, Sài Gòn sau dời về chùa Phước Hòa ở Bàn

Cờ, cuối cùng là chùa Xá Lợi. Ngày 06/5/1951 thành lập Giáo hội Tăng-già Nam Việt, do Hòa thượng Đạt Thanh, Thượng tọa Đạt Từ lãnh đạo, để tham dự Đại hội thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam ngày 09/5/1951 tại chùa Từ Đàm - Huế, do Hòa thượng Tịnh Khiết làm Hội chủ; Ban Chứng minh gồm Hòa thượng Tuệ Tạng, Hòa thượng Giác Nhiên, Hòa thượng Đạt Thanh. Trụ sở đặt tại chùa Từ Đàm - Huế. Đến năm 1952, thành lập Giáo hội Tăng-già Toàn quốc, Hòa thượng Trí Hải làm Trị sự trưởng; Hòa thượng Tố Liên, Tổng Thư ký. Trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Thành lập các trường Phật học Quán Sứ, Bồ Đề, Cao Phong, Bằng Sở...

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, thực hiện Hiệp định Geneve chia đôi đất nước. Miền Bắc thuộc nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Phật giáo miền Bắc tiến hành thành lập Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Trí Độ làm Hội trưởng. Phật giáo miền Nam thuộc nước Việt Nam Cộng hòa vẫn sinh hoạt như cũ: Tổng hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Tăng-già Toàn quốc, Giáo hội Tăng-già Nam Việt, Giáo hội Tăng-già Bắc Việt tại miền Nam, Hội Phật giáo Trung phần, Hội Phật học Nam Việt, Hội Phật học Trung phần, Hội Phật tử Bắc Việt... Thành lập Phật học đường Nam Việt, chùa Ấn Quang, xuất bản nguyệt san *Phật giáo Việt Nam*.

Tại miền Nam, sau khi lên nắm chính quyền, Ngô Đình Diệm đã tiếp tục áp dụng Dự số 10/1950 của chính quyền Pháp và Bảo Đại để lại, nên một mặt diệt trừ các đảng phái đối lập, đàn áp các tôn giáo, nhất là Phật giáo, dẫn đến phong trào đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng các tôn giáo của Phật giáo miền Nam, cộng với phong trào của quần chúng nhân dân đòi độc lập dân tộc, giải phóng quê hương, thống nhất đất nước, là những nguyên do chính dẫn đến cuộc Cách mạng



01/11/1963 do quân đội chủ xướng thành công, chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm cáo chung.

Sau ngày Cách mạng thành công, các tổ chức Phật giáo sinh hoạt tại miền Nam (chủ yếu là các thành viên Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo thành lập ngày 25 tháng 5 năm 1963) họp Đại hội thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ngày 04/01/1964 tại chùa Xá Lợi - Sài Gòn, gồm 11 giáo phái tập đoàn Phật giáo sinh hoạt tại miền Nam (trừ một vài tổ chức không tham gia), do Hòa thượng Tịnh Khiết làm Tăng thống, từ năm 1973 do Hòa thượng Giác Nhiên làm Tăng thống; Hòa thượng Tâm Châu làm Viện trưởng Viện Hóa đạo. Đến năm 1966, Hòa thượng Thiện Hoa làm Viện trưởng. Từ năm 1973 do Hòa thượng Trí Thủ làm Viện trưởng Viện Hóa đạo, thành lập Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn, Viện Đại học Vạn Hạnh, Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm, Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức - Nha Trang và 23 Phật học viện khác trong toàn quốc.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời, do đó Phật giáo cũng thống nhất thành một tổ chức thống nhất. Được sự cho phép của Chính phủ tại Công văn số 621 ngày 19/9/1981, Đại hội thống nhất Phật giáo Việt Nam được tổ chức tại chùa Quán Sứ - Hà Nội (nơi đã diễn ra Đại hội thành lập GHTGTQ năm 1952), gồm chín tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo đang sinh hoạt tại Việt Nam. Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Đức Nhuận đại diện; GHPGVNTN do Hòa thượng Trí Thủ đại diện; Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam do Hòa thượng Bửu Ý đại diện; Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam do Hòa thượng Giác Nhu và Ni trưởng Huỳnh Liên đại

diện; Giáo hội Thiên Thai Giáo Quán do Hòa thượng Đạt Hảo đại diện; Hội Sư sãi Yêu nước miền Tây Nam Bộ do Hòa thượng Châu Mum đại diện; Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước do Hòa thượng Minh Nguyệt, Hòa thượng Thiện Hào đại diện; Hội Phật học Nam Việt do cư sĩ Tăng Quang, cư sĩ Tống Hồ Cẩm đại diện. Đại hội suy tôn Hòa thượng Đức Nhuận lên ngôi vị Pháp chủ GHPGVN, những nhiệm kỳ sau do Hòa thượng Tâm Tịch, Hòa thượng Phổ Tuệ làm Pháp chủ; Hòa thượng Trí Thủ, Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN nhiệm kỳ I, từ năm 1984 do Hòa thượng Trí Tịnh làm Chủ tịch Hội đồng Trị sự (đến năm 2014 Hòa thượng viên tịch).

Đến nay trải qua hơn 35 năm, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thành lập 63/63 đơn vị hành chánh Giáo hội tỉnh, thành trong toàn quốc; có 53.941 Tăng Ni, 18.466 cơ sở tự viện và hàng chục triệu tín đồ Phật tử.

Qua đó, từ 5 nội dung của phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam do Tổ Khánh Hòa khởi xướng, qua kinh nghiệm thực tiễn GHPGVN đã thực hiện:

1. Đoàn kết, hòa hợp, thống nhất các tổ chức Phật giáo trong nước. GHPGVN đã thống nhất thành một tổ chức duy nhất gồm 09 tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo đang sinh hoạt tại Việt Nam, hoạt động ổn định, có hiệu quả, không ngừng phát triển chiều rộng lẫn chiều sâu, tôn trọng truyền thống hệ phái, pháp môn... như Bắc tông, Nam tông Khmer, Nam tông Kinh, Phật giáo Khất sĩ, Phật giáo người Hoa, Phật giáo người Chăm...; Các pháp môn tu học: Thiền (Như Lai thiền, Tổ sư thiền, Thiền Trúc Lâm Yên Tử), đạo tràng Tịnh độ, Pháp Hoa, Di-lặc, Đại Bi (Kim Cang thừa).

2. Chính đốn Tăng-già, bài trừ mê tín dị đoan... GHPGVN ngày nay thông qua Hiến chương Giáo hội,

Nội quy Ban Tăng sự Trung ương, cụ thể hóa, chi tiết hóa sinh hoạt Tăng Ni, tự viện, xuất gia, tu học, thụ giới, an cư kiết hạ, tấn phong giáo phẩm, tuyên dương công đức, kỷ luật sai phạm, quản lý tài sản Tam bảo, bổ nhiệm trụ trì... Do đó, cơ sở tự viện là môi trường đạo đức, môi trường lành mạnh, trang nghiêm thanh tịnh, nơi qui hướng tâm linh, trau dồi trí tuệ, gạn lọc thân tâm dẫn đến an lạc giải thoát cho mọi người và xã hội. Tăng Ni, Phật tử Việt Nam đầy đủ bốn đức: có tu, có học, có hạnh, có dẫn thân phục vụ. Phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, văn hóa Phật giáo Việt Nam, bài trừ mê tín dị đoan, các hủ tục tập quán không phù hợp đạo đức, văn hóa nhân văn và Phật giáo tại các trường Phật học, giảng đường, các cơ sở tự viện, đạt kết quả nhất định.

3. Thành lập trường đào tạo Tăng tài, Giáo hội có bốn trường đại học Phật giáo (đã đào tạo 7.000 Tăng Ni, đang đào tạo 2.500 Tăng Ni; thạc sĩ 160, tiến sĩ 80, cử nhân 6.760 Tăng Ni); 476 Tăng Ni du học tại nhiều nước trên thế giới như: Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Myanmar, Đài Loan, Nhật Bản, Anh, Pháp, Mỹ v.v...; 08 lớp cao đẳng (đã đào tạo 2.000 Tăng Ni, đang đào tạo trên 1.000 Tăng Ni); 31 trường trung cấp Phật học (đã đào tạo trên 10.000 Tăng Ni, đang đào tạo trên 5.000 Tăng Ni) cùng hàng trăm cơ sở tiểu học Phật giáo trong cả nước, Giáo hội đã đào tạo được một thế hệ Tăng Ni có trình độ Phật học, phẩm hạnh, tài đức song toàn, hiện đang phục vụ các ban ngành viện của Giáo hội Trung ương và địa phương.

4. Phiên dịch kinh điển: Thông qua Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Hội đồng Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam đã phát hành Đại tạng kinh Việt Nam gồm 34 tập chủ yếu, năm bộ Nikaya và bốn bộ A-hàm (phần còn lại đang thực hiện). Ấn hành trên 150 đầu sách đủ loại, gồm Kinh, Luật, Luận, sử, nghiên cứu v.v...

Ban Văn hóa đã thực hiện các bộ toàn tập như:

- *Trí Hải toàn tập*
- *Thiện Hoa toàn tập*
- *Trí Tịnh toàn tập*
- *Tâm Như Trí Thủ toàn tập*
- *Trí Quang toàn tập*
- *Trí Đức toàn tập*
- *Minh Châu toàn tập*
- *Thanh Từ toàn tập*
- *Đổng Minh toàn tập*
- *Tịnh Sự toàn tập* (Phật giáo Nguyên thủy)
- *Thiếu Chửu toàn tập*
- *Tâm Minh toàn tập*
- *Chánh Trí toàn tập*
- *Lê Mạnh Thát toàn tập*

Nếu tập hợp các bộ toàn tập, chúng ta sẽ có bộ Việt Nam Phật học tông thư, tạm thay cho bộ Đại tạng kinh Việt Nam khi chưa thực hiện hoàn thành.

5. Giao lưu với các nước lân cận: Hiện nay, GHPGVN có mối quan hệ với nhiều quốc gia trên thế giới, là thành viên sáng lập các tổ chức quốc tế như: Hội Phật giáo châu Á vì Hòa bình (1970), trụ sở đặt tại Ulan Bator - Mông Cổ; Hội Phật giáo Thế giới Truyền bá Chính pháp WBSC (năm 1998), trụ sở đặt tại Kobé - Nhật Bản; Cơ quan Tổ chức Quốc tế Phật đản LHQ (ICDV 2004), trụ sở đặt tại Vương quốc Thái Lan; Liên minh Phật giáo Toàn cầu (2011 - IBC), trụ sở đặt tại New Delhi - Ấn Độ; Ủy ban Quốc tế tổ chức giao lưu Văn hóa Phật giáo châu Á (2010), trụ sở đặt tại Hồng Kông; Hiệp hội các Trường Đại học, Cao đẳng Phật giáo Thế giới (ICBU - 2007), trụ sở đặt tại Trường Đại học Mahachulalongkorn - Vương quốc Thái Lan; Hội Sakyadhita Thế giới thành lập năm 1987, trụ sở chính tại Hoa Kỳ, chi nhánh tại Bồ Đề Đạo Tràng, Bihar - Ấn Độ...

Đồng thời, có các Hội Phật tử Việt Nam tại các nước: Pháp, Nhật Bản, Cộng hòa Czech, Ba Lan, Hungary, Ucraina, Liên bang Nga, Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia, chùa Đại Lộc Sivali, Varanasi - Ấn Độ, chùa Phật Tích Vientiane - Luang Prabang - Lào, chùa Phước Long, Đại Hạnh - Battambang, Campuchia, chùa Đại Phúc - Myanmar v.v...

Tóm lại, từ phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam năm 1920 do Tổ Khánh Hòa khởi xướng đến nay đã 97 năm trôi qua trong dòng chảy lịch sử Phật giáo Việt Nam là những dấu ấn, những chặng đường phát triển của Phật giáo Việt Nam trên mọi lĩnh vực, là một bài học kinh nghiệm thực tiễn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, là đỉnh cao của thời đại, đánh dấu một giai đoạn lịch sử vẻ vang và quý báu mà các bậc tiền bối Tổ sư đã hằng mong ước và luôn luôn bồi đắp qua nhiều thế hệ để có được ngày hôm nay trong bối cảnh lịch sử huy hoàng của Phật giáo Việt Nam, đủ điều kiện để thực hiện hữu hiệu phương châm hoạt động của Giáo hội: Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ hội nhập và phát triển ở thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo. ■

Tài liệu tham khảo:

- Tạp chí *Từ Bi Âm*: Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học.
- Tạp chí *Duy Tâm Phật học*: Hội Phật học Lương Xuyên.
- Tạp chí *Viên Âm*: Hội An Nam Phật học.
- Tạp chí *Đuốc Tuệ*: Hội Phật giáo Bắc Kỳ.
- *Kỷ yếu Đại hội Phật giáo Kỳ II*: Tổng hội Phật giáo Việt Nam (1956).
- *Kỷ yếu Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam năm 1964*.
- *Thành lập Hội Phật giáo Việt Nam*: Hòa thượng Trí Hải (1965).
- *Kỷ yếu Đại hội thống nhất Phật giáo Việt Nam năm 1981*.
- *Kỷ yếu Hội thảo 30 năm thành lập GHPGVN (1981-2011)*.
- *50 năm Chấn hưng Phật giáo Việt Nam*: Hòa thượng Thiện Hoa (1973).
- *Danh tăng Việt Nam*: Thích Đồng Bổn (1995).
- *Từ phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam*: Nguyễn Đại Đồng (2007).

Mặc áo giáp đi xuyên qua lịch sử

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Lịch sử là kết quả của những hành động đã tạo ra của con người và tiếp tục được tạo ra bằng những hành động hiện tại. Hành động có thể là tốt, xấu, hoặc trung tính. Làm người không ai thoát khỏi việc tạo ra hành động, tạo ra lịch sử, dù của một cá nhân hay một xã hội.

Hành động, theo thuật ngữ Phật giáo, là nghiệp (karma), và kết quả của hành động là nghiệp quả. Hành động không chỉ của thân, mà còn có hành động của khẩu và của tâm ý. Lịch sử là sự biểu hiện của nghiệp và nghiệp quả, nghĩa là sự biểu hiện của những hành động của con người. Lịch sử con người là những hưng thịnh và suy vi, những thành công và thất bại, những xây dựng và điều tàn, những hòa bình và chiến tranh. Lịch sử, với rất nhiều máu và nước mắt, là những vết thương khổ đau in hằn lên cuộc sống của con người.

Một trong những công việc của Bồ-tát là chữa trị những vết thương, những tai hại của giết hại, chiến tranh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, say sưa và chuyển hóa tâm xấu ác của con người để họ không gây ra những nguyên nhân cho những tệ nạn ấy nữa. Thế nên Bồ-tát là người sống cùng chúng sanh, chia sẻ cùng một lịch sử tốt xấu, hưng phế của chúng sanh, nhưng Bồ-tát đi xuyên qua lịch sử mà không có các vết thương, các phiền não nhờ mặc áo giáp của trí tuệ tánh Không và đại bi vô ngại.

“Lúc các đại Bồ-tát mặc đại mũ giáp, ngồi xe Đại thừa, an trụ nơi đạo ấy, nếu chẳng dùng từ bi hỷ xả soi khắp chúng sanh, chẳng yêu chúng sanh như mình, thì mũ giáp Đại thừa ấy cả đại địa chẳng kham chịu nổi, tất cả chúng sanh chẳng thân cận được”.

Mũ giáp ấy là tánh Không, và do tánh Không, Bồ-tát có thể đi vào mọi nơi chốn sanh tử.

“Vi có thể tùy nhập tất cả xứ vậy. Vì các đại Bồ-tát muốn tùy nhập tất cả pháp nên mặc đại mũ giáp. Vì muốn tùy nhập tất cả pháp nên ngồi xe Đại thừa. Vì muốn tùy nhập tất cả pháp nên trụ nơi đại đạo, ở nơi tất cả pháp bình đẳng mà hướng đến vậy”.

Tùy nhập tất cả chỗ nhưng không bị nhiễm ô, vì ở trong tánh Không, không thấy có pháp nào nên không bị vướng mắc:

“Nhưng mũ giáp này chẳng đắc chút pháp nào dầu trong dầu ngoài, dầu thô dầu tế, dầu xa dầu gần, dầu quá khứ hiện tại vị lai, dầu hữu vi hay vô vi, dầu trụ hay chẳng trụ”.

Bồ-tát sống trong chiều kích tánh Không khác với sanh tử, một chiều kích không có không gian, “chẳng đắc chút pháp nào”, một chiều kích không có thời gian, “chẳng đắc chút pháp nào dù quá khứ hiện tại vị lai”. Trong chiều kích ấy, không có không gian và thời gian của sanh tử, nghĩa là không có nghiệp và sự diễn tiến của nghiệp và nghiệp quả, không có chút pháp nào làm nhân, không có chút pháp nào làm quả. Tóm lại, Bồ-tát sống trong chiều kích ngoài lịch sử. Bồ-tát là người trong trắng vô tội với lịch sử:

*Bồ-tát người tư duy
Sạch các nghiệp được làm
Nơi nghiệp không chỗ nắm
Hạnh ấy nhiếp nơi đạo.
Bồ-tát người chánh niệm
Trụ trong đạo thanh tịnh
Rõ biết tất cả pháp*

*Đều Không, không có tướng.
Bồ-tát quán như lý
Nghĩa lý đều bình đẳng
Nơi các pháp vô sanh
Không có chút nghi hoặc.*

Bồ-tát mặc áo giáp của đại trí và đại bi, đi xuyên qua những hưng vong, hy vọng và thất vọng của lịch sử:

“Với tất cả pháp, nếu mũ giáp này chẳng lựa chọn được, chẳng quyết rõ được, chẳng biết khắp được, chẳng tùy nhập được, chẳng tác chứng được, chẳng siêu quá được thì chẳng thể gọi là mặc mũ giáp.

Với tất cả pháp, nếu mũ giáp này lựa chọn được, quyết rõ được, biết khắp được, tùy nhập được, tác chứng được, siêu quá được thì mới gọi là mặc đại mũ giáp.

Lại Đại thừa này không có chút pháp nào dấu trong dấu ngoài, cho đến hồi hướng Nhất thiết trí trí. Biết khắp, tùy nhập, tác chứng và siêu quá được nên gọi thừa này là Đại thừa, là pháp thiện xảo thừa, là đến Niết-bàn thừa, là vô thượng thượng thừa, là vô đẳng đẳng thừa”.

Với tất cả pháp lựa chọn được, quyết rõ được, biết khắp được, tùy nhập được, tác chứng được, siêu quá được, nghĩa là biết “thật tánh Không vô sanh của tất cả các pháp”, và cũng có nghĩa là biết tướng tất cả các pháp là như huyễn. Thừa (cưỡi, ngồi xe) Đại thừa trí huệ tánh Không và Đại bi vô ngại như vậy, Bồ-tát đi xuyên qua sanh tử và lịch sử nghiệp của nó mà vẫn giải thoát vì rõ biết thật tướng của lịch sử nên siêu quá được. Con đường vào sanh tử, vào lịch sử nghiệp đó chính là con đường đến Niết-bàn, “thừa đến Niết-bàn”.

Bồ-tát chiến đấu cho cái đúng, cái tốt, cái đẹp nơi mỗi chúng sanh, do đó sự đi vào những phiền não của chúng sanh là không thể tránh:

“Vô Biên Huệ! Các đại Bồ-tát mặc đại mũ giáp có thể tùy nhập khắp trong hành động của tâm và tâm sở của tất cả chúng sanh, có thể khắp làm sạch tập nhiễm phiền não của tất cả chúng sanh. Các ngài ngồi nơi Đại thừa làm thêm lớn căn lành cho tất cả chúng sanh.

Vì mỗi mỗi chúng sanh với mỗi mỗi hành vi của tâm mãi mãi lưu chuyển cho đến tận cùng bờ mé sanh tử, nên các đại Bồ-tát cầu thuốc trí huệ, chẳng rời bỏ mũ giáp mà mặc mũ giáp kiên cố, mặc mũ giáp thanh tịnh, mặc mũ giáp không nắm giữ, mặc mũ giáp giáp biết tâm tướng của chúng sanh, mặc mũ giáp biết không có chúng sanh, mặc mũ giáp biết tự tánh của chúng sanh, mặc mũ giáp biết không có ngã, mặc mũ giáp biết tự tánh của ngã... Mặc mũ giáp chẳng có quá khứ, mặc mũ giáp chẳng có vị lai, mặc mũ giáp chẳng có hiện tại, mặc mũ giáp vô tác, mặc mũ giáp không có tác giả”.

Vào sanh tử là vào mỗi mỗi hành động (nghiệp) của tâm chúng sanh, và với tâm thanh tịnh (“mũ giáp thanh tịnh”), Bồ-tát làm việc để tịnh hóa tập nhiễm phiền não

cho chúng sanh. Trên nền tảng của cái thấy “không có chúng sanh, không có ngã” vì “không nắm giữ” nghĩa là trên nền tảng tánh Không, công việc của Bồ-tát dù “đến tận cùng bờ mé sanh tử” vẫn không bị ô nhiễm vì “không làm” (vô tác), “không có người làm”, “vì chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai, chẳng có hiện tại”, Bồ-tát giải thoát ngay trong công việc hóa độ rộng khắp của Bồ-tát hạnh nơi cõi sanh tử, cõi nghiệp và nghiệp báo của chúng sanh.

Nghiệp là sự chuyển động, tương tác của nhân quả, như những làn sóng đến đi, lên xuống, sanh, trụ, dị, diệt trong đại dương. Nhưng mặt biển vẫn bằng phẳng một đường chân trời, như những dao động hình sin, hình cos luôn luôn lên xuống theo đường quy chiếu là một trục cân bằng, thẳng ngang. Tâm Bồ-tát cũng cân bằng như thế, ở nơi mọi làn sóng lên xuống vẫn bằng phẳng như mặt biển nơi đường chân trời. Đường chân trời bằng phẳng ấy là sự cân bằng vĩnh viễn của nhân và quả. Nhìn rộng ra, lịch sử đích thực chính là sự cân bằng của nhân và quả, là đường chân trời bằng phẳng vô tận cho mọi làn sóng nhân quả lên xuống. Bồ-tát sống cái lịch sử độ không và bằng phẳng ấy, là cái tâm bình đẳng ấy, không nghiêng lệch thiên vị, không thương ghét lấy bỏ. Tâm bình đẳng ấy là cái “đạo bình chánh” (bằng phẳng) không thiên lệch, không lấy bỏ vì biết lịch sử là sự biểu hiện của nghiệp cá nhân và nghiệp cộng đồng, và chúng là như huyễn khi đặt chúng vào nền tảng tánh Không, “không có chút pháp nào”: “*Lại đại đạo này cũng không có chút pháp nào, dù trong dù ngoài, cho đến có thể ở nơi đại đạo bình chánh của tất cả các pháp mà hướng đến. Đạo bình chánh này không có chút pháp nào mà chẳng biết khắp, thế nên đạo này gọi là vô thượng đạo, vô số lượng đạo, vô đẳng đẳng đạo.*”

Đạo bình chánh ấy là tánh Không. Vì tánh Không là vô tự tánh, cho nên nó vẫn có thể để cho nhân quả xảy ra, lịch sử xảy ra trên bình diện chân lý tương đối, quy ước. Nhưng trên bình diện tuyệt đối và tối hậu của tánh Không “không có chút pháp nào dấu trong dấu ngoài, dấu quá khứ vị lai hay hiện tại”. Bồ-tát sống đạo bình chánh ấy, tức là tâm Không, tánh Không.

Bồ-tát đi vào sanh tử, đi vào lịch sử nghiệp của mỗi người, của những tập thể con người, bằng tâm Không, bằng tâm như tấm gương sáng khắp (Đại viên cảnh trí). Tấm gương tâm Không ấy chứa tất cả mọi hiện hình của bóng, sự chuyển động lên xuống hợp tan của mọi bóng, nhưng không ô nhiễm bởi các bóng. Các bóng với nghiệp của chúng đều có trong gương nhưng không có bóng nào dính chặt được vào gương; vì với gương, các bóng đều như huyễn.

Đó là con đường Bồ-tát hạnh, tự giác giác tha trong tánh Không, tích tập trí huệ và công đức nơi sanh tử trên nền tảng tánh Không và đại bi, nên càng đi vào lịch sử thì càng giải thoát và giác ngộ. ■

VỀ MỘT MÙA AN CƯ LỢI LẠC

NGUYỄN LẠC

Kinh Phật tự thuyết (*Udàna*) thuộc Tiểu Bộ thuật câu chuyện có năm trăm Tỳ-kheo do Tôn giả Yasoja dẫn đầu đến yết kiến Thế Tôn tại Jetavana, vì thiếu chánh niệm gây nên tiếng ồn nên bị Thế Tôn khiển trách và đuổi đi. Cả hội chúng vâng lời bậc Đạo sư, rời khỏi Sàvatthi và đến an cư mùa mưa ở bên bờ sông Vaggamudà thuộc địa phận Vajji với ý nghĩ: “Thế Tôn đuổi chúng ta, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng ta, vì lòng từ mẫn đối với chúng ta. Chúng ta hãy sống cho thật đúng pháp, chúng ta sống như thế nào để Thế Tôn có thể hoan hỷ”.

Qua ba tháng thực hành an cư mùa mưa tại Vajji, cả năm trăm Tỳ-kheo đã làm cho Thế Tôn hoan hỷ với kết quả lợi lạc mà họ đã thu hoạch được nhờ chuyên tâm tinh cần hành trì giáo pháp giác ngộ của bậc Đạo sư.

Chuyện kể như vậy:

“Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, khoảng 500 Tỳ-kheo do Yasoja cầm đầu, đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỳ-kheo mới đến ấy, trong khi chào thăm các Tỳ-kheo sở tại, sắp đặt sàng tọa, sửa soạn y bát, gây nên tiếng ồn ào to lớn.

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ànanda: “Này Ànanda, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giật cá (maccham vilopa)?”

“Bậc Thế Tôn, có 500 Tỳ-kheo này, cầm đầu là Yasoja, đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỳ-kheo mới đến

ấy, trong khi chào thăm các Tỳ-kheo sở tại, sắp đặt sàng tọa, sửa soạn y bát, gây nên tiếng ồn ào to lớn”.

“Này Ànanda, hãy nhân danh Ta nói với các Tỳ-kheo ấy: Bậc Đạo sư gọi các Tôn giả!”

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn”, Tôn giả Ànanda vâng đáp Thế Tôn, đi đến các Tỳ-kheo ấy; sau khi đến nói với các Tỳ-kheo ấy: Bậc Đạo sư gọi các Tôn giả!”

“Thưa vâng, Hiền giả”. Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ànanda, đi đến Thế Tôn, sau khi đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo ấy đang ngồi một bên: “Này các Tỳ-kheo, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giật cá?”

Tôn giả Yasoja bạch Thế Tôn: “Bậc Thế Tôn, có 500 Tỳ-kheo này đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỳ-kheo mới đến này, trong khi chào thăm các Tỳ-kheo sở tại, sắp đặt sàng tọa, sửa soạn y bát, gây nên tiếng ồn ào to lớn”.

“Này các Tỳ-kheo, hãy đi đi! Ta đuổi các người (panànemi), các người không xứng đáng được sống¹ gần Ta!”

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn”. Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, đi đến dân chúng Vajji, tiếp tục bộ hành giữa dân chúng Vajji, rồi đi đến con sông Vaggamudà; sau khi đến, dựng lên chòi lá trên sông Vaggamudà, an cư mùa mưa tại chỗ ấy.

Rồi Tôn giả Yasoja sửa soạn an cư, bảo các Tỳ-kheo: “Thưa các Hiền giả, Thế Tôn đuổi chúng ta, vì lợi ích, vì hạnh

phúc cho chúng ta, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với chúng ta. Nay chư Hiền, chúng ta hãy sống cho thật đúng pháp, chúng ta sống như thế nào để Thế Tôn có thể hoan hỷ!”

“Thưa vâng, Hiền giả”. Các Tỳ-kheo vâng đáp Tôn giả Yasoja. Rồi các Tỳ-kheo ấy sống viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và trong thời gian an cư, tất cả đều chứng ngộ Tam minh².

Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Sāvattthi cho đến khi vừa ý, liền bộ hành đi đến Vesālī, tiếp tục bộ hành đến Vesālī. Tại đây, Thế Tôn trú ở Đại lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn với tâm của mình tác ý đến tâm các Tỳ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudā, gọi Tôn giả Ānanda: “Nhu có hào quang, này Ānanda, là phương này, như có ánh sáng, này Ānanda, là phương này. Tại phương ấy, các Tỳ-kheo đang sống trên bờ sông Vaggumudā. Thật là không nhàm chán cho Ta nếu được đi và tác ý đến phương ấy. Này Ānanda, hãy gửi một sứ giả đến các Tỳ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudā và nói: “Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả! Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả!”

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn”, Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, đi đến một Tỳ-kheo; sau khi đến, nói với Tỳ-kheo ấy: “Hãy đi, này Hiền giả, Hãy đi đến các Tỳ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudā, sau khi đến, nói với các Tỳ-kheo ấy như sau: “Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả! Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả”.

“Thưa vâng, Hiền giả”, vị Tỳ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda, như một người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy vị ấy biến mất ở ngôi nhà có nóc nhọn tại Đại lâm, và hiện ra trước mắt các Tỳ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudā. Rồi Tỳ-kheo ấy nói với các Tỳ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudā: “Bậc Đạo sư gọi các Tôn giả! Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả”.

“Thưa vâng, Hiền giả”, các Tỳ-kheo ấy vâng đáp vị Tỳ-kheo ấy, sau khi dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, ví như một nhà lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy các Tỳ-kheo ấy biến mất ở trên bờ sông Vaggumudā, và hiện ra ở Đại lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn, trước mặt Thế Tôn.

Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi trong thiền định bất động³ (ānājāna). Các Tỳ-kheo ấy suy nghĩ: “Nay Thế Tôn đang an trú trong loại an trú nào?”. Rồi các Tỳ-kheo ấy suy nghĩ: “Thế Tôn nay đang an trú trong loại an trú bất động”. Rồi tất cả các Tỳ-kheo ấy ngồi xuống trong định bất động. Rồi Tôn giả Ānanda khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và bạch Thế Tôn: “Đêm đã gần tàn, canh cuối đã gần qua. Các Tỳ-kheo mới đến ngôi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỳ-kheo mới đến”. Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ānanda, sau khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua. Các Tỳ-kheo mới đến ngôi đã lâu. Bạch Thế Tôn,

Thế Tôn hãy chào đón các Tỳ-kheo mới đến”. Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda, sau khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rặng đồng đồng đã ló dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ⁴, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rặng đồng đã ló dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ, các Tỳ-kheo mới đến ngôi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỳ-kheo mới đến”. Rồi Thế Tôn xuất khỏi định ấy bảo Tôn giả Ānanda: “Nếu người có hiểu biết, này Ānanda, người sẽ không nói như vậy. Này Ānanda, Ta và 500 Tỳ-kheo này, tất cả đang nhập định bất động”. Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

“Ai đã thắng gai dục,
Nặng, gia hại trói buộc,
Vị ấy đứng bất động,
Như núi vững an trú.
Vị Tỳ-kheo như vậy.
Lạc khổ không dao động”⁵.

Câu chuyện lưu ý với chúng ta về thái độ hiểu biết, thái độ cung kính tôn trọng bậc Đạo sư và thái độ cần cầu giải thoát của người xuất gia. Năm trăm Tỳ-kheo do Yasoja cầm đầu bị Thế Tôn khiển trách đuổi đi, nhận ra lỗi lầm của mình, không một chút tự ái mặc cảm, biết rõ tâm ý bậc Đạo sư muốn tốt cho mình, quyết tâm sống cho thật đúng pháp, sống như thế nào để Thế Tôn được hoan hỷ. Lấy suy tư ấy làm động lực tinh cần, họ chuyên tâm tu tập giáo pháp giải thoát của Thế Tôn. Kết quả là sau ba tháng an cư mùa mưa bên bờ sông Vaggumudā, tất cả chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị đều chứng đắc Tam minh, chói sáng cả một vùng trời.

Thế nào là chứng đắc Tam minh? Nói cách khác, lộ trình đưa đến thành tựu Tam minh là gì?

Chứng đắc Tam minh tức là chứng được Túc mạng minh, Thiên nhãn minh và Lộ tận minh, là một cách nói về sự thành tựu đầy đủ trí tuệ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc, chứng đắc Thánh quả giải thoát, đạt được đời sống Phạm hạnh nhờ tuân theo giáo pháp của Đức Phật. Lộ trình này bao gồm các bước thực hành⁶:

Đầy đủ Giới học

- Thực tập tâm từ quý: Nuôi dưỡng tâm lý xấu hổ và sợ hãi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác.

- Giữ thân, lời, ý hành thanh tịnh: Quyết tâm từ bỏ mười ác nghiệp (sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến); nỗ lực thực hành mười thiện nghiệp (không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận, có chánh kiến).

- Sinh sống thanh tịnh: Nuôi sống bằng phương tiện chánh đáng, dựa vào sự hỷ cúng của người khác, không làm các nghề nghiệp bất chánh, tránh tích trữ tài sản.

- Nhiếp hộ trì các căn: Khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, không chấp trước các đối tượng, nhiếp phục tâm ý không để cho tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên do duyên sự các căn tiếp xúc với các đối tượng.

- Tiết độ trong ăn uống: Như lý giác sát thọ dụng đồ ăn khất thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ cho sự tu tập Phạm hạnh.

- Chú tâm cảnh giác: Ban ngày và cả ban đêm, trừ các giờ ngủ nghỉ, thường xuyên gột sạch tâm tư khỏi các ác pháp hay chướng ngại pháp.

- Chánh niệm tỉnh giác: Chánh niệm tỉnh giác khi đi tới, đi lui; khi nhìn thẳng, nhìn quanh; khi co tay, duỗi tay; khi mang y kép, bình bát, thượng y; khi ăn uống, nhai, nuốt, khi đi đại tiện, tiểu tiện; khi đi đứng, nằm, thức, nói, yên lặng.

Đầy đủ Định học

- Lựa chọn nơi thích hợp để hành Thiền.

- Ngồi kiết-già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt (chú tâm vào đối tượng chọn lựa lúc hành Thiền).

- Loại trừ năm triền cái: Tham dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi ngờ.

- Chứng và trú Thiền thứ nhất: Ly dục, ly các ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.

- Chứng và trú Thiền thứ hai: Diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

- Chứng và trú Thiền thứ ba: Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “xả niệm lạc trú”, chứng và trú Thiền thứ ba.

- Chứng và trú Thiền thứ tư: Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Đầy đủ Tuệ học

- Chứng đắc Túc mạng minh: Chú tâm thấy rõ sự vô ích của các đời sống trôi lăn trong sinh tử luân hồi của chính mình để sinh tâm nhàm chán mà kiên quyết dứt bỏ khổ đau luân hồi.

- Chứng đắc Thiên nhãn minh: Chú tâm thấy rõ tiến trình sinh tử luân hồi hoàn toàn do nghiệp lực của các chúng sinh khác để sinh tâm nhàm chán mà quyết tâm ra khỏi luân hồi khổ đau.

- Chứng đắc Lậu tận minh: Chú tâm chứng ngộ Tứ Thánh đế, thấy rõ các lậu hoặc, lậu hoặc tập khởi, lậu

hoặc đoạn diệt, con đường đưa đến lậu hoặc đoạn diệt, giải thoát tâm khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, đắc quả A-la-hán, biết rõ mình đã giải thoát: “*Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại trạng thái sinh tử này nữa*”.

Trên đây là đạo lộ đưa đến chứng đắc Tam minh, đoạn tận các lậu hoặc, thành tựu quả vị giải thoát mà năm trăm Tỳ-kheo do Yasoja dẫn đầu đã dốc tâm thực hành trong thời gian ba tháng an cư mùa mưa ở bên bờ sông Vaggamudà; kết quả là cả năm trăm Tỳ-kheo ấy đã làm cho Thế Tôn hoan hỷ, vui lòng khi nghĩ đến họ, thấy tâm họ chói sáng, muốn gặp thăm họ. Tất cả đã chứng quả A-la-hán; với tâm của mình, họ đã có thể gặp gỡ hầu hạ Đức Thế Tôn ở trong đại định. Họ đã hoàn thành tâm nguyện cần cầu giải thoát của người xuất gia khi bị bậc Đạo sư khiển trách đuổi đi: “*Thế Tôn đuổi chúng ta, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng ta, vì lòng từ mẫn đối với chúng ta. Chúng ta hãy sống cho thật đúng pháp, sống như thế nào để Thế Tôn có thể hoan hỷ*”.

Như vậy, chỉ với ba tháng an cư mùa mưa, hội chúng năm trăm Tỳ-kheo trước đó thiếu chánh niệm bị Thế Tôn khiển trách đuổi đi nay đã trở thành một hội chúng hoàn toàn thanh tịnh, bao gồm những con người hoàn thiện, những bậc giác ngộ, xứng đáng với lời tán thán của bậc Đạo sư:

“Hội chúng này, này các Tỳ-kheo, không có lời thù thù. Hội chúng này, này các Tỳ-kheo, không có lời dư thừa, đã được an trú trong lời cây thanh tịnh. Chúng Tỳ-kheo như thế này, này các Tỳ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỳ-kheo, là một hội chúng đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Chúng Tỳ-kheo như thế này, này các Tỳ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỳ-kheo, là một hội chúng bố thí ít, được phước báo nhiều, bố thí nhiều, càng được phước báo nhiều hơn. Chúng Tỳ-kheo như thế này, này các Tỳ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỳ-kheo, là một hội chúng khó thấy ở đời. Chúng Tỳ-kheo như thế này, này các Tỳ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỳ-kheo, là một hội chúng xứng đáng đi nhiều do tuân với một bao lương thực trên vai để được yết kiến”. ■

Chú thích:

1. Tập số đọc là Kattabbam, không phải Vattabbam.

2. Ba minh: Tập số giải thích là Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lậu tận minh. Có chỗ giải thích là sự hiểu biết về vô thường, khổ, vô ngã. Có chỗ giải thích là sự hiểu biết về các đời trước, tư tưởng các loài thú và các bất tịnh.

3. Tập số giải thích là định do tăng tịnh thiền thứ tư. Có chỗ giải thích là vô sắc giới thiền.

4. Nandimukhiyà rattiyà: Bóng tối đang tan biến dần được rạng đông chói sáng.

5. Kinh Phật tự thuyết, (III) (Ud. 24), *Tiểu Bộ*.

6. Xem Đại kinh Xóm ngựa, *Trung Bộ*.

7. Kinh Niệm hơi thở vô hơi thở ra, *Trung Bộ*.



ĐỖ HỒNG NGỌC

Bất khả tư nghị

Bất khả là không thể. *Tư* là nghĩ suy. *Nghĩ, nghị* là luận bàn. Bất khả tư nghị hay bất khả tư nghị là... "không thể nghĩ bàn!". Có một "pháp môn giải thoát" gọi là Bất khả tư nghị như thế của các vị Phật, các vị Bồ-tát.

Cái gì mà không thể nghĩ bàn? Thế giới thì ngày càng nhỏ bé như lòng bàn tay, chuyện gì cũng chỉ cần cái chạm lướt nhẹ là đủ "thấy biết" hết trơn. Có việc gì mà "không thể nghĩ bàn"!

Thế nhưng có những chuyện như đem cái núi Tu-di to đùng kia nhét vào hạt cải nhỏ xíu nọ, như đem toàn thể khối nước bốn biển mênh mông kia... cho vào cái lỗ chân lông... thì đúng là những chuyện "không thể nghĩ bàn"! Nó kỳ cục! Càng nghĩ càng bàn càng dễ điên! Bởi nó nằm ngoài mấy nghìn tỷ mối nối thần kinh rồi, nằm ngoài các chất dẫn truyền thần kinh rồi vậy. Nói khác đi, nó nằm ở "bờ bên kia" rồi! Phải "đào bể ngạn" họa may mới thấy biết. Khi các vị trí thức thần học, bạn của Edward Conze, tình cờ đọc lướt bản dịch kinh *Kim Cang* của ông, họ đã kêu lên: Điên! Điên hết rồi! Không điên sao được! Nào "đừng dựa vào đâu cả để mà sanh cái tâm", nào "nói vậy mà chẳng phải vậy" (tức phi/ thị danh), nào "diệt độ tất cả chúng sanh mà chẳng có chúng sanh nào được diệt độ cả...!"! Điên quá đi chớ! Nhưng Edward Conze bảo không điên đâu. Cứ "ứng dụng" đi rồi sẽ thấy hiệu quả, cái mà ông gọi là "perfection of wisdom".

Kinh Duy-ma-cật sở thuyết, cũng còn gọi là kinh "Bất khả tư nghị giải thoát" khi Xá-lợi-phất nêu "thắc mắc": nhà cửa trống trơn thế này thì các vị Bồ-tát sẽ ngồi ở đâu? Văn Thù bảo: *từ đây đi về phương Đông, vượt qua số cõi nước nhiều như số cát ba mươi sáu sông Hằng, có một thế giới tên là Tu-di Tướng...* ở đó có nhiều... ghế đẹp có thể mượn được!

Số cát của một con sông Hằng không thôi đã là "hàng hà sa số" rồi huống chi đến ba mươi sáu số cát sông Hằng - mà mỗi hạt cát là một cõi nước - để... mượn ghế ngồi cho các vị Bồ-tát thì đành phải cười trừ thôi! Không thể nghĩ bàn!

Dĩ nhiên "ghế ngồi" ở đây không phải là ghế ngồi. Xá-lợi-phất muốn hỏi "vai trò, vị trí" của thế hệ Bồ-tát mới, Bồ-tát tại gia này rồi sẽ làm gì trong cõi Ta-bà? Dĩ nhiên

ngài cũng đã có câu trả lời. Hỏi chỉ để khẳng định sự cần thiết của thế hệ học trò mới này của Phật.

Cõi Ta-bà này ngày càng ô trược, ngày càng bát nháo, xung đột, chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, đầy lo âu phiền não đến nỗi người ta đang tìm cách di tản sang các hành tinh khác, cõi nước khác... tiếc thay loay hoay mãi vẫn chưa tìm ra! Vậy chỉ còn có cách quay lại tìm ở chính mình: phản văn tự tánh. Cõi Phật đầu xa. Đầu có Phật ở trên núi cao, trong chùa lớn; cũng như đầu có sức khỏe ở trong bệnh viện nằm sao?

Thứ bệnh nguy hiểm nhất trong cõi Ta-bà ngày nay chính là SAD. SAD là chữ viết tắt của Stress (căng thẳng) Anxiety (lo âu, sợ hãi) và Depression (trầm cảm). Cả thế giới. Không trừ nơi nào! Bởi ở đâu cũng tràn ngập Tham Sân Si. Và các nhà tâm lý trị liệu, các thầy thuốc phải tìm một phương thuốc "mới" để chữa trị: Thiền. Phải, chỉ có thiền may ra "cứu rỗi" được. Ấy là MBSR (Meditation-based Stress Reduction) và MBCT (Meditation-based Cognitive Therapy). Thời đại khoa học tiến như vũ bão mà phải dựa vào Thiền mới mong "giải thoát" được chẳng phải cũng là "bất khả tư nghị" đó sao?

Duy-ma-cật bảo: "Một vị Bồ-tát trụ ở pháp môn giải thoát *bất khả tư nghị* ấy thì có thể đem núi Tu-di cao lớn mà đặt vào hạt cải, không có bên nào thêm bớt. Tướng trạng núi Tu-di vẫn y nguyên như cũ...".

Chỉ ở trong thiền định, chỉ khi "hành thâm Bát-nhã" thì mới thấy được "pháp" *Không*. Không ở đây không phải là không có. Có chớ. Nhưng chỉ giả tướng. Là do duyên sanh. Khi nhìn kỹ vào bên trong, nhìn kỹ vào bên kia (kiến tướng phi tướng), thì ra, nó là *chân không*. Chân không mà diệu hữu. Núi Tu-di vẫn là núi Tu-di, vẫn đẹp đẽ, sừng sững cao ngất đó, nhưng thực tướng của nó vẫn là Không, là duyên sanh, cũng từ sỏi đá, từ đất nước gió lửa mà ra. Thì hạt cải tí xíu kia cũng là chân không, cũng từ đất nước gió lửa mà thành đó thôi. Nó có khác gì nhau đâu. Nó có phân biệt gì với nhau đâu. Bất khả tư nghị pháp môn đó chính là thấy được cái chân không mà diệu hữu, diệu hữu mà chân không đó. Tu-di cũng vậy mà hạt cải cũng vậy, nước bốn biển cũng vậy mà lỗ chân lông cũng vậy. Nhìn "phi tướng" thì thấy Như Lai đang mỉm cười.

Khi Einstein bảo vật chất chính là năng lượng, năng lượng chính là vật chất, có hẳn một công thức ($E=mc^2$) để biến đổi vật chất thành năng lượng và năng lượng thành vật chất thì... không phải ai cũng có thể "nghĩ bàn" được. Cũng như khi nhà hóa học bảo chỉ với ba nguyên tố Carbone (C), Hydro (H) và Oxy (O) sẽ "tùy duyên" mà thành đường, giấm hay rượu...! Nói cho cùng, các thứ gọi là vật chất hay năng lượng nọ kia, các nguyên tố này khác, chẳng qua là những "trình hiện" bên ngoài, tùy duyên thôi. Cũng chỉ là những electron và neutron quần quít xà quần, rồi hạt, rồi sóng hỉ hả qua lại đó thôi. Đến một lúc, à há, thì ra "bổn lai vô nhất vật"!

Nhưng chấp *không* vốn là một thứ bệnh nặng của Bồ-tát, Duy-ma-cật đã cảnh giác! ■

Cái nhìn thật ảo

DƯƠNG THỦY TRIỀU

Bạn tu của tôi có học vật lý lượng tử, biết được mọi sự vật trần gian đều huyền, chỉ là hiện tượng dao động quá nhanh khiến mắt bị lừa. Thấy tôi nhắc đến khoa học gia thấu thời gian và không gian đều giả, vật chất vốn duyên hợp của nguyên tử; sao Phật tử còn *chấp* cuộc đời này thật. Vẫn thấy thật thì thấy trò mình ở mãi trong “cái thật” đó, sao vượt ngoài tam giới. Từ trong kinh Nguyên thủy, Đức Phật đã dạy chúng sanh “phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy tư, thiên tư không y chỉ vào cái ấy”. Cảnh bên trong [tâm] và bên ngoài đều huyền, nên đời sống chúng ta dựng lập trên *huyền giác*. Tuyệt không thể y vào huyền tướng của sự vật được. Ba ngàn năm trước Phật đã thấy “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, và Ngài nhất nhất khuyên học trò “quảng bỏ cả quá khứ, hiện tại, vị lai”; để luôn “sống chánh niệm và tỉnh thức trong từng phút giây”. Đó chính là sống với thực tại.

Sáu căn luôn mang lại cho chúng ta phiền não, song cũng từ sáu căn vẫn có đường ly dẫn phiền não nhờ cái-tự-biết (giác) trong từng khoảnh khắc. Cơ duyên có bạn đồng tu nhận ra chút hình hài của tánh giác và tập sống với nó, qua cái nhìn thô thiển của mình tôi chợt hiểu, sáu căn vốn vô tội. Sáu căn khiến ta sập bẫy ảo giác song cũng sáu căn nhắc ta đừng dẫn thêm vào vũng lầy cám dỗ. Có lần tôi ngồi nhấp trà với một người chuyên bài bạc. Gã thú nhận có loại kính lắp trong tròng không ai biết, có thể nhìn thấu bài của đối phương. Tôi bỗng nghĩ, giả như có đứa trẻ vừa sinh ra đã được gắn vào mắt cặp kính siêu mềm mỏng, ngay chính nó không hay biết. Cái kính khiến mắt đứa trẻ nhìn sự vật tựa như qua một chiếc gương lồi, hoặc cái nhìn ấy có thể giống với cái nhìn của một loài vật nào đó. Nó cứ thế lớn lên theo cái nhìn riêng biệt. Rồi nó thích ngành điêu khắc chẳng hạn. Đến một ngày nó quyết định tạc tượng cha mẹ để tri ân, mang về tặng. Cha mẹ nó sẽ trở mắt nhìn những “quái tượng” mà đứa con cho là chân dung mình. Sư bà Hải Triều Âm giảng kinh *Lăng Nghiêm* năm 1994 nhắc hoài điều này để chúng ta đừng chấp trước những gì mắt thấy, bởi sự vật đã bị bóp méo theo con mắt nghiệp của mỗi loài; như con cua mắt lồi ra tròn xoe như quả cầu, dĩ nhiên nó nhìn vạn vật khác hẳn người và muôn loài khác. Hiểu điều này sẽ khiến chúng ta có cái nhìn bao dung hơn về muôn pháp. Bởi tôi và bạn vẫn đang trong một cơn đại mộng. Khoa học hiện đại đã sáng tạo loại kính *Thực tại ảo*, ai đeo vào như sống trong “đời thực”. Lại giả dụ nếu một đứa trẻ

bại liệt bẩm sinh từ nhỏ được đeo loại kính này. Nó luôn kể về cuộc sống của nó, gia đình của nó với vợ và con cái, những chuyến phiêu du của nó khắp hành tinh, thậm chí kết giao với ma quỷ, và dĩ nhiên nó còn kể về những căn bệnh nan y, về nỗi sợ hãi mà nó đang phải đối diện; dẫu thực tế thì nó luôn nằm một chỗ. Lúc ấy người thân bắt đầu phân tích để nó hiểu rằng đó chỉ là ảo, con như đang mơ thôi. Cuộc sống thật không phải như vậy. Nó sẽ không tin! Ân sư của tôi dạy, mọi tướng hư vọng bởi sanh diệt trong từng sát-na, còn tự tánh bản nhiên bất động, bản nhiên thanh tịnh và trọn đầy trí tuệ đức năng. Chúng ta bây giờ nếu chẳng thâm tín Phật pháp, học kinh giáo mà không hành cũng không chịu nhận ra mình đang sống trong ảo giác do sáu căn hư vọng mang lại. Và nếu tôi và bạn đeo cái kính Thực tại ảo ấy, nghĩa là mơ chồng lên mơ, ảo chồng lên ảo, hư vọng chồng lên hư vọng. Nhìn từ cảnh giới trong kinh *Hoa Nghiêm* và kinh *Lăng Nghiêm*, Bồ-tát âm thầm thị hiện làm “người phàm” giữa trần gian âu là các Ngài hóa vào giấc mơ độ sanh mà thôi.

Tôi và bạn quen nhận sáu căn làm mình trên tổng thể thân tâm mà không hay Phật dạy tánh giác luôn hiển lộ ở sáu căn trong từng sát-na. Bạn tu luôn khuyên tôi hể buồn thì nhận ngay cái biết buồn ấy là mình, đừng có ai buồn giận ở đó cả; hể đau liền nhận ngay cái *biết* đau ấy là mình, ngoài ra không có ai ở đó mà đau cả. Bạn còn bảo nếu quán sát thật kỹ, chẳng hạn lúc chuyên chú niệm một câu kinh, câu kinh đó là ta rồi, ý đặt trọn vô đó rồi, chân tay vẫn *tự* hoạt dụng đúng việc và còn rất hoàn thiện; để thấy tánh giác nó tự biết làm việc, để thấy cái thân đang làm việc đó không hề có ai điều khiển, (mà cái tánh giác đang tự hoạt dụng), chẳng cần thêm một cái ngã nào vô đó. Tôi hình dung về một nhà máy, có người giám sát công nhân. Một thời gian sau người giám sát thấy ai cũng tự làm việc chuyên cần, hết lòng không tự lợi, liền đề xuất xin nghỉ việc. Ông chủ đích thân kiểm chứng, thấy đúng, liền cho người giám sát nghỉ và không quên hậu tạ. Song ông chủ vẫn thấy mình là... ông chủ, trong nhà máy từ cửa cải đến con người đều “của ông”. Một ngày nọ ông chợt nhớ người giám sát, nhớ cái đức tánh “hại mình lợi người” và ông tự thấy xấu hổ. Ngẫm sâu thấy mình cũng không cần thiết phải có mặt trong cái nhà máy mà mỗi mỗi công nhân đều trở nên thuần thiện như người giám sát, và thực tế nó không cần có ông chủ nữa. Nhờ tri niệm một câu kinh sẽ có cơ hội nhận ra tánh giác đằng sau thân huyền tâm vọng. Bạn tôi khuyên *chuyên thâm niệm* sẽ thấy câu kinh đó cũng chẳng có ai đang niệm, mà nó dường như

tự khởi và tự nghe lấy ngay nơi âm thanh phát khởi. Niệm một câu kinh xem ra là pháp vi diệu viên thông. Kinh khai trí tuệ Lăng Nghiêm dạy trong sáu căn, chỉ nhĩ căn là trên dưới trong ngoài sau trước đều nghe trọn. Tu một căn này sẽ khiến các căn khai thông. Chúng ta thường phóng tâm ra nghe phía ngoài, nay *thâm* niệm một câu kinh sẽ biết quay trở vào nghe bên trong. Nghe bên trong là *tánh* nghe, không phải *tai* nghe. Chạm đến *tánh* nghe, *tánh* nghe sẽ tự biết nghe ngay nơi mọi âm thanh phát khởi không phân biệt trong ngoài. Bạn tu của tôi nhờ *thâm* niệm và *chuyên* niệm một câu kinh liền “phát minh” *tánh* giác. Từ *tánh* giác dễ có cơ hội hòa vào một đời sống nhi nhiên. Thầy tôi luôn ý hướng học trò nhận lấy đầu là một phần tử tí Tánh, mới là điều trọng yếu nhất của người tu; cũng như ta không là mặt trời [tự *tánh*], song thấy một tia nắng le lói chiếu soi qua màn nghiệp tối tăm cũng cần lần xả hướng về mà nhận lấy. Tôi và bạn vô minh là bởi chấp lấy cái giả, bỏ cái thật (là *tánh* giác không sanh diệt không hình tướng cùng khắp). Thấy được cái giả đồng thời nhận và tập sống với cái thật là con đường ngắn nhất đến giác ngộ. Ân sư của tôi tận hiến huệ mạng giảng kinh chỉ để khai thị *nhìn thấu* (cái thật) và *buông xuống* (cái giả). Chỉ bốn chữ thôi mà thâm trọn mật yếu Phật pháp. Cái thật chỉ việc nhìn thấu (thấy), không cần thêm bớt vì trong nó đầy đủ vạn pháp; còn cái giả cần buông xuống để cái thật thêm chói sáng, khởi diệu dụng. Tôi và bạn do chấp thân này là mình nên mới này sinh sống chết, còn trong mắt của chư Phật nào có chúng sanh sống chết. Bạn tên A. Cái thân mang tên A nếu chết đi bất quá chỉ như người lặn một quãng sông lại trôi lên bờ. Thân chết mà *tánh* giác đâu chết, thế mới có cụm từ *vô số kiếp*. Tôi đã trôi qua vô số kiếp, nay tên B; nếu kiếp này chưa về được cõi Phật lại luân hồi, kiếp sau tên là B (phấy); nghĩa là vẫn còn chứ đâu vĩnh viễn mất. Đã vĩnh viễn còn sao gọi chết. Cái sự chấp một đời khiến nhiều người hiểu nhầm câu kinh nói về một Đức Phật sẽ không thành Chánh giác nếu còn một chúng sanh nghe và niệm danh hiệu Ngài mà không được về nước Phật. Chấp một đời, họ quên rằng chúng sanh ấy nếu không xé mình ra tu thành trong đời này thì những đời kế tiếp chắc chắn lại được nương vào nguyện lực đó thoát phàm. Ân sư tôi dạy, Thiên là ngoài không chấp trước/tướng; trong không khởi tâm động niệm về mọi tướng (thông qua sáu căn). Bởi đơn giản mọi tướng đều hư vọng! Không chấp tướng, chấp pháp chấp ngã, tâm sẽ tự định. Hay nói ngược lại, cái định vốn sẵn trong tự *tánh*, nhưng do ngã-chấp mà “bất động” đó thôi.

Người ta vẫn nói thiên là đói ăn, khát uống, mệt nghỉ. Điều này nghe đơn giản như không thể đơn giản hơn, song thật chẳng dễ. Bởi ta thường nắm giữ mọi thứ vốn chẳng sớm thì muộn cũng mất; ta làm dáng và sự cố gắng ấy trở thành tập khí thâm căn, khiến không đói mà ăn (vì cái tham ăn chứ không phải cái đói ăn), và thường không khát mà uống (vì cái tham uống hay cái sở thích uống). Chẳng ai không buồn tiểu lại vào WC cả. Nhưng

nếu định tĩnh ngay trong từng thời khắc, cái biết *tự* ghi nhận trực tiếp của các căn như tai mắt mũi thì dầu ta ở bất cứ đâu cũng là đang thiên vậy. Thiên là sự tỉnh giác nhờ *sự tỉnh giác vốn sẵn* ở mọi chúng sanh. Nhờ sáng suốt trong cái sáng suốt vốn dĩ, nhờ sự thật của sự buông thơi thân tâm nên thiên là một trạng thái *tự* *rớt* vào chứ không phải cái tìm cầu đạt tới. Chúng ta thử nghiệm, khi một tiếng còi xe kêu, âm lượng đó lớn hơn ngay nơi nó phát ra so với ở tai. Nếu là tai nghe, lẽ thường âm thanh từ chỗ chiếc xe đến tai sẽ nhỏ đi, tức tai nghe nhỏ hơn chỗ còi phát ra. Cả lúc ta ở trên ngọn núi, cảm nhận âm thanh dưới lòng phố vẫn lớn hơn; chính là nhờ cái tự biết trong veo. Xét theo vật lý, âm thanh từ chỗ phát ra đến lỗ tai phải mất một thời gian; còn *tánh* biết thì không có thời gian, mà *nó* nghe ngay nơi âm thanh phát hay nó với âm thanh là một. Như ta ở giữa đạo tràng, đồng loạt sẽ nghe được tiếng tụng kinh của cô A, anh B, ông C; hay mưa rơi trên mái nhà, *tánh* biết sẽ khiến ta cùng nhận âm thanh của nhiều giọt mưa. Nơi động loạn hơn như quán trà, ngoài tiếng nhạc, tiếng máy pha chế, tiếng bàn ghế dịch chuyển, tiếng cười nói đều vi diệu đồng hiện trong cái giác biết tạo nên một cuộc hòa tấu nhuần nhị. Lúc này ta cũng cảm nhận luôn hình sắc, cả sự sinh khởi nơi thân và vọng ở tâm đều cùng chung *tướng* hiện trong một chiếc gương dẫn gương ấy còn vẫn đục. Ấy là tôi nghe bạn đồng tu luận giải. Còn trong kinh Phật giảng mọi tướng hiện qua sáu căn đều huyền, và ngay *căn* cũng huyền luôn. Chỉ là do thức biến; hay thẳng tắt mà suy, đã mơ thì chẳng gì là thật. Ân sư tôi theo đó khuyên “nên chịu mơ một giấc thiên”, kéo lại rơi vào *mơ* *ác*.

Trong cơn đại mộng này, tôi và bạn chỉ còn thực tại là chỗ có thể nương vào để tiếp cận *tánh* giác, là chỗ an trú để tránh bớt những cơn-đau-hiện-thực từ nghiệp quả. Thực tại luôn là một “không gian” an toàn để ly phiền não. Giả như bỗng nhiên nhận sự trái tai gai mắt, ta đau buồn, hãy chớp nhoáng tự hỏi thực tại tai đang nghe gì, mắt đang thấy gì, thân tâm đang khởi gì. Điều này cũng giống ta đang đắm say cùng người thân trong một không gian mênh mông thoáng đãng thì dầu ai gọi đi chơi ta có thích nữa chẳng. Thế nên sự chú ý tai nó đã qua rồi, cái thực tại ấy qua rồi và giờ đây những thực tại khác đang đơn nự trở bóng qua các căn một cách tươi mới. Rõ ràng ta đang “rất bận” với thực tại liên miên tiếp diễn sức sống, ta đâu còn “thời gian” trở về với cái thực tại chú ý tai gai mắt kia đã thành quá vãng ảo huyền. Chúng ta vẫn thường nhầm có một cái ta đang thấy vật, thực tế vật đã ở đó rồi, mờ mắt là “vốn ở đó”, không cần “ta” thấy nữa; mà ta đó chính là cái ngã *tự* *cho* nó đang nhìn. Lăng tâm quán sát thêm. Khi cái ta biết đang có chỗ nương trên thân, thì sự khởi nguyên của cái nương (do cái tự biết *biết*) đã đi qua cái ta biết nương đến mấy giây. Cái tự biết ban đầu mờ nhạt, song nếu hành giả đừng chạy đi đâu mò tìm *tánh* giác nữa nó sẽ rõ dần như một tấm gương được đánh bóng. Gương ấy có mặt ở các căn. Căn ý thì thấy rõ

vọng niệm trở lên, và nhờ thấy rõ nên nó tự biết luôn việc quay trở về với thực tại bên ngoài. Một vọng quá khứ nổi lên, cái tự biết rõ đồng thời, tức vọng (bên trong) ấy đã soi mình trong tấm gương thấy biết, bị lộ tẩy, nên vọng cũng xem như một thực tại được mắt đang thấy sự vật bên ngoài. Vọng vốn ảo, song bị thấy ngay khi vừa lộ mặt, thấy tôi gọi đó là cái thấy *thật ảo*. Tôi mơ hồ chợt hiểu: Cái nhìn thật ảo vượt ngoài thời không! Song chẳng cách gì vào được!! Thấy tôi dạy, cũng một vọng niệm như nhau song phàm phu thấy khác so với người có định lực. Phàm bởi do tham sân si điều động nên vọng khởi liền bị lôi dẫn tạo nghiệp. Còn một hành giả trên hành trình phá tự ngã; khi ngũ ấm và các tập nhân đầu khổ bị rút năng lượng như rắn bị cắt nọc và hổ không nanh vuốt, vọng khởi cũng như bông hoa nở tự nhiên rồi tàn, không để lại dấu vết trên bề mặt của cái tự biết. Chiêm nghiệm điều này để thấy, vọng quá khứ cũng là thực tại nhờ tánh giác soi chiếu; tự hỏi, quá khứ có chăng?? Vọng tương lai cũng vậy. Một hành giả trọn vẹn với thực tại, việc hành trình từ quang đường A đến B, họ luôn sống với mỗi bước chân thông qua các căn, thì sự di chuyển từ A đến B là không có. Từ A đến B là một trăm bước chân hay nghìn vạn bước chân thì họ chỉ sống với từng bước chân hay nói đúng hơn là sống trong khoảnh khắc thực tại nhờ cái tự biết, chỉ thể thôi. Đây dấu sao vẫn chỉ là “linh cảm”; bạn tu bảo tôi, chúng ta ra được hiện tại quá khứ và vị lai biết đâu phải muôn kiếp nữa.

Từ cuộc sống ta sẽ rút được nhiều mật ý. Có lần tôi đang rửa rau, sực nhớ cắm nồi nước ở trong nhà, liền bỏ rau chạy vào; chẳng khác đang sống trong ảo. Khi rửa rau nhớ nồi nước, là có một sợi dây cao su vô hình kéo tôi lao vút về nồi nước trong nhà; lúc tôi rót nước, lại có một sợi dây cao su vô hình ở chỗ rửa rau đang kéo tôi về đó. Như vậy tôi bị một lúc hai sợi dây cao su kéo tới kéo lui, còn quang đường dẫn rất ngắn từ thềm giếng vào nhà hoàn toàn tôi mất tỉnh giác, dẫn xét đến cùng cái tự biết đã ghi nhận đầy đủ từng bước chân, đầy đủ mọi âm thanh mọi sự sinh khởi nơi thân tâm. Điều này tạo nên một không gian ảo, và cả thời gian ảo nữa. Nước có thể lật thuyền song nước cũng đưa thuyền. Những căn như mắt tai mũi, thân, “bọn giặc” này phải trở thành những người bạn vĩ đại thay nhau hoặc đồng thời nhắc ta trở về với thực tại mới đúng. Đưa thuyền hay cam chịu lật thuyền ở chỗ bạn và tôi nhận ra bản chất và lực dụng của nước hay không. Chúng ta đang vọng về quá khứ, dẫu cái tự biết đã biết, nhưng đồng thời cái tự biết nhắc ta có cái đau cái ngứa trên thân, hay một âm thanh nào đó hiện khởi. Nếu thất niệm hoặc ta đang sân vì một điều gì, cái tự biết gặt đầu “có một cái sân” rồi, ta lại tự hỏi, bao nhiêu âm thanh đang vang lên kia mà, sao không sống với thực tại tinh khôi này. Giả như tuyệt tính yên vắng, “thực tại ảo” là những “vọng” trong veo hiện lên; một mình hành thiền thì tiếng bước chân cũng nhắc ta trở về, hay đó là xúc chạm của thân với chiếu chần, sự lật trở, tiếng đế trong khuya,

tiếng lá gieo mình quang gần sáng cũng đủ đánh thức ta sống với thực tại. Tôi một lần bụng đau lâm râm, vẫn nhủ thăm đau chỉ biết đau thôi, không tìm nguyên nhân cũng không có ý niệm đẩy ra. Nhớ lời bạn tu, ngày hôm sau tôi bỗng à lên, tuyệt. Cái đau này, mỗi lúc nhói lên là như nói, thực tại đó con, ở đó đừng chạy đi đâu cả nghe. Đến lúc tôi khởi niệm dụng tâm chữa thông qua sự xoa dịu hay theo phương pháp thực dưỡng đơn thuần dân gian, cũng không phải xem cơn đau là thù mà nhìn nó *như thực* một thông tin đau trên tứ đại ở ngay chỗ đó; xem nó như người thân ngoài tôi, nhẹ nhàng bảo cái đau rằng thuốc này vào sẽ khiến cơn đau của bạn dịu xuống, không sao đâu, bạn sẽ lành dần và cơn đau biến mất. Đây là thuốc tỉnh giác nhìn ngắm mọi sự như một vẻ đẹp tự nhiên. Nó đúng với mọi bệnh. Hơn thế về mặt lý thuyết tôi còn rút ra: Ai gọi ta, nên biết đó chỉ là sự quy ước chứ cái tên ấy không bao gồm khuôn mặt này, thân thể, danh vị này để rồi chấp trước đóng xương thịt tanh hôi còn biết đi động đó là mình. Tôi nếu có, là thực thể cấu thành từ cái tánh biết bất diệt và cái u mê tạm thời. Y học một khi thuần phát triển theo hướng vật lý thì loài người vẫn tiến nhanh về cõi chết. Một bệnh nhân dẫu gặp thuốc tiên mà không tự dụng tâm trở về hòa ái, soát lại lỗi lầm sám hối hướng về phía chân trời tâm linh cúi đầu (và ngược đầu) trước vô vàn bí ẩn mầu nhiệm thì vẫn là nước đã vào thuyền mà khoanh tay nhìn sự đắm.

Trở lại với thực tại. Bạn tôi trước có đọc được từ sách của một vị thiền sư lỗi lạc xứ Ấn, sau được nghe thầy Tuệ Hải giảng một bộ kinh năm 2009, về mặt yếu *cần có cái nhìn và cái nghe tổng thể đồng loạt* (như bạn tu “của tôi” có giải sơ cho tôi nghe ở trên). Chiêm nghiệm thấy hay quá. Chẳng như tôi nhìn về mảng tường khá lớn, nó đơn thuần một phong trắng nhẹ nhàng; rồi tôi nhìn con ruồi trên bức tường ấy, thực ra là do cái ý hội lại ở con ruồi. Ta tập trung ý vào đâu để bám chấp ở đó. Hành thiền, dẫu ta bị hút bởi một bông hoa bên đường, cái tự biết cũng đã nhắc “mi tham rồi đó nghe”; và dẫu nó lòi ta rẽ lối đến xem tận mắt chẳng nữa, cũng chưa phải là vấn đề bởi ta vẫn đang sống với thực tại của từng khoảnh khắc. Lúc đến, ta vẫn giác biết mọi sự, ta nhìn tổng thể cây hoa giả hợp và không thật bởi căn hư vọng, và thấy những chiếc lá non cũng đẹp, mầm, nụ và thân cây nữa. Ngay cục phân khô dưới gốc cũng dạy ta rằng đến cái tường chừng vô nghĩa ấy cũng hữu ích cho *sự thật ảo* lên ngôi. Vậy là bắt nguồn từ lực hút của trần cảnh là bông hoa, hành giả vẫn bước trong sự tỉnh giác với thực tại và lúc căn mắt nhờ tiếp xúc một cách hòa đồng sự vật, ngẫu nhiên đã *trụ* vào sự toàn thể; khiến tâm nhạt sự phân biệt đối tượng và chấp trước vào một thứ ta thích.

Tĩnh tại trong từng giây phút, có lẽ ít người suy ngẫm cụm từ này: trong từng giây phút. Sự tỉnh thức này ở những vị miên mật đến một lúc thân tâm họ sẽ có cơ hội hòa vào thực tại. Họ hoàn toàn không cần có bất cứ kế hoạch dự định nào cho những giờ phút ảo tiếp theo.

Việc thảo tở di chúc, cũng là một điều cần thiết, nhắc ta biết về sự mong manh cuộc đời; nhắc ta hiểu chỉ cái giác biết mới là mình, còn thân này biến hoại theo một quy luật tuyệt vời của tạo hóa, đến linh hồn cũng không! Ta nên đối diện với cõi tạm trước sau gì cũng hết. Vẫn nên ngắm nghía sự chết, tập làm quen làm bạn với cái chết, xem cái chết như một vị thầy trong việc quán chiếu Vô thường. Thực tế thì chúng ta đã chết vô số lần. Tôi có một anh bạn đang rất yêu đời với vô vàn dự định tốt đẹp, một đêm nằm ngủ, sáng ra vợ con gọi mãi, tới lay mới biết thân ấy cứng đờ. Thế đấy. Ta nên xem mỗi giấc ngủ là cái chết, là cơ hội thực hành sự chết. Nằm xuống, tỉnh tâm để cảm nhận rõ giấc ngủ chìm dần, đến thời điểm trước giấc ngủ và tỉnh dậy, hoặc không bao giờ. Bạn tu của tôi thuật lại cảm giác sâu sắc trong cái đêm nằm xuống một lúc bỗng nhớ, ổ di chúc mình viết xong hôm nay rồi, vậy rất có thể đêm nay là cuối! Bạn liền nằm ngay ngắn theo thể kiết tường *nhất ý* niệm một câu kinh. Rồi giấc ngủ trôi tới, như cái chết đang diễn. Hoặc mở mắt thấy trời sáng, hoặc được ân đức Phật lực gia trì mở mắt là cõi tịnh; nhưng rồi cô thấy trời sáng bảnh.

Tôi liền học theo viết di chúc cho mình. Mạng người mong manh trong từng hơi thở. Cuộc đời can qua vô thường. Bóng cây roi vô thường luôn hiển hiện giữa đêm tối và trong cả giấc mơ của bạn và tôi. Bậc đạo sư vẫn nói, chết là chuyện nhỏ; chết tái sanh làm nợ quý bằng sanh hay vào địa ngục mới là chuyện lớn. Lớn hơn bất cứ điều gì ta đang có. Sợ chết là một bệnh hiểm, là một trọng tội trong cuộc tiến hóa vận mạng. Tôi không nghĩ mình chữa lành căn bệnh này song vẫn tin sẽ nhạt bớt sự bám víu trần gian mà sớm hay muộn ai cũng phải rời bỏ. Cái thân huyễn hợp này lúc tìm ngưng đập sẽ thành đồng rác bụi nhụi thổi rữa xông thấu tận trời xanh. Bạn tôi nói việc này cần *chân thật*; tở di chúc sẽ là thước đo sự cầu giải thoát chính đáng của ta. Tở di chúc để thưa với Phật rằng con đã buông mình đón pháp màu chiếu rọi; để biết ta không cầu giải thoát bằng ảo vọng, bằng một tâm bám víu và lường gạt ngay chính bản thân. Tở di chúc sẽ giúp ta chỉ sống với đạo, rằng ngoài việc sống trọn với thực tại, ta không còn phải *làm thêm* bất cứ việc gì ngoài hành pháp. Tở di chúc cũng xem là điều thiết yếu bước đầu tập tấy nã về khái niệm tự ngã lưu cửu từ vô thì kiếp.

Ân sư của tôi giảng đến cảnh giới Hoa Nghiêm thì nói toạc, *ngay đến hoàng pháp lợi sanh cũng buông xuống*, một khi chưa nhận tự tánh, chưa đủ định lực giải độc tham sân si mạn, hay ít nhất tự mình soi vào tiêu chuẩn của kinh và lời chư Tổ thấy nguy cơ vào ác đạo dễ như bỡn. Có vị thầy còn "hứa", sẽ chưa ra độ người một khi chưa chứng Thánh. Sanh tử luôn nghiệt ngã!! Nhiều lúc chúng ta bị tự ngã lừa gạt, bởi tâm thức chưa siêu vượt khỏi u ám của nghiệp tập chông chắt trong từng ý niệm. Tự ngã nhạt dần, mới là lúc ta có thể bắt đầu tập làm việc. Như tôi thường lăng xăng bận rộn, khiến Phật sự mang tiếng, âu là cái tâm còn quá vọng động đảo điên. Suy cho cùng,

có chăng *sở đắc* thì đó là sở đắc cái không cầu đắc gì cả. Bạn tu của tôi nhắc, định lực của một người thể hiện ở sự vượt lên mọi mức sở chúng và dĩ nhiên khó ai có thể nhận ra. Tôi có cảm nghiệm sâu sắc về một bộ phim kiếm hiệp xem hồi nhỏ, tiếc là không nhớ tên nhân vật mai danh ẩn tích ấy. Khi những cao thủ võ lâm tranh đấu lên ngôi bá chủ, để thiên hạ biết ai mới thực tài, giữa cuộc tương tàn bỗng xuất hiện người quét lá sân chùa ngăn lại; nội công không hề tầm thường của vị này khiến đôi bên tức thì rụt tay. Mới hay cao thủ đích thực là người bước hẳn ra ngoài tài danh. Chư Phật và Bồ-tát, ngoài những vị phải hiện tướng giảng kinh thuyết pháp, còn quá nhiều bậc "vô tu vô chứng" trên đời sống như một bông hoa đại giữa vườn hoang để ai ngang qua vô tình nhận được ân đức từ bi lan tỏa. Các vị hóa hiện giữa nhân gian âm thầm độ những chúng sanh có tiền duyên và họ trở thành những ân sư tâm linh ẩn mật sống rồi ra đi trong lặng lẽ tuyệt cùng! Thực sự nếu không được kinh *Hoa Nghiêm* "khai thị" về sự ẩn mật của chư Phật Bồ-tát giữa nhân gian tôi sẽ mù tịt, và có thể tôi đã xuống địa ngục thọ báo tội coi rẻ những "phàm nhân" ấy không chừng. Tùy cơ thuyết pháp, tùy loài hóa hiện, tùy phiền não nghiệp chướng của chúng sanh mà mở bày tánh đức. Các Ngài có thể là khoa học gia, là bác sĩ, là nhà huyền học, là bậc thức giả, văn nghệ sĩ, là giáo chủ, thương gia, nhà bảo vệ cứu trợ động vật. Các Ngài cũng có thể là đầu bếp, là người gieo duyên công quả ở chùa; biết đâu chừng họ cũng có thể là một người "ngây thơ" đại đột theo cách hiểu nhân gian để nhắc ai đó trở về với sự trong trẻo vốn có. Tôi từng gặp người bán vé số có nét gì rất lạ tở ra; một người ăn xin ở quán nọ vô tình gieo cho tôi cơ hội nhỏ cúng dường; hay bất kỳ là ai ở bất kỳ ngành nghề nào gặp ta nói một câu vu vơ để một ngày chợt giặt mình nhức nhối. Tôi cũng từng gặp một người nhạt rác trong niềm hạnh phúc với công việc đang làm, như đang nhắc tôi sống với thực tại để làm hiển lộ tánh giác, còn *cái ngã ta* chỉ là ảo vọng đưa về nẻo khổ. Bạn tu kể với tôi chuyện được "thiền tri thức" biểu pháp. Đang ngồi ở một quán nước, bỗng một con người nhấp nháp khác thường, phanh xe; ông bước tới cái bàn chủ quán chưa kịp dọn, tráng những ly cà-phê và nước ngọt thừa của khách đổ chung vào một ly, ông uống cạn trong vẻ mặt thản nhiên tuyệt tĩnh khiến "khán giả" mang tiếng tu hành co rúm. Rồi họ đi. Bạn sẽ nghĩ chuyện này bình thường, và trong đời có rất nhiều người như thế. Nhưng với tôi lúc nghe câu chuyện này lại nhận một tầng nghĩa khác. Tôi hình dung đến con người đã hoàn toàn phá tan tự ngã ấy; nó khiến kẻ *tu hèn* như tôi muốn sụp xuống lạy cái hành động bình thường ấy mà không làm nổi. Trong tâm là cả một thế giới, tôi lại chấp chửi xiu sạch sẽ, khiến "giấc mơ con đè nát cuộc đời".

Cái tự biết luôn hiển hiện ở sáu căn thức tỉnh ta ở lại với thực tại; thực tại đó chính là ta buông theo vô thường; buông theo vô thường tức hành giả đang đứng trong Đạo. ■



VÕ THỊ MINH PHỤNG - VÕ THỊ HƯƠNG DƯƠNG

Quan niệm xã hội Trung Quốc và Á Đông từ ngàn xưa đã chịu ảnh hưởng của hai luồng tư tưởng chính là Nho giáo và Phật giáo. Hiếu đạo và Phật giới là hai khái niệm căn bản của tư tưởng ấy có lý luận và thực tiễn cao độ. Bài viết này thông qua việc dịch và nhận xét một bản văn trích của một vị cao tăng cuối đời Minh, ngài Trí Húc (1599-1655) nhằm nêu bật sự tương quan và tác dụng tốt của việc sống hiếu đạo và giữ giới Phật, không những chỉ có ảnh hưởng trong xã hội Á Đông cổ thời, mà còn góp phần tốt đẹp vào việc nâng cao đạo đức trong xã hội ngày nay.

1. Tiểu dẫn

"Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Đau khổ thay kiếp sống cứ tái diễn mãi! Hỡi kẻ làm nhà! Nay Ta gặp được người rồi. Người không thể làm nhà nữa. Cột và đòn tay của người đều gãy cả, nóc và xà nhà của người đã tan vụn rồi. Ta đã chứng đắc Niết-bàn, bao nhiêu đức ái đều dứt sạch"¹.

Một vị cao tăng người Tích Lan, ngài Narada, ghi nhận: "Đây là lời Đức Thích-ca ngay sau khi thành đạo, tâm sinh hoan hỷ (udāna, paeon of joy) mà nói ra. Sau này có lần nhân ngài A-nan hỏi nên Phật nói lại lời đó"².

Thốt lên bài kệ Khải hoàn, khúc Hoan ca ấy khi sao mai vừa tỏa rạng, ánh thái dương rạng rỡ bắt đầu ngày mới, Đức Thế Tôn từ cội Bồ-đề đứng lên, đặt đôi chân đầu tiên trên cội đất này, dạy về sự tái sinh của chúng

sinh, chết ở đây rồi sinh ở đó, có thời gian sinh mạng hưởng vui, có thời gian thọ khổ tùy theo kết quả hành vi mà chúng sinh ấy đã làm. Dạy về mối liên hệ thân thuộc giữa muôn loài chúng sinh qua vô số lần gặp gỡ rồi chia xa trong sự quanh vòng bất tận của bánh xe sinh tử, Phật-đà dùng ví dụ rất dễ hiểu; Ngài nói đại ý: Nếu có người gom hết cỏ, cây chặt thành khúc thành nhánh; gom hết cây, cỏ của địa cầu này lại, rồi cầm từng nhánh cây cỏ nhỏ mà nói rằng: 'Đây là mẹ tôi, đây là bà ngoại tôi!', hoặc giả sử có người lấy đất vo thành những viên nhỏ rồi cầm từng viên và nói: 'Đây là cha tôi, đây là ông nội tôi!' thì sẽ dùng hết số lượng cây cỏ, đất đai của quả đất này mà vẫn chưa đếm hết số lượng cha mẹ, ông bà của một người đã có mối liên hệ thân yêu trong quá khứ! (dĩ nhiên còn hàm ý: sẽ còn vô lượng ông bà, cha mẹ trong vô số kiếp sống tương lai, bao lâu ta chưa vượt thoát ra được vòng xoay sinh-tử vô thì vô chung đó)³.

Như vậy, chúng ta thấy lời Phật dạy về sự tương quan mật thiết, ảnh hưởng lẫn nhau, tác động lên nhau để *cùng* (xin được nhấn mạnh chữ "cùng") giúp nhau hướng đến sự an vui, cho đến an vui tuyệt đối (như tiếng Reo ca ở đầu bài), hay cùng kéo nhau đi xuống, chạy mau đến và rơi vào khổ cảnh; những lời dạy của Ngài, những cách mà Ngài chỉ cho để sống, hành động, những gì mà Ngài khuyên răn, ngăn cấm, v.v... Tất cả mọi lời, mọi điều ấy, gọi là Giáo và Luật (Giới). Tất cả đều được bắt rễ sâu xa, có căn cứ, nền tảng rất vững chắc trên Sự thật. Sự thật Ví đại có tính Vũ trụ mà Phật-đà tự

thân đã thấu suốt toàn diện và hướng dẫn cho nhân sinh với tất cả tấm lòng trắc ẩn, thương xót vô biên...

Phật giáo truyền thừa vào Trung Quốc cho đến đời Minh, tính đến thời gian ngài Trí Húc tại thế, lịch sử hoàng pháp đã trải qua 16 thế kỷ⁴, lúc thăng lúc trầm nhưng tư tưởng Phật học ngày càng thấm sâu, ảnh hưởng ngày càng mạnh, rộng và có những thành quả tích cực về mặt dân sinh, xã hội rõ rệt. Tuy vậy, tầng lớp Nho sĩ cầm quyền và lớp trí thức Nho học không phải hoàn toàn “tâm phục, khẩu phục” Phật giáo. Nho gia phê bình người xuất gia là “bất trung, bất hiếu”. Vậy, người xuất gia phải biện bạch như thế nào để tầng lớp Nho học (kể thêm cả giới theo Lão giáo) và quần chúng hiểu, rõ ràng Phật tử (hàng xuất gia và tại gia) không những không phải là “bất hiếu” mà còn là “đại hiếu”, “cự hiếu”? Nói cách khác, người Phật tử phải chứng minh cho người ngoài đạo Phật thấy rõ (qua cả lý luận và thực tiễn) rằng một nếp sống Phật tử đúng nghĩa thì không những hoàn thiện Thế Hiếu: sự Hiếu theo quan niệm Nho gia, mà còn làm phong phú hơn, sâu sắc hơn cuộc sống của hiếu tử và tất nhiên đóng góp tích cực vào việc xây dựng một xã hội trật tự, an vui và hướng đến trong thời gian tương lai vô tận, hiếu tử sẽ an trú trong những hoàn cảnh càng lúc càng tốt đẹp hơn. Phật tử gọi đó là sống theo “Xuất Thế Hiếu”⁵.

Qua bài viết dưới đây, chúng ta hãy lắng nghe sự luận bàn về Nho Hiếu và Phật Giới của một vị cao tăng đời Minh, Trung Quốc, ngài Ngẫu Ích Trí Húc. Lấy kinh *Phạm Võng*⁶ làm chỗ lập cước, sư Trí Húc vừa giải thích văn kinh vừa luận bàn như sau:

2. Văn bản

2.1 Hán văn:

孝闻说

世出世法，皆以孝順為宗。《梵網經》云：“孝順父母師僧三寶，孝名為戒。蓋父母生我色身，師僧生我法身，三寶生我慧命，是故咸須孝順”。而欲修孝順者，尤須念念與戒相應。如曾子雲：無故而殺一蟲蟻，非孝也。世孝尚爾！況出世間乎！以要言之，真能孝順父母師僧三寶，決不敢犯戒造惡。經言：“孝名為戒者”，正欲人以戒為孝故也。夫世間孝，以朝夕色樣為最小，以不辱身不玷親為中，以喻親於道為大。出世孝亦如是，勤心供養三寶，興崇佛事，小孝也。脫離生死，不令佛子身久在三界淪溺，中孝也。發無上菩提心，觀一切眾生無始以來皆我父母，必欲度之令成佛道，此大孝也。舜盡世間大孝之道，玄德聞於法界，必成無上菩提。明矣！⁷

2.2. Việt dịch

Nói về Hiếu

Có nhận thức, lối sống đạo đức thông thường, cũng có nếp sống đạo lý cao rộng hơn, hoàn thiện hơn, cả hai cách sống đều lấy Hiếu Thuận làm nguyên tắc chủ

yếu⁸. Kinh *Phạm Võng* dạy rằng: “Hiếu thuận cha mẹ, thầy dạy cho Phật Pháp, phụng sự Ba Ngôi Báu; Hiếu, ấy là tuân giữ Giới vậy”. Vì cha mẹ sanh tạo cho ta tấm thân máu thịt, Thầy trao giới pháp của Phật, truyền cho ta bản thể của Giới Phật, nhờ nương tựa Tam Bảo, cuộc sống ta sáng bừng Trí Huệ, Trí Huệ là sự sống luôn sống động trong tâm trí ta. Chính vì biết tri ân, nên ta sống hiếu thuận với cả ba bậc cha mẹ. Nhưng muốn sửa đổi đời mình để sống hiếu thuận, thì cách tốt nhất là phải tập điều chỉnh từng ý nghĩ trong chuỗi suy tư của ta sao cho phù hợp với giới luật Phật. Thầy Tăng Sâm (một người học trò của Khổng Tử) có lần nói: “Vô cớ mà giết một con sâu con kiến thì phạm vào đạo Hiếu vậy!”⁹. Đạo lý Hiếu ở thế gian còn vậy, huống hồ Hiếu theo Phật đạo còn cao sâu, mẫu nhiệm chừng nào! Nói tóm lại, trong sinh hoạt quyết tâm không dám vi phạm Giới Luật, sống ác mất đức, mới thật sự có thể sống thực hành hiếu thuận với ba bậc cha mẹ là song thân, thầy tổ, Phật Pháp Tăng. Kinh *Phạm Võng* dạy: “Hiếu, ấy là tuân giữ Giới vậy.” Đó chính là muốn chúng ta sống cuộc đời có giới đức vốn dĩ tự bao hàm hiếu thuận, cho nên Kinh nói lấy Giới làm Hiếu là vậy. Ôi! Sống có Hiếu thông thường theo người đời chỉ là dùng lối đối đãi với tấm thân phù du sớm còn tối mất của cha mẹ, hiếu cách ấy quá thấp; trong cuộc mưu sinh lấy sự không làm nhơ nhục thanh danh, gây liên lụy tủi hổ cho các bậc sinh thành, ấy là giữ hiếu ở mức vừa phải; dịu dàng khuyên nhủ song thân sống đời ngay chính, ấy là thi hành Hiếu đến tầm cao, lớn. Hiếu trong nếp sống Phật tử cũng có ba tầm mức như vậy; Siêng năng cung cấp vật dụng cần thiết giúp các vị tu hành, thực hành nghi lễ tôn kính Tam Bảo, dấy lên lòng nhiệt thành thực hiện những việc cao đẹp theo Phật pháp, đây là Hiếu theo Phật ở mức nền tảng. Chăm chăm nhắm tới đích giải thoát, không để thân tâm phụng hành giới hạnh này phải vương vít đắm chìm lâu trong vòng sinh tử nữa, đây là hạng ở chặng giữa con đường Hiếu trong Phật đạo¹⁰. Quyết tâm chứng đạt Đại trí Đại bi như Phật, thấu suốt mối liên hệ thân thiết giữa ta và muôn loài chúng sanh từ mịt mờ xa xưa đến hiện tại, tất nhiên chí quyết đưa hết thầy đến nơi An Vui Tuyệt Đối. Vì chúng sanh, cùng chúng sanh mà tu tập để cùng đạt đến sự sáng suốt bao trùm cả vũ trụ¹¹. Đại Hiếu là vậy. Sống hiếu thuận như vua Thuấn là đạt được hiếu lớn ở mức thế gian, còn người Phật tử giới hạnh vẹn toàn, quên mình mà phụng sự chúng sanh, đức lớn ấy tác động toàn vũ trụ (Huỳnh đức văn ư Pháp giới), đương nhiên thành tựu sự sáng suốt toàn thiện, viên mãn không gì cao hơn nữa. Vậy là rõ ràng rồi!

3. Suy nghĩ của người viết

sau khi hoàn thành bài dịch

Trí Húc đại sư (1599-1655) là một cao tăng cuối đời Minh Trung Quốc. Ông người làng Bản Độc, huyện Ngô

(nay Giang Tô), tục họ Chung, tên Tế Minh, tự Ngẫu Ích, hiệu Nhập Bất Đạo Nhân. Sư có một sở học uyên bác không chỉ về các tông phái của Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo, mà còn nghiên cứu Cơ Đốc giáo. Các tác phẩm của sư rất nhiều, trong đó *Lãng Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa* (2 quyển), *Lãng Nghiêm Kinh Văn Cú* (10 quyển), *A Di Đà Phật Kinh Yếu Giải* (1 quyển), *Kim Cang Kinh Pháp Không Luận* (1 quyển), *Phạm Võng Kinh Hợp Chú* (7 quyển) v.v... Các tác phẩm này được tập hợp với tiêu đề là *Ngẫu Ích đại sư tông luận* 藕益大师宗论, còn gọi là *Linh Phong tông luận* 灵峰宗论. Người đời sau gọi sư là Linh Phong Ngẫu Ích đại sư, là một trong bốn Đại cao tăng của đời Minh Trung Quốc, là vị Tổ thứ 9 của tông Tịnh Độ. Tác phẩm *Nói về Hiếu* nằm trong quyển 4 của *Linh Phong tông luận*¹².

Tác phẩm *Nói về Hiếu* được viết trong hoàn cảnh xã hội Trung Quốc cuối đời nhà Minh bước vào giai đoạn suy thoái trầm trọng. Hoàng đế lơ đãng triều chính dẫn đến kinh tế xuống dốc, các tông phái nổi lên công kích lẫn nhau, trong đó tầng lớp Nho sĩ cầm quyền và tầng lớp trí thức Nho học công kích vào những thành phần Tăng lữ sống sa đọa xa lìa Giới luật, phê bình người xuất gia là “bất trung, bất hiếu”. Vậy, người xuất gia, sư Trí Húc, một trong những vị tinh hoa của Phật giáo phải biện bạch như thế nào để tầng lớp Nho học và quần chúng biết rõ, một nếp sống Phật tử đúng nghĩa không chỉ hoàn thiện sự hiếu theo như Nho gia quan niệm, mà còn làm phong phú hơn, sâu sắc hơn cuộc sống của một hiếu tử, và tất nhiên đóng góp vào việc xây dựng một xã hội an ninh trật tự, an vui hạnh phúc và hướng đến trong thời gian tương lai vô tận. *Nói về Hiếu* của Đại sư Trí Húc là một bài viết vừa có tính hoàng pháp vừa có tính hộ pháp, không chỉ có ý nghĩa cho xã hội cuối đời Minh đương thời, mà còn có ý nghĩa thực tiễn sinh động ngay trong xã hội của chúng ta hiện nay.

Hiếu thảo là một điều tự nhiên của con người. Một điểm xuyên suốt trong bài *Nói về Hiếu* của sư Trí Húc chính là giữ Giới, vậy thì tại sao giữ Giới chính là thực hành Hiếu đạo? Giới có nguyên ủy từ vũ trụ, nó có tính tất yếu và là phương pháp giúp con người trở về dòng tâm vốn trong sạch và sáng suốt của nó. Nói cách khác, Giới là giữ gìn phạm hạnh của cá nhân không phạm phải sai lầm tội lỗi¹³; là đình chỉ các hành vi phi pháp của thân, miệng và ý; là ngăn chặn các ác nghiệp và là thực hành các điều thiện. Giới sinh khởi từ nơi ước muốn của một người thiết tha học tập theo các điều thiện để sống đời yên vui. Giới cơ bản gồm có năm điều: 1. không sát sanh; 2. không lấy của không cho; 3. không tà dâm; 4. không vọng ngữ; và 5. không uống rượu. Người giữ các Giới này không chỉ giữ ở thân, miệng, mà trong cả ý nghĩ cũng không nghĩ đến, dù thấy Giới còn đi sâu đến tận gốc rễ hơn cả Luật pháp hiện hành. Từ công năng của việc giữ Giới, ta có thể thấy rằng: 1. nếu một người giữ Giới, thì anh ta đang từ bỏ việc làm

phi pháp, nhờ vào không làm việc phi pháp nên anh ta không tạo ác nghiệp và anh ta đang làm điều thiện; 2. anh ta đang tránh xa hai cực đoan là khổ hạnh và buông lung trong các dục, nhờ đó anh ta dễ sống đời ít muốn mà không bị ràng buộc bởi các khao khát; 3. nhờ không làm điều ác, nên thân tâm bình lặng, nhờ bình lặng nên dễ sinh trí tuệ. Đây là nền móng của thành tựu lòng thương và giác ngộ; 4. nhờ giữ Giới nên được ngăn ngừa phòng hộ năm cửa: mắt, tai, mũi, lưỡi và thân đối với năm ngoại giới: sắc, thanh, hương, vị và xúc không có khả năng xâm nhập điều ác để tạo ác¹⁴. Do Giới làm đình chỉ và chặt đứt các hành vi ác, nên người hành trì được phòng hộ bởi năng lực của định, nhờ có năng lực của định nên phát khởi lòng tri ân và báo ân đối với cha mẹ. Vì vậy muốn làm tròn đạo nghĩa của người con đối với cha mẹ, ông bà tổ tiên, thì người đó phải giữ Giới là vậy. Đây là lời giải thích về chuỗi nhân quả của Giới, viết ra tựa như một lý luận, nhưng thực ra thì giữ giới là việc tự nhiên, cũng như nói đến Hiếu thảo là một điều tự nhiên, người không giữ giới không hiếu thảo được xem là người kỳ! Chính như Trần Văn Chánh trong Lời tựa của cuốn sách *Tư tưởng Hiếu đạo trong Phật giáo* cho rằng: “Lòng hiếu thảo trước hết là một loại tình cảm tự nhiên xuất phát từ đáy lòng được tạo nên chủ yếu bởi tình thương mà ra¹⁵”.

Với lời văn nhẹ nhàng mà sâu sắc, sư Trí Húc chỉ ra rằng đạo Hiếu mà Nho gia đề xướng mẫu người Quân tử trong Hiếu Kinh là “người con hiếu phụng dưỡng cha mẹ, ăn ở phải hết sức cung kính, cung dưỡng cha mẹ phải hết mực vui vẻ, khi cha mẹ ốm phải lo lắng hết lòng, khi lo việc tang lễ phải cực kỳ thương xót, khi cúng tế cha mẹ phải vô cùng trang nghiêm”. Hiếu cách này mới chỉ ở mức thấp thôi, còn dùng đúng chữ của tác giả là nhỏ nhất (tối tiểu 最小), bởi vì đây chỉ là lối đối đãi với tấm thân phù du sớm còn tối mất của cha mẹ. Nhà Nho chỉ mới nhìn hiếu đạo như mới xem được một khúc phim ngắn trong một bộ phim dài tập. Phật-đà đã dùng rất nhiều ví dụ để dạy về sự tái sinh của chúng sanh, dạy về mối liên hệ thân thuộc giữa muôn loài chúng sanh qua vô số lần gặp gỡ rồi chia xa trong sự quay vòng bất tận của bánh xe sinh-tử. Dụ như có người gom hết cây cỏ của quả địa cầu này lại, rồi cầm từng nhánh cây cỏ nhỏ mà nói rằng: ‘Đây là mẹ tôi, đây là cha tôi, đây là ông nội tôi...’; hoặc có người lấy đất vo từng viên nhỏ, rồi cầm từng viên mà nói: ‘Đây là bà nội tôi, đây là bà ngoại tôi’, thì sẽ dùng hết số lượng cây cỏ, đất đai của quả đất này mà vẫn chưa đếm hết số lượng cha mẹ, ông bà mà một người đã có mối liên hệ thân yêu trong quá khứ! Đây chính là lý do mà một người con hiếu không những chỉ hoàn thiện Thế hiếu: sự Hiếu theo quan niệm Nho gia, mà còn khéo léo khuyên nhủ song thân sống đời ngay chính để có được an vui tuyệt đối, mà còn tìm cách giúp người sao cho phù hợp nhất như con hiếu chăm sóc cha mẹ ruột của mình.



Nương vào trí tuệ, sống đời mẫu mực, phẩm cách cao quý. Không để thân tâm phụng hành giới hạnh này phải vướng vít chìm lâu trong sinh tử. Quyết tâm đạt Đại trí Đại bi như Phật, vì chúng sanh, cùng chúng sanh mà tu tập để cùng đạt đến sự sáng suốt bao trùm cả vũ trụ (Thành Phật đạo, thành Vô thượng Bồ-đề). Đây chính là sự khác biệt giữa hiểu Nho gia và Phật giáo. Kết thúc bài viết với câu: “Vây là rõ ràng rồi!” là chỉ cho tầng lớp Nho sĩ cầm quyền và lớp trí thức Nho học biết, rằng Phật tử - hàng xuất gia và tại gia - không phải là “bất trung, bất hiếu” mà còn là “đại hiếu, cự hiếu”!

Bài “Nói về Hiếu” của sư Trí Húc gồm 15 câu và 265 chữ, với văn phong biến ngẫu đối xứng, súc tích về nội dung, đi từ thấp lên cao, bắt đầu đi từ lối sống đạo đức thông thường đến nếp sống đạo lý cao rộng nên dễ đi vào lòng người đọc. Bài viết vừa có tính hoàng pháp vừa có tính hộ pháp, không chỉ là lời tuyên bố sắc bén đối với tầng lớp Nho sĩ cầm quyền, là lời sách tấn đối với hàng xuất gia và tại gia đương thời, mà còn là lời khuyến tấn đối với những ai nguyện sống đời hiếu đạo ngày nay. ■

Chú thích:

1. Thích Chơn Thiện, Thích Hải Ấn (2014). *Kinh Pháp Cú Pali-Anh-Việt-Hán đối chiếu*. Câu 153, 154. Nxb Hồng Đức, HN, tr.105.
2. *Kinh Pháp Cú Pali-Anh-Việt-Hán đối chiếu*, Sđd, Chú thích số 10, tr.296.
3. Về sự kiện chứng đắc ba cái Thấy Thấu Suốt Toàn Diện (Tam Minh) của Bồ-tát Tất-đạt-đa trong đêm cuối ngay trước khi đạt quả vị Phật-đà, đích thân Đức Thế Tôn kể lại cho đệ tử trong bài Kinh Saccaca của *Trung Bộ kinh*, bài kinh số 36. Xem *Bhikkhu Bodhi*, Trần Như Mai dịch (2016). *Hợp tuyển Lời Phật dạy từ Kinh tạng Pali*, Tàng thư Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Nxb Hồng Đức, HN, tr.107-108-109. Hai ví dụ có cây, hòn đất, xem *Hợp tuyển Lời Phật dạy từ Kinh tạng Pali*, sđd, tr.72-73.
4. Viên Trí (2006). *Lược sử Phật giáo Trung Quốc - Từ thế kỷ I SCN đến thế kỷ X*. Nxb Tổng Hợp, TP.HCM, tr.47.
5. Thích Nhuận Đạt tuyển dịch (2012). *Tư tưởng Hiếu đạo trong Phật giáo*. Nxb Tổng Hợp, TP.HCM, tr.129-168.
6. *Kinh Phạm Võng*, gọi đủ là: Phạm Võng kinh lô-xá-na Phật thuyết Bồ Tát Tâm địa Giới phẩm Tâm địa, cũng gọi là Phạm võng Giới phẩm.
7. Chúng tôi có chỉnh câu lại một đôi chỗ.
8. Chữ “Pháp” có rất nhiều nghĩa; “pháp” viết thường, “Pháp” viết hoa, trong Phật học càng có nhiều nghĩa hơn nữa. Xin xem trong các từ điển Phật học. Trong bài này, ở câu mở đầu, chúng tôi dịch như vậy.
9. Vì theo Nho gia, nguyên lý vận hành của vũ trụ theo hướng phát triển “sinh sinh hóa hóa”, thuận theo sự trường dưỡng: “Thiên địa hiếu sinh”.
10. Ngài Ngẫu Ích ám chỉ hàng “Tiểu thừa” chỉ riêng lo tu tập để giải thoát cho riêng mình.
11. Người dịch “diễn ý” các cụm từ “Thành Phật Đạo”, “Thành Vô Thượng Bồ-đề”.
12. *Hồng Học tuyển biên* (2006).
13. Thích Nhựt Chiêu (2010). *Chú giải Giới Bản Bồ-tát trong*

kinh Phạm Võng. Nxb Tôn Giáo, HN, tr.5.

14. Phước Nguyên.(2015). *Tổng luận Ý nghĩa Sila - Học xứ*. <http://thuvienhoasen.org/a23303/tong-luan-y-nghia-la-hoc-xu> ; đăng ngày 14/7/2015.

15. Nhiều tác giả, Thích Nhuận Đạt tuyển dịch.(2012). *Tư tưởng hiếu đạo trong Phật giáo*. Nxb Tổng Hợp, TP.HCM, tr.7.

Tài liệu tham khảo:

A. *Kinh Phạm Võng, các bản Việt dịch và chú giải:*

1. Thích Nhựt Chiêu biên soạn (2010). *Chú giải Giới bản Bồ-tát trong kinh Phạm Võng*. Tập 4 trong tùng thư Giới Luật Thiết Yếu Hội Tập gồm 8 tập. Nxb Tôn Giáo, HN.

2. Thích Quảng Độ (2014). *Phật Quang Đại Từ Điển*, Nxb Phương Đông, TP.HCM.

2. Thích Trí Quang dịch giải (1994). *Bồ-tát giới Phạm Võng*. Nxb TP.Hồ Chí Minh.

3. Thích Trí Quang biên tập (2010). *Tổng tập Giới pháp xuất gia*, 2 tập. Nxb Văn Hóa Sài Gòn, TP.HCM. (Phần dịch và giải *Kinh Phạm Võng* từ trang 221 đến 680 trong tập 1).

4. Hoàng Tấn (1511-1685) sớ giải, Thích Trí Hải dịch (2001). *Phật nói Kinh Phạm Võng Bồ-tát Tâm địa phẩm - Lược sớ*. Nxb Tôn Giáo, HN.

5. Thích Nữ Tuệ Như soạn dịch (2010). *Phạm Võng Bồ-tát giới kinh*. Nxb Phương Đông, TP.HCM.

6. Lý Viên Tịch biên soạn, Thích Nhựt Chiêu dịch (2004). *Hội giải giới bản Bồ-tát trong kinh Phạm Võng*. Nxb Tôn giáo. HN. (Trong bản in này, phần “giải” được dịch từ phần giải của Đại sư Ngẫu Ích trong “Phạm Võng Kinh hợp chú”).

7. Thích Trí Tịnh dịch giảng (1997). *Kinh Phạm Võng-Lược giảng Nghi thức tụng giới Bồ-tát*. Thành hội Phật giáo Hồ Chí Minh, TP.HCM.

B. *Các Kinh, Sách nói về Hiếu trong đạo Phật và các truyền thống tốt đẹp:*

8. Phúc Điền dịch (1995) *Kinh Tâm Địa Quán*. Phẩm 2 Báo ân. Thành hội Phật giáo Hồ Chí Minh, TP.HCM.

9. Vũ Thế Ngọc biên soạn.(2008). *Lễ Vu-lan và Văn tế Thập loại Chúng sinh*. Nxb Phương Đông, TP.HCM.

10. Nhiều tác giả, Thích Nhuận Đạt tuyển dịch (2012). *Tư tưởng hiếu đạo trong Phật giáo*. Nxb Tổng Hợp, TP.HCM.

11. Thích Thiện Siêu, Thích Minh Châu (1998). *Chữ Hiếu trong đạo Phật*, Nxb TP.Hồ Chí Minh.

12. Nhiều tác giả (2010). *Ấn Nghĩa Sinh Thành*. Nxb Phương Đông, TP.HCM.

13. Phước Nguyên (2015). *Tổng luận Ý nghĩa Sila - Học xứ*. <http://thuvienhoasen.org/a23303/tong-luan-y-nghia-la-hoc-xu> ; đăng ngày 14/7/2015.



Bất kỳ bạn ở đâu, giác ngộ ở đó

THIÊN SƯ SHUNRYU SUZUKI
CAO HUY HÓA dịch

Đây là bài giảng pháp của Thiền sư người Nhật Shunryu Suzuki (1904-1971) tại thiền đường Tassajara đã lâu rồi, nay được đăng lại trên tạp chí Phật giáo Lion's Roar ngày 19/5/2017. Thiền sư là vị sáng lập Trung tâm Thiền tại San Francisco và Trung tâm Thiền Tassajara trên núi. Nhiều bài giảng pháp của thiền sư đã được tập hợp thành sách, trong đó có sách rất nổi tiếng Zen Mind, Beginner's Mind.

Trong tu tập của chúng ta, điều quan trọng nhất là nhận ra chúng ta có Phật tính. Chúng ta biết điều đó, về mặt trí tuệ, nhưng thật là khó để tiếp nhận. Cuộc sống hàng ngày là trong lãnh vực của tốt và xấu, lãnh vực của nhị nguyên, trong khi Phật tính chỉ tìm thấy trong tuyệt đối, ở đó không có cái tốt không có cái xấu. Có một thực tại hai mặt. Thực tập của chúng ta là để vượt ra ngoài lãnh vực của tốt và xấu, và để nhận ra cái tuyệt đối. Có thể khó để hiểu ra điều đó.

Thiền sư nổi tiếng Hashimoto, viên tịch năm 1965,

bảo rằng, cách thức chúng ta (người Nhật) nấu ăn là sửa soạn mỗi thành phần một cách riêng rẽ. Gạo ở đây, dưa chua ở đó. Nhưng khi bạn nạy chúng vào dạ dày, bạn không biết cái nào là cái nào. Súp, cơm, dưa chua và mọi thứ trộn lẫn nhau. Đó là thế giới của tuyệt đối. Khi nào mà cơm, dưa chua và súp vẫn còn giữ riêng biệt thì chúng không hoạt động. Bạn sẽ không được nuôi dưỡng. Việc này cũng giống như sự hiểu biết về mặt trí tuệ hay kiến thức sách vở - nó vẫn tách biệt với đời sống thực của bạn.

Thực tập thiền tọa (Zazen) là hòa trộn những lối hiểu biết khác nhau mà chúng ta có được và để chúng cùng làm việc với nhau. Một ngọn đèn dầu hỏa không thể làm việc được chỉ vì nó đầy dầu hỏa. Nó còn cần không khí để cháy, và dù có không khí thì nó cũng cần diêm. Nhờ sự trợ giúp của diêm, không khí và dầu hỏa, ngọn đèn mới làm việc được. Đó là thực tập thiền zazen của chúng ta.

Cùng một cách như vậy, dầu ngay cả khi bạn nói, "Tôi có Phật tính," điều đó vẫn chưa đủ. Nếu bạn không có người đồng tu hay tăng đoàn, thì vẫn chưa được.

Khi chúng ta thực tập với sự trợ giúp của tăng đoàn - được Phật giúp đỡ - thì chúng ta thực tập zazen trong nghĩa đích thực của nó. Chúng ta sẽ có ánh sáng bùng nổ ở đây trong thiền đường Tassajara hay trong đời sống hàng ngày.

Dĩ nhiên có được kinh nghiệm giác ngộ (tạm gọi như thế) là quan trọng, nhưng cái quan trọng hơn là biết làm thế nào điều chỉnh ngọn lửa trong zazen và trong đời sống hàng ngày của chúng ta. Khi ngọn lửa ở trong trạng thái đốt cháy hoàn toàn, bạn không thấy mùi dầu. Khi đèn bị khói, bạn ngửi phải mùi gì đó. Bạn có thể nhận ra đó là cây đèn dầu hỏa. Khi đời sống của bạn ở trong trạng thái đốt cháy hoàn toàn, bạn không than phiền và không thấy cần phải lưu tâm đến thực tập của bạn. Nếu chúng ta nói quá nhiều về zazen, ấy là cây đèn dầu hỏa đã có khói rồi đấy.

Có thể tôi là cây đèn dầu hỏa đầy khói. Tôi không nhất thiết muốn thuyết giảng gì cho ai. Tôi chỉ muốn được sống với các bạn: di chuyển đá, tắm suối nước nóng, ăn món ngon gì đó. Thiền (zen) là ở ngay đó. Khi tôi bắt đầu nói thì cây đèn dầu đã có khói rồi. Khi nào mà tôi còn thuyết giảng thì tôi phải giải thích: "Đây là thực tập đúng, đây là sai, đây là cách để thực tập thiền zazen...". Giống như người ta cho bạn công thức làm món ăn. Công thức đó không tự làm việc được. Bạn không thể ăn công thức.

Thông thường, một thiền sư sẽ nói: "Thực tập zazen thì bạn sẽ đạt trạng thái giác ngộ. Nếu bạn đạt được giác ngộ, bạn sẽ buông bỏ mọi thứ, và bạn sẽ thấy mọi sự như nó là." Tất nhiên đó là đúng, nhưng con đường của chúng ta không luôn luôn như thế. Chúng ta đang học làm thế nào để điều chỉnh độ to nhỏ của ngọn lửa. Dogen Zenji¹ (Thiền sư Đạo Nguyên) đã làm rõ điểm này trong Shobogenzo² (Chánh pháp nhãn tạng). Lời dạy của ngài là sống mỗi thời điểm trong trạng thái đốt cháy hoàn toàn như một ngọn đèn dầu hay đèn cây. Sống mỗi thời điểm, trở thành một với tất cả, đó là điểm nhấn của lời dạy và thực tập của ngài.

Thực tập Zazen là một chuyện rất tinh tế. Khi bạn thực tập zazen, bạn ý thức về những gì bạn không chú ý trong khi bạn làm việc. Hôm nay, tôi di chuyển đá một hồi, và tôi không thấy bắp thịt của tôi mỏi mệt. Nhưng khi tôi ngồi thiền tọa một cách tĩnh lặng, tôi nhận ra, "Ồ! Mấy bắp thịt của tôi đã khá rã rời rồi". Tôi cảm thấy đau nhiều chỗ trong thân thể. Bạn có thể nghĩ bạn có thể thực tập zazen tốt hơn nếu bạn không có vấn đề gì, nhưng thật ra có vấn đề gì đó lại là cần thiết. Không cần phải là cái gì lớn lao. Nhờ có khó khăn, bạn có thể thực tập zazen. Đây là một điểm có ý nghĩa đặc biệt, chính vì thế nên Thiền sư Đạo Nguyên nói: "Thực tập và giác ngộ là một." Thực tập là cái gì đó bạn làm một cách có ý thức, cái gì đó bạn làm với cố gắng. Thế đó! Giác ngộ là ở ngay đó.

Nhiều thiền sư sơ sót ở điểm này, trong khi họ cố gắng đạt zazen hoàn toàn: những gì hiện hữu đều

không toàn hảo. Mọi thứ trên thế giới này đều thật sự hiện hữu như vậy. Không có gì ta thấy hay ta nghe là toàn hảo. Nhưng ngay ở trong sự bất toàn chính là thực tại toàn hảo. Điều này đúng về mặt trí tuệ và cũng đúng trong lãnh vực thực tập. Điều này là đúng trên giấy và đúng với thân thể của chúng ta.

Bạn nghĩ rằng bạn chỉ có thể tạo được thực tập đích thực sau khi bạn đạt được giác ngộ, nhưng không phải vậy. Thực tập đích thực được xây dựng trên ảo tưởng và trong bức bối. Nếu bạn phạm sai lầm nào đó thì đó chính là nơi để bạn tạo lập thực tập của bạn. Không có nơi nào khác cho bạn để tạo lập thực tập.

Chúng ta nói về giác ngộ, nhưng trong nghĩa đích thực của nó. Giác ngộ hoàn toàn ở ngoài tầm hiểu biết của chúng ta, ngoài tầm kinh nghiệm của chúng ta. Ngay cả trong thực tập không hoàn hảo, giác ngộ cũng ở đó. Chúng ta chỉ không biết thôi. Vì thế, điểm nhấn là tìm thấy ý nghĩa đích thực của thực tập trước khi ta đạt giác ngộ. Bất kỳ bạn ở đâu, giác ngộ ở đó. Nếu bạn đứng thẳng ngay tại nơi bạn ở, đó là giác ngộ.

Đây là cái gọi là thiền *zazen tôi-không-biết*. Chúng ta không còn biết zazen là cái gì nữa. Tôi không biết tôi là ai. Tìm được sự tĩnh lặng hoàn toàn khi bạn không biết bạn là ai hay bạn ở đâu, đó chính là bạn thừa nhận mọi sự vật như nó là. Ngay cả mặc dầu bạn không biết bạn là ai, bạn đã thừa nhận chính bạn. Đó là "bạn" trong nghĩa đích thực của nó. Khi bạn biết bạn là ai, "bạn" sẽ không phải là bạn trong thực tế. Bạn có thể đánh giá cao về mình quá dễ dàng, nhưng khi bạn bảo, "Ồ, tôi không biết", thế là bạn-là-bạn, và bạn biết bạn một cách đầy đủ. Đó là giác ngộ.

Tôi nghĩ giáo lý của chúng ta là tốt, rất tốt, nhưng nếu ta trở nên ngạo mạn và tin vào mình quá sức, thì ta sẽ lạc lối. Sẽ không còn có giáo lý, không còn có đạo Phật gì hết. Khi chúng ta tìm thấy niềm vui sống trong sự tĩnh lặng của mình, chúng ta không biết nó là gì, chúng ta không hiểu điều gì cả, khi đó tâm chúng ta rộng lớn vô cùng. Tâm chúng ta mở ra với mọi sự vật, vì thế nó đủ lớn để biết, trước khi chúng ta biết được điều gì. Chúng ta biết ơn ngay cả trước khi chúng ta có được chút gì. Ngay cả trước khi chúng ta đạt giác ngộ, chúng ta vẫn thấy hạnh phúc để tu tập theo cách của chúng ta. Bằng không, chúng ta chẳng đạt được cái gì trong nghĩa đích thực của nó.

Cảm ơn các bạn rất nhiều. ■

Chú thích:

1. Thiền sư Đạo Nguyên, 1200-1253, theo *Từ điển thiền và thuật ngữ Phật giáo* (online) của Thiện Phúc. (Chú thích của người dịch).

2. Diệu pháp trí tạng, theo *Từ điển thiền và thuật ngữ Phật giáo* (online) của Thiện Phúc (Chú thích của người dịch).

Nguyên tác: "*Wherever You Are, Enlightenment Is There*" được lấy từ tuyển tập "*Not Always So*".

Sự sụp đổ của sự thật quy ước



KEE NANAYON
HOANG PHONG dịch

Nếu muốn mang lại cho mình sự bình lặng thì các bạn phải thực hiện được nó trên tất cả mọi mặt: yên lặng trên phương diện hành động, yên lặng trên phương diện ngôn từ, và yên lặng cả bên trong tâm thức. Làm được như thế thì các bạn mới có thể theo dõi và suy nghiệm được về những gì xảy ra bên trong nội tâm mình. Nếu không tạo được thể dạng bình lặng đó thì các bạn sẽ không sao tránh khỏi việc chạy theo các sinh hoạt bên ngoài. Cuối cùng thì các bạn sẽ lâm vào tình trạng quá sức bận rộn, lúc nào cũng có việc phải làm và điều phải nói. Tình trạng đó sẽ khiến các bạn không sao thực hiện được sự chú tâm (awareness) và sự tỉnh thức (mindfulness) thăng bằng và vững chắc được. Các bạn phải dừng lại, không làm không nói và không suy nghĩ bất cứ điều gì nếu không cần thiết. Chỉ có cách đó mới có thể giúp các bạn phát huy được một sự chú tâm không gián đoạn. Các bạn không nên để mình rơi vào bất cứ gì thuộc bối cảnh bên ngoài.

Nếu muốn giữ sự chú tâm không bị gián đoạn hầu giúp mình có thể quán xét sâu xa về chính mình thì các bạn phải thật cảnh giác hầu nhận biết được mỗi khi sự

tiếp xúc giác cảm xảy ra, thì tâm thức mình vẫn tiếp tục giữ được thể dạng không xao xuyên và bình thường, nếu không nó sẽ bung ra và hướng vào những gì mà nó ưa thích hoặc không ưa thích. Nếu duy trì được sự cảnh giác đó thì các bạn mới có thể đọc được những gì bên trong chính mình và hiểu được mình là gì. Nếu sự chú tâm được phát huy một cách vững chắc thì tâm thức sẽ không bị chao đảo. Khi chưa giữ được sự thăng bằng đó thì tâm thức sẽ rơi vào sự xao lãng: có nghĩa là tôi thích cái này, tôi không thích cái kia... Các bạn phải canh chừng thật cẩn thận từng sự xao động thật nhỏ trong tâm thức mình. Không nên nghĩ rằng các sự xao động nhỏ nhất là không đáng quan tâm, nếu không thì chúng sẽ dễ dàng biến thành thói quen.

Nếu muốn duy trì sự nghiêm túc đó thì phải chú tâm vào từng chi tiết thật nhỏ nhất, từng kẻ hở tí xíu hé ra trong tâm thức mình. Nếu làm được như thế thì mới bảo vệ nghiêm ngặt được tâm thức, như thế tốt hơn là thả lỏng để nó tha hồ tham gia vào các chuyện vô bổ của thế giới bên ngoài. Tóm lại là các bạn phải thật cảnh giác, không nên để mình vướng vào các chạm bẩy giăng ra bởi các sự tiếp xúc giác cảm. Đây là cách

mà các bạn phải luyện tập hầu mang lại sự chủ động cho mình. Khi nào thực hiện được sự chú tâm duy nhất hướng vào nội tâm như trên đây, thì khi đó các bạn mới có thể theo dõi và chiêm nghiệm được các sự cảm nhận với từng chi tiết một. Các bạn sẽ quán thấy mình bạch được chúng, hầu buông bỏ chúng.

Vậy các bạn hãy hướng sự luyện tập của mình vào đúng nơi [và đúng thời điểm] hiện lên các sự “cảm nhận” thích thú, đau đớn hay trung hòa (có nghĩa là không thích thú cũng không đau đớn), và sau đó tìm cách buông bỏ chúng, xem chúng chỉ là những sự cảm nhận đơn thuần, không nên đồng lõa với chúng để tạo ra cho mình mọi thứ xúc cảm và thèm muốn. Sự ưa thích thú này hay thứ kia sẽ len sâu vào tâm thức, tạo ra các tác động ảnh hưởng đến tâm thức, khiến nó bị phân tán qua các sự cảm nhận bên trong nội tâm và cả bối cảnh bên ngoài. Chính vì thế mà các bạn phải giữ thật bình lặng, sự bình lặng đó sẽ giúp tâm thức các bạn vượt thoát tình trạng bám víu vào hương vị gây ra bởi các sự cảm nhận, và đấy cũng là cách nhỏ bỏ tận rễ các tác động gây ra bởi các sự cảm nhận.

Sự thèm muốn thích thú là một con vi khuẩn ẩn nấp thật sâu kín bên trong tánh khí của mình. Luyện tập thiền định là cách giúp tâm thức mình không nắm bắt các cảm nhận thích thú, cũng không xô đẩy các cảm nhận đau đớn. Sự thèm muốn nắm bắt các giác cảm thích thú là nguyên nhân đưa đến tình trạng ghét bỏ và xô đẩy các cảm nhận đớn đau, vì thế các bạn không nên để cho tâm thức chỉ biết ưa chuộng sự thích thú và kháng cự lại sự đau đớn. Các bạn hãy giữ sự bình thản, không nao núng trước cả hai thể dạng cảm nhận ấy. Nếu tâm thức buông bỏ được các cảm nhận thì nó cũng sẽ vượt lên trên được sự thích thú, đau đớn và cả không-thích-thú cũng không-đau-đớn, và đấy cũng có nghĩa là tâm thức thoát khỏi cạm bẫy của các sự cảm nhận. Và sau đó các bạn nên tự hỏi như thế này: vậy phải làm thế nào để giúp cho tâm thức an trú trong thể dạng không bị xao lãng bởi sự cảm nhận? Đó là cách mà các bạn phải luyện tập giúp mình chủ động tâm thức hầu hoàn toàn buông bỏ mọi sự nắm bắt các cảm nhận, và đó cũng là cách giúp mình không còn bám vào các sự đớn đau trên thân xác và các mối khổ đau trong tâm thần, và tin rằng chúng là “mình” hay “của mình”.

Nếu không buông bỏ được sự nắm bắt các cảm nhận thì các bạn sẽ không sao thoát khỏi tình trạng bám víu vào chúng, thuộc cả hai lãnh vực thể xác và tâm thần. Nếu một cảm tính sáng khoái hiện ra với mình, thì tức khắc mình sẽ bị thu hút bởi cảm tính đó. Nếu đấy là một thứ cảm tính thích thú hoàn toàn thuộc lãnh vực tâm thần [tâm thức là một thứ giác quan] thì các bạn cứ muốn nó kéo dài, lúc nào cũng ưa thích được có nó, Kết quả mang lại là các bạn sẽ luôn bị thu hút bởi các sự quán nhận tâm thần và các nhãn hiệu (các dòng

chữ) đi kèm với sự thích thú đó. Các bạn bám chặt vào những thứ ấy và xem chúng là “mình” hay “của mình”.

Vậy các bạn cũng nên phân tích các sự thích thú trên đây về cả hai mặt: vật chất và tâm thần. Phanh phui chúng hầu giúp mình hiểu được tại sao lại phải buông bỏ chúng. Không nên để chúng lừa phỉnh mình bằng các thứ hương vị do chúng tạo ra. Đối với sự đau đớn thì không nên tìm cách xô đẩy nó. Hãy xem sự đau đớn đơn giản là một sự đau đớn, hãy xem sự thích thú đơn giản là một sự thích thú. Hãy xem chúng là các thứ “cảm nhận” không hơn không kém. Không nên nghĩ rằng “mình” cảm nhận sự thích thú, “mình” cảm nhận sự đau đớn. Nếu các bạn buông bỏ được các “cảm nhận” theo cách đó thì các bạn sẽ “giải thoát” mình khỏi mọi thứ căng thẳng và khổ đau, bởi vì khi đó mình đã vượt lên trên và ra bên ngoài mọi sự cảm nhận. Đến khi sự già nua, bệnh tật và cái chết xảy đến với mình, thì các bạn cũng không nắm bắt lấy chúng để mà nghĩ rằng “mình” già, “mình” ốm đau, “mình” hấp hối [vì chúng chỉ là những sự “cảm nhận” đơn thuần mà thôi]. Đấy là cách giúp các bạn buông bỏ chúng, không nắm bắt bất cứ một thứ nào cả.

Nếu các bạn suy tư về mọi thứ đơn giản bằng các tên gọi – chẳng hạn như năm thứ cấu hợp (ngũ uẩn) mang tính cách vô thường, bất toại nguyện, vô ngã – thì các bạn sẽ không còn tự nhận mình là chúng, không còn xem chúng là “tôi” hay “của tôi” nữa. Trái lại, nếu không đủ sức suy tư theo đường hướng đó thì các bạn tất sẽ vướng vào cạm bẫy của cái chết, của xương tủy, thịt da..., tất cả sẽ là “mình” hay “của mình”. Chính vì thế nên chúng ta phải tập suy tư về cái chết, để hiểu rằng cái chết của thân xác không có nghĩa là “mình” chết. Các bạn phải suy tư với tất cả sự chú tâm của mình cho đến khi nào hoàn toàn ý thức được điều đó. Nếu không thì các bạn sẽ rơi vào cái bẫy do nó giăng ra. Các bạn phải phát huy một sự bén nhạy giúp mình trông thấy thật minh bạch xương cốt, thịt da của mình hoàn toàn trống rỗng và không hề hàm chứa một “cái tôi” nào cả. Đấy là cách giúp các bạn không tự buộc mình vào với chúng. Sự kiện các bạn bám víu vào các thứ ấy chứng tỏ các bạn không hề nhận thức sâu sắc được tính cách vô thường, bất toại nguyện và bản chất vô thực thể của chúng.

Khi các bạn trông thấy xương cốt của một con vật thì điều đó không gây ra cho mình một sự xúc động nào đáng kể, thế nhưng mỗi khi trông thấy một bộ xương người thì tức khắc sự nhận thức của các bạn sẽ dấn lên cho nó một nhãn hiệu như sau: “Đây là hài cốt của một người nào đó. Xương sọ đúng là của người ta”. Nếu trông thấy quá nhiều hài cốt thì cũng có thể khiến các bạn cảm thấy sợ hãi. Dù trông thấy một bộ xương người, hoặc bất cứ gì khác nói lên tính cách vô thường và vô thực thể của thân xác, thế nhưng các bạn lại không hề ý thức được minh bạch bản chất ấy của



chúng, thì các bạn cũng sẽ vẫn tiếp tục bám víu vào cấp bậc xương cốt và thịt da đó mà thôi. Trên thực tế, không hề có “xương” mà chỉ toàn là các thành phần cấu hợp. Phải phân huỷ bản chất của xương để nhận thấy nó cũng chỉ là các thành phần, nếu không thì các bạn cũng chỉ dừng lại ở cấp bậc bộ xương người mà thôi. Tóm lại là khi còn chưa nhận biết được bản chất đích thực của mọi sự vật thì các bạn khó tránh khỏi rơi vào các sự lo âu và bồn loạn. Điều đó cho thấy là các bạn không hề thấu triệt được Dharma (Đạo pháp), mà chỉ loanh quanh ở cấp bậc bên ngoài, chẳng qua là vì các bạn không cố gắng phân tích các sự vật cho đến khi nào có thể trông thấy được cấp bậc thành phần của chúng.

Mỗi khi nhận thấy ngày và đêm nối tiếp nhau thì không nên nghĩ rằng chỉ có thời gian trôi đi. Thân xác cũng không ngừng suy thoái và tan biến. Thân xác suy sụp từng chút một, thế nhưng thường thì chúng ta lại không hề ý thức được điều đó. Chỉ khi nào thân xác biến đổi thật quan trọng: tóc bạc, răng rụng... thì khi đó mình mới nhận thấy là nó đã già. Đây chỉ là một sự hiểu biết thuộc cấp bậc thô thiển, phủ phàng và hiển nhiên. Trong khi đó các sự suy thoái tuần tự và kín đáo bên trong con người mình thì không mấy khi chúng ta quan tâm đến.

Hậu quả của tình trạng vô ý thức đó là chúng ta vẫn tiếp tục bám víu vào thân xác của mình và xem đấy là “mình” – từng thành phần thật nhỏ cũng là “mình”. Đôi mắt của thân xác cũng là đôi mắt của “mình”, những gì “đôi mắt” trông thấy, các cảm tính mang lại từ sự trông thấy ấy cũng là do “mình” cảm nhận được. Chúng ta không trông thấy được chúng cũng chỉ là các “thành phần”. Trên thực tế đây cũng chỉ là một sự “tiếp xúc” giữa “thành phần thị giác” với “thành phần hình tướng”. Sự “ý thức về sự tiếp xúc” đó gọi là “tri thức giác cảm” và chính hiện tượng tâm thần này giữ

chức năng cảm nhận hình tướng, âm thanh, mùi, vị, sự đụng chạm... Thế nhưng chúng ta lại không chịu chấp nhận là như thế, nên chúng ta luôn luôn tìm cách nắm bắt tất cả những thứ ấy – mắt, tai, mũi, lưỡi, thân xác và cả tâm thần – và xem chúng là “mình” hay “của mình”. Khi nào thân xác bắt đầu suy thoái thì khi đó chúng ta mới nhận thấy là “mình” già, khi thân xác chết và các hiện tượng tâm thần dừng lại, thì mình cũng bảo là “mình” chết.

Trái lại, một khi đã phân tách thân xác và tâm thức ra từng thành phần một thì chúng ta sẽ nhận thấy chẳng có gì còn lại cả. Các thứ ấy tự chúng mất hết ý nghĩa. Những thứ ấy chỉ là các thành phần vật chất và tâm thần, chẳng có gì trong đó để mà gọi là bệnh tật hay cái chết cả. Nếu không thấu triệt thật sâu sắc điều đó thì các bạn vẫn còn rơi vào tình trạng lầm lẫn và mù quáng. Chẳng hạn như trong những giai đoạn mới bắt đầu tu tập, chúng ta thường tụng niệm câu sau đây: *jara dhammamhi* (có nghĩa là *sớm muộn tôi cũng sẽ chết*), đây cũng chỉ đơn giản là cách tự đánh thức mình, giúp mình ý thức được là không nên lơ là trong những bước đầu trên con đường. Thế nhưng khi đã đạt được cấp bậc thiền định thâm sâu mang lại cho mình một sự quán thấy sâu xa hơn, thì mọi sự sẽ trở nên khác hẳn với những gì nói trên đây: Tất cả các sự giả định cũng như các sự thật quy ước đều bị quét sạch. Một khi thân xác đã trở nên trống không về “cái tôi” thì sẽ chẳng còn gì để mà bám víu vào nó nữa cả. Tất cả chỉ toàn là các thành phần vật chất và tâm thần, không còn mang tính cách “cá thể” nào cả. Các bạn phải nhận thấy điều này thật minh bạch suốt trên các đoạn đường tu tập còn lại của mình. Nếu không thì tất cả các thành phần ấy rồi sẽ kết tụ trở lại để tạo ra các “chúng sinh” khác với một số các đặc tính hình tướng và tâm thần nào đó, và các bạn sẽ ôm chầm lấy các chúng sinh ấy và gọi là “mình”.

Thế nhưng một khi đã trông thấy được toàn thể giới cũng chỉ đơn giản là một sự cấu hợp gồm các thành phần thì tất chúng ta sẽ hiểu rằng không hề có cái chết trong đó. Khi nào chúng ta đã hiểu được là không có cái chết thì khi đó chúng ta mới đạt được sự hiểu biết đích thật. Nếu cứ tin rằng rồi đây thế nào mình cũng sẽ chết, thì đây có nghĩa là mình chưa hề trông thấy được Dharma, và mình vẫn còn tiếp tục bám víu vào cái vỏ bọc bên ngoài. Trong trường hợp đó thì làm thế nào mà chúng ta mong hiểu được Dharma là gì? Các bạn phải quán thấy sâu xa hơn như thế, phải suy tư và phân tách mọi sự vật ra từng mảnh một.

Căn nhà của các bạn (tức là thân xác kết nối mình với thế giới hiện tượng) đang bị hỏa hoạn và hạn kỳ thuê mượn cũng sắp hết đến nơi, thế nhưng các bạn thì lại cứ bám víu vào nó và xem nó là “mình”. Cách nhìn sai lầm đó tạo ra các sự sợ hãi và cả tình thương yêu, và nếu các bạn tiếp tục bị nó mê hoặc thì các bạn sẽ không còn biết là mình phải bước theo con đường

nào. Tâm thức nắm bắt lấy các thứ ấy để tự đánh lừa nó ở các cấp bậc khác nhau. Các bạn sẽ không còn trông thấy được gì cả, kể cả nhìn xuyên qua các thứ quy ước trên đây; cho nên các bạn vẫn cứ tiếp tục nắm bắt chúng và xem chúng là “mình”; các bạn nhận thấy mình là một phụ nữ, một người đàn ông hay bất cứ thứ gì khác, và cứ thế mà mình tha hồ tự biến mình thành những thứ ấy. Nếu các bạn không đủ sức thực hiện được sự quán thấy mình bạch trên đây hầu giúp mình vượt thoát khỏi mọi quy ước và các sự giả định (ảo giác) thì việc tu tập của các bạn cũng chỉ là một cách chạy quanh, không thẳng tiến, cũng chẳng tìm thấy một lối thoát nào.

Vậy các bạn phải quán xét thật cẩn thận xuyên qua nhiều cấp bậc khác nhau, tương tự như dùng tấm vải để lọc: nếu tấm vải quá thưa thì chẳng gạn lọc được gì cả. Phải dùng một tấm vải thật mịn thì mới mong lọc được những gì thật nhỏ – có nghĩa là đi sâu vào các cấp bậc vi tế giúp mình quán xét hết cấp bậc này đến cấp bậc khác. Điều đó cho thấy tại sao lại có nhiều cấp bậc chú tâm và quán thấy khác nhau, và tại sao lại phải gạn lọc cho đến cấp bậc thật chi tiết.

Điều này cũng cho thấy việc quán xét thật sâu xa với tất cả sự tinh giác hầu giúp mình quán thấy được các đặc tính đích thật của nội tâm mình, thật hết sức quan trọng. Luyện tập thiền định cũng chỉ là cách khám phá những sự lầm lẫn của mình, có nghĩa là giúp mình nhận biết được cách thức mà những sự lầm lẫn ấy thâm nhập vào những sự suy nghĩ của mình ở các cấp bậc sâu xa nhất, và cũng để hiểu rằng ngay cả ở các cấp bậc thật hiển nhiên nhất thì chúng cũng đã đánh lừa mình một cách trắng trợn. Nếu các bạn không nhận thấy được tính cách lừa dối và phỉnh gạt

của “cái tôi” thì việc tu tập của các bạn tất sẽ không sao giải thoát các bạn khỏi khổ đau được, mà nó chỉ tiếp tục tạo ra các thứ ảo giác khiến các bạn tiếp tục nghĩ rằng các thứ ấy là “mình” và “của mình”.

Tu tập đúng với giáo huấn của Đức Phật là một cách đi ngược dòng chảy. Tất cả chúng sinh, ở các cấp bậc thấp nhất đều thêm muốn thật sâu kín từ bên trong thân xác mình các sự thích thú vật chất (bản năng sinh tồn), và ở một cấp bậc cao hơn và tinh tế hơn thì các sự thêm muốn ấy thuộc lãnh vực của sự “cảm nhận” (bản năng truyền giống và sợ chết), chẳng hạn như các cảm tính an bình và thanh thản. Đây là lý do tại sao các bạn phải mổ xẻ tất cả các thể dạng cảm nhận hầu giúp mình buông bỏ chúng và bóp ngạt mọi sự thêm muốn, nhưng đồng thời vẫn duy trì được sự ý thức toàn vẹn về các sự “cảm nhận” qua thể dạng tinh khiết của chúng – có nghĩa là đã loại bỏ được “cái tôi” ra khỏi chúng – khiến trở nên hoàn toàn phù hợp với bản chất đích thật của chúng, tức là không vướng mắc (unentangled) và không tạo tác ra bất cứ gì khác (uninvolved). ■

Tác giả: Kee Nanayon là một vị nữ cư sĩ người Thái gốc Hoa, có thể được coi là một vị nữ Pháp sư lỗi lạc nhất của Thái Lan trong thế kỷ XX. Tỳ-kheo Thanissaro cho biết bà là người tự tu tự học và có chịu ảnh hưởng của ngài Buddhadasa thuộc truyền thống tu trong rừng của Phật giáo Thái Lan. Bà còn sử dụng bút danh K. Khao-suan-luang. Nhiều bài giảng của bà thể hiện bằng tiếng Thái đã được Tỳ-kheo Thanissaro dịch ra tiếng Anh khiến Phật tử phương Tây rất hâm mộ.

Bản dịch tiếng Việt trên dựa vào hai bản dịch, tiếng Anh “*Reading the Mind*” của Thanissaro Bhikkhu, và tiếng Pháp “*Savoir Lire Notre Esprit*” của Jeanne Schut.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2017

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2017, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ	Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ	Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 46 cuốn/kỳ	BS Trần Ngọc Đình	: 6 cuốn/kỳ	Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 40 cuốn/kỳ	Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ	Cty Tân Hiệp, Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ	Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ	Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ	Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ	Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA	: 5 cuốn/kỳ	Cô Hoàng Thoại Châu	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 11 cuốn/kỳ	Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ	PT. Nguyễn Thuận	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ	Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ		
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ	Hoàng Mỹ - Thiên An	: 5 cuốn/kỳ	Tổng số báo tặng kỳ này: 388 cuốn	
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT	: 10 cuốn/kỳ	Phật tử Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ		
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 4 cuốn/kỳ	Mọi thông tin về chương trình tặng báo	
Bà Lý Thu Linh	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ	đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm	
Bà Phạm Thị Vinh	: 10 cuốn/kỳ	Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ	xã hội..., xin liên lạc: Tòa soạn, 294 Nam Kỳ	
Mỹ thuật tượng Zen Art	: 10 cuốn/kỳ	Hoàn Ái - Huệ Minh	: 3 cuốn/kỳ	Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;	
Cô Huệ Hương	: 9 cuốn/kỳ	Ô. Tạ Hữu Chung	: 3 cuốn/kỳ	Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335	
Ô. Bùi Phong Lưu	: 8 cuốn/kỳ	Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ	Email: toasoanvhp@gmail.com	
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 6 cuốn/kỳ	Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ	Ban Biên tập	

Thuyết lượng tử và sự di chuyển của tâm thức

ANNA LEMIND

TUỆ ĐAN dịch

Quyển sách có tiêu đề *"Thuyết hữu sinh trung tâm luận: làm thế nào sự sống và ý thức là những chìa khóa giúp chúng ta nhận biết về bản chất của vũ trụ"* được ấn hành ở Mỹ đã gây xôn xao trên mạng, vì nó chứa đựng quan niệm cho rằng sự sống không kết thúc khi thân xác chết đi, mà ý thức của bạn di chuyển sang một vũ trụ khác sau khi chết. Tác giả quyển sách này, nhà khoa học Robert Lanza, đã không ngần ngại cho rằng điều này là có thể.

Vượt qua thời gian và không gian

Lanza là một chuyên gia trong lĩnh vực y học tái tạo và là giám đốc khoa học của Hiệp hội Công nghệ Tế bào Cao cấp. Trước đây ông được biết đến nhờ vào những nghiên cứu chuyên sâu gắn với tế bào gốc, ông cũng khá nổi tiếng nhờ vào một số thí nghiệm thành công dựa trên việc nhân giống vô tính những loài động vật có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Nhưng cách đây không lâu, nhà khoa học này đã quan tâm đến vật lý học, cơ học lượng tử và vật lý học thiên thể. Sự kết hợp ngoạn mục này đã khai sinh nên một lý thuyết mới - hữu sinh trung tâm luận (biocentrism) [thuyết lấy sự sống làm trung tâm], mà giáo sư đã và đang truyền bá.

Lý thuyết này cho rằng cái chết không đơn thuần hiện hữu. Nó là một ảo ảnh nảy sinh trong mỗi tâm trí của con người. Cái chết hiện hữu bởi vì con người nhận diện chính bản thân mình gắn với thân xác của họ. Họ tin rằng thể xác sớm hay muộn sẽ lụi tàn, cũng vậy, ý thức của họ sẽ biến mất theo. Sự thật thì ý thức hiện hữu bên ngoài sự ràng buộc của thời gian và không gian. Nó có thể có ở bất kỳ nơi đâu: trong thể xác con người lẫn bên ngoài nó. Điều này khá thích hợp với những định lý cơ bản của cơ học lượng tử, theo đó một lượng tử nhất định có thể hiện diện ở bất cứ nơi đâu và một sự kiện có thể xảy ra theo một số cách, đôi khi là không tính xuế.

Lanza tin rằng đa vũ trụ có thể hiện hữu đồng thời. Những vũ trụ này chứa đựng vô số kịch bản có thể xảy ra. Trong một vũ trụ, thể xác có thể chết đi. Và trong một vũ trụ khác nó tiếp tục hiện hữu, hấp thụ ý thức thâm nhập vào vũ trụ này.

Điều này có nghĩa rằng một người chết, trong lúc đó, vẫn đang du hành trong cùng một đường hầm mà cuộc du hành ấy chẳng phải kết thúc ở địa ngục hay thiên đường, chỉ đơn giản là ở trong cùng một thế giới mà người đó đã sống, thời gian này vẫn còn tồn tại. Cứ thế tiếp tục, cho đến vô cùng.

Đa vũ trụ

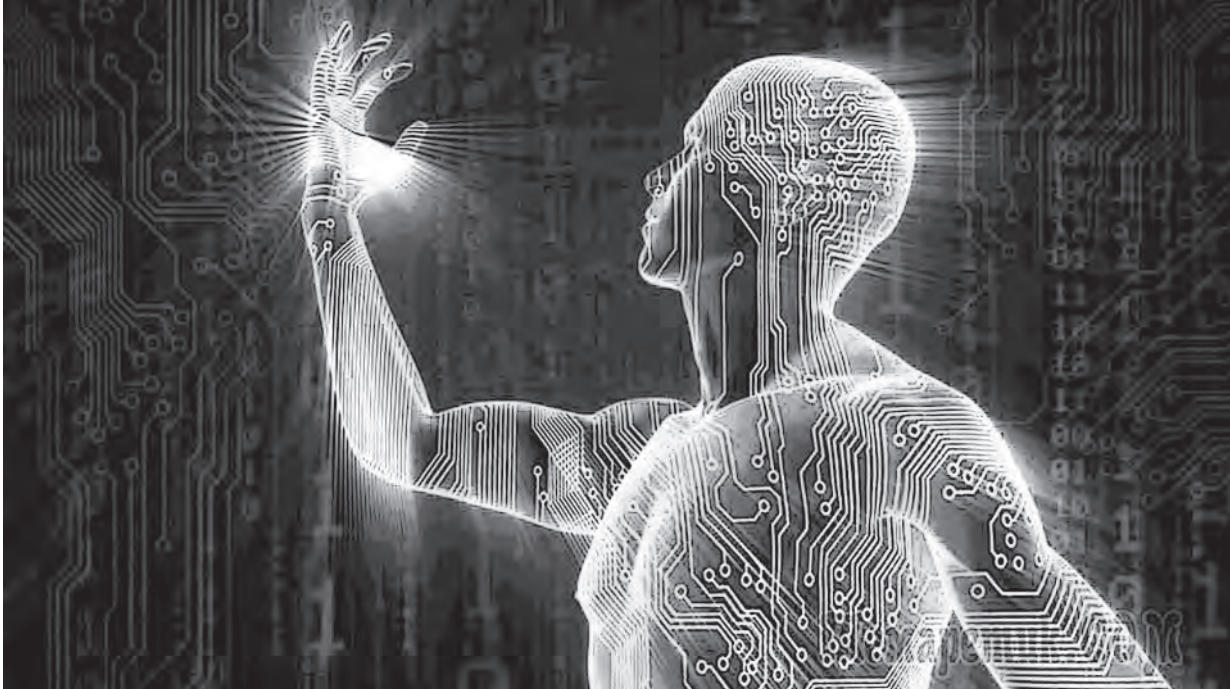
Điều này gieo một hy vọng, mà lý thuyết còn gây tranh cãi của Lanza có khá nhiều người ủng hộ một cách không có chủ ý, đó không chỉ là những người muốn trường sinh bất lão, mà còn có cả những nhà khoa học danh tiếng. Họ là những nhà vật lý và những nhà vật lý học thiên thể. Tất cả đều đồng tình với sự hiện hữu của các thế giới song song và đề xuất về khả năng của đa vũ trụ. Đa vũ trụ là một khái niệm mang tính khoa học mà họ biện hộ. Họ tin rằng không một quy luật vật lý nào hiện hữu mà sẽ ngăn cấm sự hiện hữu của các thế giới song song cả.

Người đầu tiên là nhà văn khoa học viễn tưởng H.G. Wells, ông đã khẳng định vào năm 1895 trong câu chuyện của ông *"Cánh cửa nơi bức tường"*. Và sau 62 năm, quan niệm này đã được phát triển bởi Hugh Everett trong luận văn tốt nghiệp của ông tại Đại học Princeton. Luận văn về cơ bản cho rằng ở vào bất kỳ thời điểm nào trước đó thì vũ trụ cũng đã phân chia thành vô số phiên bản tựa như nhau. Và trong khoảnh khắc tiếp theo, những vũ trụ "mới sinh" này tách thành một kiểu vũ trụ tương tự. Ở mỗi một thế giới này, bạn có thể hiện diện: ví dụ, đọc báo ở vũ trụ này hoặc xem phim ở vũ trụ khác.

Nhân tố kích hoạt cho đa vũ trụ này là những hoạt động của chúng ta, Everett giải thích. Nếu chúng ta tiến hành vài lựa chọn, thì sẽ luôn luôn có một vũ trụ tách thành hai phiên bản vũ trụ khác nhau.

Trong khoảng những năm 1980, Andrei Linde, nhà khoa học đến từ Viện Vật lý Lebedev, đã phát triển lý thuyết đa vũ trụ. Hiện nay ông là giáo sư ở Đại học Stanford.

Linde đã giải thích: không gian bao gồm rất nhiều những phân vùng đang lạm phát, chúng nảy sinh từ những phân vùng giống nhau, và những phân vùng đó tạo ra những phân vùng mới, thậm chí là một số lượng rất lớn các phân vùng khác, cứ thế tiếp diễn đến



vô tận. Trong vũ trụ, chúng được phân chia một cách riêng rẽ. Chúng không ý thức về mỗi sự hiện hữu của người khác. Thế nhưng chúng trình hiện những thành phần của cùng một vũ trụ vật lý.

Thực tế thì vũ trụ của chúng ta không đơn độc, điều này được củng cố thông qua các dữ liệu được tiếp nhận từ kính viễn vọng không gian Planck. Sử dụng những dữ liệu này, các nhà khoa học đã tạo ra một bản đồ chính xác về bức xạ nền vi ba (sóng cực ngắn) hay còn được gọi là sự bức xạ nền vũ trụ còn sót lại, những tàn tích còn lại từ lúc khởi đầu của vũ trụ chúng ta. Họ cũng đã tìm thấy rằng vũ trụ có những vùng tối gắn với những lỗ đen và những khoảng trống vô tận.

Nhà vật lý lý thuyết Laura Mersini-Houghton đến từ Đại học Bắc Carolina cùng cộng sự nhận định: sự dị thường của bức xạ nền vi ba có được nhờ vào việc vũ trụ của chúng ta chịu ảnh hưởng bởi các vũ trụ khác đang hiện diện xung quanh. Và những lỗ đen lẫn những khoảng trống là những hệ quả trực tiếp của những lần công kích bởi các vũ trụ láng giềng lên chúng ta.

Lượng tử linh hồn

Có rất nhiều những cảnh vực hay những vũ trụ khác mà ở đó linh hồn của chúng ta có thể hòa nhập vào đó sau khi chết, theo lý thuyết tâm hữu sinh trung tâm luận. Thế nhưng linh hồn có thật sự hiện hữu hay không?

Giáo sư Stuart Hameroff ở ĐH Arizona khẳng định dứt khoát rằng có sự hiện hữu của một linh hồn thường hằng (eternal soul). Những năm gần đây, ông đã đưa ra bằng chứng rằng ý thức không bị phá hủy sau khi chết.

Theo Hameroff, não bộ của con người là một máy tính lượng tử hoàn hảo và linh hồn hay ý thức đơn giản là thông tin được tích trữ ở vào cấp độ lượng tử. Linh hồn có thể được truyền đi, sau cái chết của thân xác; thông tin lượng tử được trình ra bởi ý thức hòa vào vũ trụ của chúng ta và hiện hữu một cách rất khó xác định. Chuyên gia hữu sinh trung tâm luận Lanza chứng minh rằng linh hồn thâm nhập vào một vũ trụ khác. Điều này

là sự khác biệt chủ yếu giữa ông với các cộng sự.

Ngài Roger Penrose, nhà vật lý nổi tiếng, chuyên gia toán học đến từ Oxford ủng hộ lý thuyết này, và ông cũng đã tìm thấy những bằng chứng liên lạc với các vũ trụ khác. Theo đó, các nhà khoa học đang phát triển lý thuyết lượng tử để giải thích hiện tượng ý thức. Họ tin rằng họ đã tìm thấy những tác thể lưu dẫn (carriers) của ý thức, các yếu tố đó đã tích trữ thông tin trong suốt cuộc đời và sau khi thân xác chết đi chúng “dẫn lưu” (drain) ý thức sang một nơi khác. Những yếu tố này được định vị bên trong những vi ống (microtubules) có thành phần chính là protein (những vi ống thần kinh), đã được gắn cho thuộc tính khiến nó đảm nhận vai trò đơn giản là củng cố và truyền dẫn những kênh thông tin bên trong tế bào sống. Dựa trên cấu trúc của chúng, các vi ống thực hiện chức năng ưu việt như là những tác thể lưu dẫn những thuộc tính lượng tử bên trong não bộ. Đây là lý do chính khiến chúng có thể giữ lại những trạng thái lượng tử trong một thời gian dài, nghĩa là chúng có thể thực hiện chức năng như là những thành phần của một máy tính lượng tử.

Nếu người bệnh sống lại, hay được hồi phục, thì thông tin lượng tử này có thể quay trở lại những vi ống và người bệnh sẽ nói “tôi đã có kinh nghiệm cận tử”.

Ông còn nói thêm: “... nếu họ không hồi phục và bệnh nhân đó chết đi, thì điều đó có thể rằng thông tin lượng tử này có thể hiện hữu bên ngoài thân xác, có thể, chúng hiện hữu một cách mơ hồ, kiểu như linh hồn”.

Quan niệm về ý thức lượng tử này giải thích những sự kiện kiểu như những kinh nghiệm cận tử, xuất hồn, thoát xác và thậm chí là sự đầu thai mà không cần đến quan niệm tôn giáo. Năng lượng ý thức của chúng ta có được sự hồi phục một cách tiềm tàng trở lại một thân xác khác cùng một kiểu như vậy, và trong thời gian đó nó hiện hữu bên ngoài thân xác vật lý nơi một cấp độ thực tại khác, có khả năng là ở trong vũ trụ khác. ■

Nguồn: <https://truththeory.com>.

Tỉnh giác về cái chết

DALAI LAMA
THÍCH NGUYỄN TẠNG dịch



Mọi người cần phải tỉnh giác về cái chết, đó là việc suy ngẫm rằng mình sẽ không sống lâu trên cõi đời này. Nếu không có ý thức về sự chết, người ta sẽ không biết lợi dụng kiếp người đặc biệt này mà mình đang có được. “*Nhất thất nhưn thân, vạn kiếp bất phục*”, có nghĩa là một khi thân này mất rồi thì vạn kiếp khó mà có lại được. Nên kiếp làm người này là có ý nghĩa vì do sống trong đời này con người có thể thành tựu được kết quả quan trọng mà mình mong muốn. Phân tích sự chết không có nghĩa là để mình sợ chết, mà là để biết giá trị của đời người quý báu này, trong khi sống người ta có thể thực hành nhiều pháp môn quan trọng. Thay vì sợ chết, bạn cần phải suy ngẫm rằng khi cái chết đến gần, mình sẽ mất cơ hội tốt để tu tập. Như vậy suy ngẫm về sự chết sẽ mang lại thêm năng lực cho việc tu tập của bạn. Bạn cần phải chấp nhận rằng sự chết là điều tất yếu trong cuộc đời này. Đức Phật đã khẳng định rằng: “*một nơi không có sự chết, là nơi không có thật, không có trên hư không, không có trong biển cả, cũng không có cả trong núi rừng*”. Nếu chấp nhận rằng sự chết là một phần của đời sống thì khi cái chết đến

gần, bạn sẽ có thể đối diện nó dễ dàng hơn. Khi mọi người biết một cách sâu xa ngay trong tâm mình rằng sự chết sẽ đến nhưng tránh suy nghĩ đến nó, rõ ràng là không hiểu biết và không có lợi ích. Điều này cũng đúng khi mọi người chấp nhận rằng tuổi già là một phần của cuộc đời, không muốn có tuổi già và tránh nghĩ về nó. Thái độ như vậy đưa đến sự không chuẩn bị về tâm trí và khi tuổi già đến, mọi thứ sẽ rất khó khăn.

Nhiều người đã già rồi nhưng vẫn làm như là mình còn trẻ lắm. Nhiều lần khi gặp lại những người bạn lâu năm, thí dụ như một số nghị sĩ ở những nước như Hoa Kỳ, tôi nói “*chào ông bạn già*”. Ý của tôi là chúng ta đã biết nhau từ lâu chứ tôi không nói tới chuyện ‘*già nua*’. Nhưng khi tôi chào như vậy, một số người đã chỉnh lại tôi một cách mạnh mẽ: “*chúng ta không có già, chúng ta là bạn lâu năm*”. Thực sự họ đã già, với những sợi lông đang mọc ra ở hai lỗ tai, một dấu hiệu của tuổi già, nhưng họ khó chịu với tuổi già. Như vậy là thiếu suy nghĩ về sự đời. Tôi thường nghĩ về cuộc đời tối đa là một trăm năm của một đời người, mà so với tuổi thọ của trái đất này thì đời sống của con người có là bao. Trong một đời ngắn ngủi này, con người nên cố gắng sống cẩn thận không

gây ra khổ đau cho mình và người khác. Đời sống này rất quý báu không nên tạo ra sự hủy diệt mà nên được dành cho những hoạt động có tính cách xây dựng, hay ít nhất cũng không làm tổn hại đến người khác hoặc gây khổ đau rắc rối cho họ. Như vậy những tháng năm ngắn ngủi của chúng ta như một du khách trên hành tinh này sẽ có ý nghĩa. Nếu một du khách đến thăm một nơi nào đó trong một thời gian ngắn mà gây ra nhiều rắc rối là sai lầm. Nhưng nếu như một du khách làm cho người khác hạnh phúc trong khoảng thời gian ngắn này là khôn ngoan, và bạn rời nơi đây để đến nơi khác, bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc. Nếu bạn phá phách dù bạn không gặp khó khăn, nhưng bạn sẽ tự hỏi với mình rằng lúc ở đây mình đã làm được gì.

Cuộc đời một trăm năm, phần đầu là trẻ thơ, phần cuối là tuổi già, thường giống như một con vật, chỉ có ăn và ngủ. Khoảng giữa kéo dài vài chục năm có thể sống một cách có ý nghĩa. Đức Phật nói: *"Nửa cuộc đời người ta ngủ. Mười năm sống trong tuổi thơ. Hai mươi năm sống trong tuổi già. Trong mười năm còn lại, đau buồn, than thở và lo nghĩ, chiếm hết thời gian, và cả trăm thứ bệnh lấy đi nhiều thời gian của đời ta"*.

Để làm cho cuộc sống có ý nghĩa, hãy hoan hỷ chấp nhận tuổi già và cái chết như một phần của cuộc đời mình. Mọi người gặp khó khăn nghĩ đến cái chết nhưng lại dễ dàng trong tham lam, gây thêm rắc rối, và cố ý làm tổn thương người khác. Chúng ta thấy những con người được xem là những nhân vật lớn, như vua chúa, xây những lâu đài và những cao ốc, chúng ta thấy rõ ràng trong tâm trí của họ cho rằng họ sẽ sống mãi trong cuộc đời này. Hậu quả của sự tự lừa dối này chỉ tạo thêm đau khổ và rắc rối cho nhiều người khác.

Đối với những người không tin có đời sống tương lai, việc suy ngẫm về thực tại cũng có ích lợi và có tính khoa học. Vì con người, tâm trí cũng như tất cả những hiện tượng đều có nhân duyên khác cùng thay đổi trong từng phút giây, điều suy ngẫm này dẫn đến khả năng phát triển bản thân theo hướng tốt. Nếu đời sống này không bao giờ đổi thay thì chúng ta sẽ mãi mãi chịu sự khổ đau. Khi ta biết rằng vạn vật luôn biến đổi thì dù ta đang trải qua một giai đoạn rất khó khăn, ta vẫn có thể tìm thấy niềm an ủi trong sự hiểu biết rằng tình trạng đó sẽ không như vậy mãi mãi. Vì vậy không có gì phải tuyệt vọng.

Vạn mạng tốt cũng không trường cửu, và khi mọi việc tốt đẹp đến với mình, mình không nên tham lam quá nhiều. Ý tưởng cho rằng mọi thứ sẽ không bao giờ thay đổi là một sai lầm tai hại. Thí dụ, dù ta chấp nhận là có những kiếp sau, ta chỉ nghĩ đến hiện tại và xem tương lai ít quan trọng hơn. Như vậy ta sẽ bỏ lỡ một cơ hội tốt khi cuộc sống của ta đang có thời giờ rảnh rỗi và những điều kiện thuận lợi để tu tập những pháp môn lợi ích. Sự hiểu biết rõ ràng về giáo lý vô thường luôn là điều tốt cho chúng ta.

Do nhận thức được đời sống là vô thường, con người có ý thức về kỷ luật và có sự nhiếp phục tâm trí của mình. Kỷ luật hay tu luyện không có nghĩa là cấm kỵ, mà có nghĩa là có sự giằng co giữa lợi ích dài hạn và lợi ích ngắn hạn, bạn hy sinh ích lợi ngắn hạn và chọn lợi ích dài lâu về sau. Đây là sự tự kỷ luật phát xuất từ sự có ý thức về luật nhân quả nghiệp báo. Thí dụ để cho bao tử của tôi hồi phục sau cơn bạo bệnh mới đây, tôi tránh dùng những thức ăn có chất chua và đồ uống lạnh dù những món này có vẻ ngon miệng và hấp dẫn. Loại kỷ luật này có mục đích phòng vệ. Cũng giống như vậy, việc suy ngẫm về sự chết đưa đến sự tự nghiêm khắc hay tự kiểm chế, tự phòng vệ, chứ không phải là sự trừng phạt.

Loài người có đủ tiềm năng để tạo ra những điều tốt, nhưng để có thể sử dụng trọn vẹn tiềm năng này, cần phải có sự tự do. Chủ nghĩa độc tài là chướng ngại cho sự phát triển này. Để bổ túc, tự do cá nhân có nghĩa là bạn không trông cậy vào một cái gì từ bên ngoài và không đợi chờ hiệu lệnh của người khác, mà bạn tự có sáng kiến. Vì vậy Đức Phật thường nói đến *"giải thoát cá nhân"*, có nghĩa là tự giải thoát, không qua một tổ chức nào. Mỗi cá nhân phải tạo dựng tương lai tốt đẹp cho chính mình. Tự do và chủ nghĩa cá nhân đòi hỏi phải có sự tự kỷ luật. Nếu những điều này bị lợi dụng cho những cảm xúc phiền não thì sẽ có những hậu quả tai hại. Tự do và khắc kỷ phải đi đôi với nhau.

Mở rộng tầm mắt

Theo Phật giáo, mục tiêu cao nhất của mọi hành giả là đắc thành Phật quả để cứu độ chúng sanh. Tuy nhiên, một mức thành tựu trung bình có thể giải thoát hành giả khỏi chu trình sinh, lão, bệnh, và tử đầy đau khổ, một mức thành tựu thấp hơn nhưng vẫn có giá trị ở chỗ làm cho các kiếp sống tương lai của hành giả thuận lợi hơn. Từ việc làm thay đổi các kiếp sống của mình cho tốt hơn, hành giả có thể đạt được giải thoát để rồi cuối cùng sẽ chứng thành Phật quả. Trước hết tầm mắt của bạn mở rộng bao gồm các kiếp tương lai, và rồi, do hiểu biết vận mạng của mình, tầm mắt của bạn mở rộng thêm, để bao gồm thêm các kiếp luân hồi. Sau cùng sự hiểu biết này có thể mở rộng đến những người khác, qua ý nguyện từ bi mong cho chúng sanh thoát khổ và loại trừ nguyên nhân đưa đến khổ đau. Lòng từ bi này là nền tảng thúc đẩy bạn phát nguyện tu tập để thành Phật.

Bạn phải có sự quan tâm đến những phương diện sâu hơn của đời sống để có ảnh hưởng đến các kiếp tương lai, hầu có thể hiểu trọn vẹn tính chất của khổ đau và kiếp luân hồi. Tiếp theo sự hiểu biết về luân hồi đau khổ này là điều kiện cần phải có để phát triển trọn vẹn lòng từ bi. Cũng có thứ tự giống như vậy, người Tây Tạng chúng tôi đang tìm cách đạt được một mức độ tự trị ở Tây Tạng để có thể phục vụ tốt cho người dân tốt hơn, nhưng chúng tôi cũng đang cố gắng để có đời

sống ổn định trong tình trạng sống lưu vong ở Ấn Độ. Sự thành tựu mục tiêu lớn tự trị tùy thuộc vào sự thành tựu tạm thời có đời sống lưu vong ổn định nói trên.

Những bất lợi của sự không có ý thức về sự chết

Biết rằng mình sẽ chết, đó là điều lợi ích. Tại sao? Nếu không có ý thức về sự chết, bạn sẽ không để ý đến việc tu tập mà chỉ sống một cách vô nghĩa, không tìm hiểu những thái độ và hành vi nào gây ra đau khổ và những loại nào đưa đến phúc lạc.

Nếu không nghĩ rằng mình có thể chết sớm, bạn sẽ rơi vào ảo tưởng thường tồn rằng “còn lâu mình mới chết” (I'll die later on, later on). Khi đến lúc cuối cùng, dù có cố gắng thành tựu một điều giá trị nào đó, bạn sẽ không còn sức lực nữa. Nhiều người Tây Tạng gia nhập tu viện khi còn trẻ để học kinh điển, nhưng khi đến lúc tu tập thực sự thì khả năng của họ có phần thiếu hụt. Đó là vì họ không hiểu đúng giáo lý vô thường.

Nếu sau khi suy nghĩ về phương pháp tu tập, bạn quyết định áp dụng pháp tu nhập thất mấy tháng hay mấy năm, như vậy bạn đã ứng dụng được nhận thức về lý vô thường của mình. Nhưng nếu quyết định mau chóng đó không được duy trì bởi việc quán niệm tính chất hủy diệt của vô thường thì việc tu tập của bạn sẽ nhạt phai đi. Đó là lý do có những người nhập thất nhiều năm nhưng việc tu tập không có ảnh hưởng gì đến đời sống của họ sau đó. Quán niệm vô thường không những thúc đẩy việc tu tập của bạn mà còn tiếp thêm năng lượng cho bạn nữa. Nếu có ý thức mạnh về tính tất yếu và tính bất ngờ của cái chết thì bạn vận động được từ bên trong, giống như có một người bạn cảnh cáo mình vậy, “*hãy cẩn thận, hãy thành tâm, một ngày nữa đã trôi qua*”.

Có thể bạn xuất gia sống trong tu viện. Như vậy bạn đã có pháp danh và y phục của người tu sĩ. Bạn sẽ có những hoạt động bận rộn ít hơn. Bạn sẽ thay đổi thái độ với đời sống, hướng sự chú tâm của mình đến những mục tiêu xa hơn. Còn bằng ngược lại bạn tiếp tục bận tâm đến những chuyện phù phiếm của thế gian như ăn ngon, mặc đẹp, ở chỗ sang trọng, nói chuyện nhằm nhí, có nhiều bè bạn và người thân quen, kể cả tạo ra nhiều kẻ thù nếu có ai đó làm điều gì mà bạn không thích và đưa đến xung đột và rồi tranh chấp với nhau, như vậy bạn không có gì tốt hơn trước đây, lúc chưa xuất gia, và có lẽ còn tệ hơn trước đó nữa. Nên nhớ, nếu chỉ tránh những sinh hoạt phù phiếm vì sợ các bạn đồng tu đánh giá thấp mình thì cũng chưa đủ, mà phải có sự chuyển hóa từ bên trong. Điều này đáng cho chư vị Tăng Ni cũng như người cư sĩ tại gia ghi nhớ và áp dụng vào việc tu tập.

Có lẽ bạn đã quen có ý tưởng thường tồn, nghĩ rằng mình còn lâu mới chết và khi còn sống, cần phải có những thú vui thông thường như người khác. Do muốn hưởng thụ trong đời sống hiện tại, dù ít có ý nghĩa lâu

dài, bạn sẵn sàng dùng những phương tiện thiếu đạo đức để có được những gì mình muốn, như cho vay lãi cắt cổ, lợi dụng bạn bè, kiện tụng... để có nhiều hơn những nhu cầu lợi dưỡng cho đời sống. Vì bạn đã chọn lối sống như vậy nên tiền bạc trở nên hấp dẫn hơn là học đạo lý, và ngay cả khi bạn muốn tu tập, bạn cũng không chú ý nhiều đến việc ấy.

Nếu một trang sách rơi xuống đất, có thể bạn ngần ngại lượm nó lên, nhưng nếu một tờ giấy bạc rơi xuống đường thì sự việc lại khác đi. Nếu gặp những người đã cống hiến cuộc đời mình cho những mục tiêu sâu xa, có thể bạn nghĩ tốt về sự cống hiến đó, nhưng chỉ có thể thôi. Còn nếu bạn gặp một người mặc quần áo sang trọng, phô bày sự giàu có, có thể bạn sẽ khởi tâm thèm muốn, bạn cầu mong mình cũng sẽ được như vậy, và rốt cuộc bạn sẽ làm bất cứ điều gì để đạt được mục đích tham muốn ấy.

Một khi bị lôi cuốn vào dòng chảy phù hoa của đời sống trần tục, những cảm xúc phiền não tham lam, sân hận, si mê, ganh tỵ, kiêu ngạo của bạn sẽ gia tăng, và đưa đường dẫn lối cho bạn tạo thêm ác nghiệp. Những cảm xúc phiền não này chỉ gây rắc rối, làm cho bản thân và những người xung quanh rơi vào tình trạng khó chịu. Dù có thể bạn đã biết chút ít về việc tu tập, nhưng bạn vẫn tích lũy thêm của cải vật chất và liên can với nhiều người hơn, rốt cuộc có thể nói bạn đang thực hành những chuyện phù phiếm của thế gian này, khởi tâm tham ái đối với những người mà bạn có cảm tình, và khởi tâm sân hận đối với những người mà bạn không ưa, và bạn tìm cách để theo đuổi những cảm xúc phiền não này. Khi đã đến chỗ này, dù có nghe nói về những pháp tu chân chánh, bạn cũng sẽ lưỡng lự và bỏ qua. Suốt kiếp luân hồi từ vô thủy cho đến ngày nay, bạn đã quen có những xúc cảm phiền não, nhưng bây giờ bạn có thêm pháp phù phiếm. Như vậy tình trạng trở nên tệ hại hơn, làm cho bạn xa cách với những gì thực sự ích lợi hơn.

Bị lôi kéo bởi sự tham muốn, bạn sẽ không bao giờ tìm thấy sự hài lòng. Bạn không làm cho người khác hạnh phúc, và chắc chắn không làm cho chính mình hạnh phúc. Khi trở nên vị kỷ hơn với những cái “của mình” thì bất cứ người nào can thiệp vào cũng tức khắc trở nên mục tiêu giận dữ của bạn. Dù bạn xem trọng những người bạn thân của mình và những người thân của mình, nhưng họ không thể giúp gì cho bạn lúc sinh ra và lúc mình qua đời.

Bạn ra đời một mình và rồi sẽ ra đi một mình. Nếu vào ngày bạn qua đời, một người bạn có thể đi cùng thì sự bám giữ vào bạn bè có giá trị, nhưng không thể có chuyện đó. Khi bạn tái sinh trong một hoàn cảnh hoàn toàn xa lạ, nếu những người bạn trong kiếp trước có thể giúp đỡ một điều gì đó thì cũng là một sự liên hệ có giá trị, nhưng sự kiện này không thể xảy ra. Vậy mà trong khoảng thời gian giữa lúc ra đời và lúc chết,

kéo dài mấy chục năm, những người bạn đó là “bạn của mình”, “anh chị em của mình”. Sự chấp thủ không đúng chỗ này đã không đưa đến lợi ích gì cả, mà chỉ tạo thêm tham sân si mà thôi. Khi quá tham ái với những người mình ưa thích và cũng quá sân hận với những người mình ghét. Khi sinh ra đời, bạn không biết ai là ai hết. Dù tất cả chúng ta đều muốn có hạnh phúc và không muốn đau khổ, nhưng bạn vẫn thích một số người và nghĩ “họ là bạn của mình” và ghét một số người “những người này là kẻ địch của mình”. Bạn gắn nhãn hiệu và biệt danh cho họ rồi khởi tâm tham ái hoặc sân hận. Như vậy thì có giá trị gì? Không có giá trị gì cả. Vấn đề ở đây là mình dành quá nhiều năng lực cho những chuyện phù phiếm của cuộc đời này. Những giá trị tâm linh lớn lao lại bị bỏ quên trước những điều nhỏ nhen như thế. Nếu bạn không tu tập, và khi sắp qua đời bạn được vây quanh với những người bạn và những người đã làm việc cùng với bạn, thay vì có một người nào đó nhắc nhở bạn về việc tu tập tâm linh, đạo đức, rõ ràng chính bạn đã mang lại sự rắc rối cho mình. Sự sai lầm này của bạn là bạn không có ý thức về vô thường.

Lợi ích của tinh giác về giáo lý vô thường

Tuy nhiên, nếu bạn không phải đợi đến giờ phút cuối mới thấm thía sự thật rằng mình sẽ chết, và bạn nhận định một cách thực tế tình trạng của mình ngay bây giờ, bạn sẽ không bị chi phối bằng những mục tiêu phù phiếm nữa. Bạn sẽ không lơ đãng với những mục tiêu quan trọng lâu dài. Bạn nên quyết định ngay từ đầu là mình sẽ chết, và hãy tìm hiểu những điều giá trị thực sự. Nếu ghi nhớ là đời sống trôi qua rất nhanh, bạn sẽ trân quý thời gian và sẽ làm những gì có giá trị. Với ý thức mạnh mẽ về sự chết tất yếu sẽ đến với mình, bạn sẽ thấy mình cần phải tu tập, chuyển hóa tâm trí, và không lãng phí thời giờ với những thú vui từ ăn uống đến chuyện phiếm về chiến tranh, những cuộc tình lãng mạn và về đời tư của người khác.

Hết thảy chúng sanh đều muốn mình hạnh phúc và không muốn khổ đau. Chúng ta dùng nhiều kỹ thuật khác nhau để giải trừ những đau khổ lớn cũng như nhỏ. Loài người chúng ta biết thực hành những phương pháp tu tập sớm trong đời của mình để tránh đau khổ về sau. Trong cuộc đời, những người có tu và những người không tu đều tìm cách giảm bớt một số nỗi khổ và giải trừ những nỗi khổ khác, có khi còn dùng sự đau đớn nhỏ làm phương tiện vượt qua đau khổ lớn và đạt được một loại hạnh phúc nào đó.

Mọi người đều cố gắng loại trừ đau đớn bên ngoài, nhưng có một phương pháp khác để giải trừ đau khổ ở mức sâu xa hơn, nhắm tới việc giảm thiểu hay diệt trừ đau khổ trong những kiếp tương lai, và hơn nữa, giải trừ tất cả mọi hình thức đau khổ cho chính mình cũng như cho chúng sinh. Phương pháp này gọi là tu tập tâm linh. Những phương pháp này bao

gồm sự điều chỉnh thái độ. Như vậy, về căn bản, tu tập có nghĩa là điều chỉnh tốt ý nghĩ của mình. Trong tiếng Sanskrit, tu tập tâm linh được gọi là “Dharma”, nghĩa là “cái nắm giữ”. Điều này có nghĩa là do điều chỉnh những thái độ xấu, bạn thoát khỏi một mức khổ đau và như vậy được “giữ lại” khỏi sự đau khổ đó. Việc tu tập tâm linh này có công năng bảo vệ bản thân mình và người khác, khỏi rơi vào hố sâu của sinh tử khổ đau. Từ việc đầu tiên hiểu tình trạng của mình trong vòng luân hồi và tìm cách giữ mình lại khỏi đau khổ, bạn truyền đạt sự chứng ngộ của mình cho người khác và phát khởi lòng từ bi, tức là nguyện cứu giúp chúng sinh thoát khổ. Dù chỉ là một sinh linh, bạn có lý do chính đáng để chọn con đường giúp đỡ nhiều sinh linh khác, nhưng cũng có một điều khác, đó là do chú tâm đến lợi ích của người khác, chính bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn. Có lòng từ bi, bạn sẽ bớt sự đau khổ của chính mình và gia tăng sức mạnh nội tâm.

Để tôi kể cho bạn nghe về một thí dụ nhỏ, mới đây khi ở Bồ-đề Đạo tràng, tôi bị bệnh nhiễm trùng đường ruột mãn tính. Trên đường đến bệnh viện tôi cảm thấy rất đau, và đổ nhiều mồ hôi. Xe của chúng tôi đi qua khu vực núi Linh Thứu và ở vùng này dân làng rất nghèo. Bihar là một tiểu bang nghèo, nhưng nghèo nhất là vùng này. Tôi không thấy một trẻ em nào được đi học. Chỉ có sự nghèo khổ và bệnh tật. Tôi nhớ rất rõ là thấy một bé trai bị bại liệt, đeo những thanh kẹp kim loại rỉ sét ở hai chân và hai tay chống nặng. Một chỗ khác, tôi thấy có một ông già ở một quán trà bên đường, chỉ mặc một mảnh vải bẩn, té xuống đất, và nằm luôn ở đó chứ không có ai giúp đỡ đứng dậy. Sau đó tôi được đưa vào bệnh viện, tôi cứ nghĩ ngợi về những gì mình vừa trông thấy, suy ngẫm rằng thật đáng buồn khi ở đây tôi được nhiều người săn sóc, còn những người khốn khổ ngoài kia thì không có ai. Tôi nghĩ đến điều đó và quên đi nỗi đau của mình. Dù mồ hôi đang đổ ra, tôi chỉ nghĩ đến những người khác. Như vậy dù thể xác của tôi chịu nhiều đau đớn (có một lỗ thủng ở đường ruột) và tôi không thể ngủ được, tâm trí của tôi đã không lo sợ. Nếu tôi đã chú tâm vào bệnh tật của mình thì chỉ làm cho tình trạng tệ hại hơn mà thôi. Đây là một ví dụ từ kinh nghiệm nhỏ của bản thân tôi về thái độ từ bi có ích lợi cho cả bản thân, làm quên đi phần nào sự đau đớn thể xác của mình, làm bớt lo sợ, dù người khác không nhận được sự lợi ích trực tiếp.

Lòng từ bi giúp cho chúng ta có thêm sức mạnh, và với sự can đảm đó, chúng ta sẽ an tĩnh nhẹ nhàng hơn. Khi tâm mắt rộng mở của chúng ta bao gồm cả sự thống khổ của vô số chúng sanh, thì sự đau khổ của bản thân mình có vẻ quá bé nhỏ. ■

Nguồn: *Advice on Dying and Living a Better Life*; His Holiness Dalai Lama, Jeffrey Hopkins (2002) Atria Book, New York, USA.



Khai quật và phát hiện

HỒ ANH THÁI

Thắng hoặc, vài ba nhà nghiên cứu sục tung các thư viện, rồi tung ra một tác phẩm cũ của những nhà văn đầu thế kỷ XX như Nam Cao, Vũ Trọng Phụng... Như một phát hiện. Như những phát hiện. Đưa in lại trên báo chí bây giờ, reo to rằng phát hiện ra một truyện ngắn của ông này ông kia, bị bỏ quên, bị thất lạc, không được báo chí và công chúng nhắc lại bao giờ. Thậm chí có nhà nghiên cứu còn dựng công trong những chuyến sang Âu - Mỹ, lục lọi trong kho lưu trữ, tìm lại báo chí Việt Nam thời trước, tìm trong vi phim micro film, trong những văn

bản đã được quét lại chụp lại, đã chuyển sang dạng PDF, rồi lại reo lên: Phát hiện ra một tác phẩm thất lạc.

Trong một lần nhà nghiên cứu khoe lên như vậy, có một nhà văn đang sung sức bảo: Đừng có làm nhục người ta. Ý của ông nhà văn: đầy đều là tác phẩm non kém của các nhà văn quá cố, đọc lại thì thấy họ cũng có một thời non nớt đơn giản, họ đã viết những cái ấy trong lúc vội vàng, ý tưởng chưa chín, bản thân tác giả sinh thời cũng đã muốn quên nó đi rồi, tác giả không hề cho in lại. Tác giả nếu còn sống sẽ không chịu nổi khi thấy có người lôi cái non nớt ấy của mình ra, kêu

toáng lên là phát hiện mới, rồi đưa công bố lại trên báo chí. Đừng có làm nhục người ta.

Anh bạn tôi làm ở một công ty truyền thông thực hiện kế hoạch phát hành lại những bộ phim cũ của điện ảnh Việt Nam. Hầu như các phim đều đã được chuyển sang DVD để phát hành rộng. Anh làm một tuyển tập gồm tất cả phim của một đạo diễn điện ảnh đàn anh. Ông đạo diễn đồng ý. Nhưng khi nhắc đến một bộ phim cũ, làm từ năm 1970, ông đạo diễn xua tay: Chớ, đừng có in lại phim ấy. Xua quyết liệt. Lắc đầu dứt khoát. Ấy chớ. Chỉ đơn giản vì đấy là cái phim như bài tập vỡ lòng mà công chúng đã quên, bản thân đạo diễn cũng muốn quên. Xới lại làm gì. Khởi lại làm gì. Lại nhớ câu: Đừng có làm nhục người ta.

Người nghiên cứu lại không nghĩ vậy. Họ khăng khăng cần theo sát đầy đủ quá trình phát triển nghệ thuật và tư tưởng của nhà văn, không có sự đứt gãy gián đoạn. Họ sung sướng khi phát hiện ra một tác phẩm của nhà văn đã bị lãng quên. Chẳng nhẽ ta lại vui mừng chỉ để chứng minh rằng những đấng những bậc như vậy khi mới vào nghề cũng chập chững, cũng giản đơn, cũng yếu kém, cũng hoang mang, cũng có khi như người không biết viết. Có lúc non kém là chuyện tất nhiên. Có lúc trời sứt lên tay xuống tay là chuyện tất nhiên. Có lúc viết vội vì kế sinh nhai vì không kiếm chế được mình là chuyện tất nhiên. Không cần nhà nghiên cứu phải dạy lại thì nhà văn và người đọc mới biết cái chân lý giản đơn này. Cũng đừng ngại biện rằng tác phẩm non kém mới tìm lại được sẽ giúp cá biệt hóa, giúp hiểu thêm sự nghiệp của nhà văn, là bài học kinh nghiệm cho người khác. Xin nhắc lại, bài học kinh nghiệm ấy quá đơn giản, chẳng ai cần mua lấy bài học bằng việc làm tổn thương một tác giả quá cố.

Cũng trong cái mạch kiếm lợi cho riêng mình, một nhà nghiên cứu có lần trách nhà văn quá cố: Ông ấy rất tệ, những bản thảo không in được hoặc văn bản cũ, ông ấy đem đốt hết. Hàm ý trách nhà văn ích kỷ, chỉ nghĩ đến hình ảnh của riêng mình, mà làm khó cho người nghiên cứu về sau. Hàm ý tài sản văn chương của ông là của chung công chúng, không còn là của riêng ông nữa, ông không có quyền xử lý như vậy.

Nhà văn không việc gì sau khi chết lại phải hy sinh một lần nữa, chỉ để giúp cho nhà nghiên cứu chứng minh những chân lý giản đơn. Không hề chối bỏ thời ngây thơ của mình, nhưng nhà văn mong muốn để cho những ngây thơ ấy lặn đi lặn xuống và nguyện vọng cần được tôn trọng. Một nghệ nhân làm tò he chẳng hạn, khi nặn xong, thấy không vừa ý có quyền nặn lại, những con tò he khô ông ta lưu giữ trong nhà, một thời gian sau nhìn lại, thấy nó không đẹp, ông có nhu cầu bỏ nó đi, quên nó đi.

Lại nói chuyện đốt. Một người bạn, tình cờ giở lại đám tài liệu cũ của cha là nhà văn. Tình cờ thấy trong ấy cuốn nhật ký của cha. Đọc. Toát mồ hôi. Có những

chuyện chỉ là trong nhà với nhau, không khúc mắc gì, không nguy hại gì, nhưng biết đâu một lúc nào đó nó vào quang gánh của bà đồng nát, rồi chẳng may nó rơi vào tay một nhà nghiên cứu, nó bị nhà nghiên cứu đem in sau khi reo lên. Tính riêng tư cá nhân bị vi phạm. Chỉ có tính văn bản, tính lịch sử, tính bài học của nhà nghiên cứu là đắc lợi. Thế là anh bạn đốt. Đốt hết. Không để sót lại bất cứ cái gì có thể bị lọt ra ngoài, bị lợi dụng.

Hầu như người viết nào có chút tinh táo, không ảo tưởng về mình, đều biết mình có lúc như trẻ con tập đi. Chập chững, loạng choạng. Kể cả khi đi vững rồi cũng có lúc trượt chân, có lúc đang đi mà ngã lăn quay ra. Không nhiều người biết chuyện chập chững của mình thì tự mình mình im đi. Nhiều người biết, mà theo tháng năm dần quên, thì mình cũng muốn cho nó rơi hẳn vào quên lãng. Chẳng ai mong có lúc nó bị xới tung lên, bị khơi lại, bị đem ra mổ xẻ đàm tiếu bình phẩm. Vẫn biết khi tác phẩm được công bố, dù bản quyền là của nhà văn, thì nó đã thành sản phẩm xã hội, xã hội có quyền khai thác sử dụng nó. Nhưng không đưa tái bản là chủ ý của nhà văn. Không đưa tái bản là quan niệm. Không đưa in cũng là tư tưởng. Không đưa in lại, không phải vì bị thất lạc, bị bỏ quên, bị sơ suất. Sao quan niệm này của nhà văn không được người đời sau tôn trọng? Không phải chỉ là chuyện bên ta, bệnh này là bệnh chung, bên Âu - Mỹ thỉnh thoảng vẫn có nhà nghiên cứu hét toáng lên khi phát hiện ra một tác phẩm "bị bỏ quên" của Victor Hugo, Bernard Shaw, Hemingway... Các nhà nghiên cứu này cũng không cưỡng được cái bệnh thành tích. Bệnh thành tích khiến họ thiếu mất cái sáng suốt nhạy cảm của một nhà biên tập, không cưỡng được cái ý muốn khoe khoang phô trương.

Thôi. Đừng. Chớ. Cấm. Cấm tiệt. Xin cho hai chữ bình yên.

Có tạp chí gần đây này ra ý đưa lên mạng toàn bộ sáng tác văn xuôi đã in trong mấy chục năm qua. Không nên đưa toàn bộ mà nên chọn lọc. Đưa toàn bộ, không khéo tự biến mình thành một cái thùng chứa phế liệu. Chỉ có người viết kém thì mới hưởng ứng cách làm này, mấy chục năm qua họ vẫn viết nhàn nhàn như trước, nay thấy lại cái cũ thì phấn khởi.

Xin hãy tôn trọng sự yên tĩnh đời đời. Không phải cái gì thấy lợi là ta cũng làm. Không phải cái gì pháp luật không cấm là ta cũng làm. Ở đây cần một sự cảm thông của người đời sau. Ở đây cần một sự tế nhị, sự thấu hiểu, sự tinh tế của người nghiên cứu. Có khi tìm ra, phát hiện ra, rồi cân nhắc kỹ, lại thấy là nên ẩn đi, ẩn đi là cách tốt nhất để giúp cho người quá cố.

Những nhà khảo cổ, những nhà chuyên làm nghề khai quật, những nhà chuyên phân tích xác ướp... họ có bao giờ phát hiện ra một cái gì đó mà lại bỏ qua đi, hờ hững lướt qua đi, cho rơi vào lãng quên đi? Có bao giờ như vậy hay không? ■

Thương học phương châm

giáo khoa thư của doanh nhân ngày trước

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Lương Văn Can (1854-1927) là nhà cách mạng Việt Nam và là một trong những người sáng lập trường Đông Kinh nghĩa thực năm 1907. Ông quê ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Đông (cũ). Năm 1875, thi đỗ cử nhân, được bổ làm giáo thụ phủ Hoài Đức nhưng ông từ chối; sau, Chính phủ Pháp cử làm Hội đồng thành phố Hà Nội, ông cũng không nhận. Năm 1879 ông mở trường dạy học tại Hà Nội.

Là nhà nho yêu nước, ông đã học hỏi theo sách của các nhà tư tưởng tiến bộ của phương Đông lẫn phương Tây nhằm tìm con đường canh tân đất nước. Khi thấy cuộc cải cách Minh Trị thành công trên đất Nhật Bản, học tập người Nhật, ông cùng bạn bè tìm cách thành lập một trường học, theo kiểu trường Khánh Ứng nghĩa thực của Phúc Trạch Dụ Cát (Fukuzawa Yukichi) lập ở Nhật, để làm cuộc cách mạng về văn hóa, đồng thời tuyên truyền lòng yêu nước, tinh thần chống Pháp trong dân chúng Việt Nam. Với mục đích đó, năm 1907 trường Đông Kinh nghĩa thực ra đời và căn nhà ông ở phố Hàng Đào cũng trở thành nơi học tập. Từ trường Đông Kinh nghĩa thực này, phong trào Đông Kinh nghĩa thực lan đi rất nhanh và lan rộng làm thực dân Pháp hết sức lo sợ, vì thế đến tháng 12 năm 1907, Pháp giải tán Đông Kinh nghĩa thực, ông bị bắt giam nhưng vì không có chứng cứ kết tội nên Pháp buộc phải thả ông. Sau khi nổ ra vụ kháng thuế tại các tỉnh miền Trung và vụ Hà thành đầu độc, năm 1913 ông bị bắt và bị kết án đầy biệt xứ ở Campuchia trong suốt 10 năm.

Là người từng soạn tài liệu cổ vũ hoạt động thương mại cho trường Đông Kinh nghĩa thực, chứng kiến những thành bại của giới doanh thương và bản thân ông đã từng kinh qua buôn bán, những kiến thức cả lý thuyết lẫn thực tế đó đã giúp ông soạn ra cuốn *Thương học phương châm*, (sách được in tại Nhà in Thụy Ký Hà Nội tháng 2-1928); đây là quyển sách rất đáng chú ý bởi nó không chỉ hướng dẫn cụ thể

về nghề thương mại, mà còn đề cập đến vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế, đồng thời phân tích tình trạng thương mại yếu kém của nước ta lúc bấy giờ.

Đây được coi là cuốn *giáo khoa thư* đầu tiên dành cho thương giới do một người Việt biên soạn, vào những ngày đầu các nhà buôn của ta trên đường tập buôn bán và cạnh tranh với tư bản quốc tế. Sách bao gồm các phần mục: *Tư bản, Tổ chức sự buôn, Tính toán, Sổ sách, Thư từ, Thương hiệu, Thương tiêu, Thương địa, Thương điểm, Bày hàng, Quảng cáo, Giao tế tiếp giã, Điều lệ nhà băng, Sự buôn bán nước ta.*

Nhìn vào các phần mục đó, chúng ta có thể hình dung được đây là một tài liệu có tính hệ thống dành cho những người làm nghề kinh doanh buôn bán.

Trong lời tựa cuốn sách, ông nói rõ mục đích là:

"... Nước ta ngày trước học chữ Nho chỉ chí tại thi đỗ để ra làm quan, ngày nay học Tây chỉ chí tại tốt nghiệp để ra làm việc, ít người có chí làm ra thực nghiệp, hoặc có một bọn muốn học nghề buôn, mà tư bản đã ít, học thức cũng kém, chỉ được mấy năm thì thất bại, khánh tận ngay, ấy chỉ bởi không có học mà đến thế. Ôi! Sự buôn rất là phiền phức, nào là tư bản, nào tính toán, nào sổ sách, nào thư từ, nào mua hàng, nào bày hàng, nào tính hàng, nào thương hiệu, thương địa, thương điểm, nào cách tiếp dân, nào quảng cáo, việc gì cũng phải có cơ quan, nếu không biết thương học, đủ cả thương đức thương tài thì không được. Tôi không phải là người biết buôn, chỉ nhật lấy các sách quan hệ về sự buôn, lược dịch ra như sau này để độc giả chọn lấy mà xem cho biết sự thể tình hình, may ra nghề buôn nước ta phát đạt hơn trước được chăng...".

Trong một đoạn khác, ông viết:

"Đương buổi thế giới cạnh tranh này, các nước phú cường không đâu là chẳng đua tài, thi sức, ở trong trường thương chiến, văn minh càng tiến bộ, buôn bán càng thịnh đạt. Việc buôn bán thịnh suy có quan hệ đến quốc dân thịnh suy như thế, ta há nên coi thường xem khinh sao được"





Bàn về kinh doanh, tác giả cho rằng “kinh doanh phải hiểu nghĩa”.

Ông viết: “Bí quyết thành công đối với nhà kinh doanh là ở sự trung thực. Nghĩa là nguồn lợi thu về phải theo lẽ tự nhiên, đừng bao giờ vì lợi mà làm điều xằng bậy hoặc phiêu lưu mạo hiểm. Giả dụ như người tích trữ gạo, vải mà lại mong mất mùa lúa, mùa bông thì đó là cái tâm địa ích kỷ, độc ác. Lại có người kinh doanh chuyên mua thừa bán thiếu, làm hàng giả để đánh tráo hàng thật, cũng bởi lòng tham không cùng mà thôi. Xét kỹ ra, người ta giàu nghèo ở tâm đức, ở lòng ngay thẳng, khoan hậu với người, đấy cũng là phép thuật kinh doanh vậy!...”

Quan điểm đạo đức của ông là không được coi đồng tiền làm mục đích duy nhất trong kinh doanh, vì nếu tham lợi sẽ nảy sinh những mánh trá, gây thiệt hại tới người tiêu dùng và lâu dài thì đó là hành động hủy diệt mình.

Ông viết: “Việc gì có ích cho người mà không tổn đến mình thì nên vui lòng mà làm, việc gì có ích cho người dẫu hơi tổn đến mình cũng nên miễn cưỡng mà làm, việc gì có tổn đến mình mà không ích cho người thì quyết không nên làm, việc gì không ích cho mình mà có tổn đến người, lại không nên làm lắm...”

Phân tích nguyên nhân không phát triển của thương mại nói riêng, kinh tế nước ta nói chung, ông đã vạch ra 10 điểm.

Đó là:

1. người mình không có thương phẩm.
2. không có thương hội.
3. không có tín thực.
4. không có kiên tâm.
5. không có nghị lực.

6. không biết trọng nghề.

7. không có thương học.

8. kém đường giao thiệp.

9. không biết tiết kiệm.

10. không nội hóa.

Với cuốn sách này, tác giả khẳng định, nghề buôn bán rất cần phải có sự học hỏi bài bản, khoa học. Nhìn lại lịch sử, trước đó chúng ta chưa từng có cuốn sách nào về nghề buôn.

Thời buổi mới, sự cạnh tranh trong buôn bán cũng khốc liệt hơn, nhà buôn nước ta không thể quanh quẩn với những kinh nghiệm truyền miệng, mà phải được trang bị kiến thức một cách đầy đủ và bài bản.

Thương học phương châm là cuốn sách đúc kết kinh nghiệm kinh doanh buôn bán của người Việt và những bí quyết kinh doanh của người nước ngoài mà tác giả đã tổng hợp được qua sách báo.

Mặc dù chỉ là những kiến thức sơ đẳng của nghề kinh doanh vào thời điểm trước 1930, song nó thực sự là một kho kiến thức quý giá cho những người theo nghề kinh doanh buôn bán. Đó là cuốn sách gối đầu giường của thương giới Việt trong những năm 20 của thế kỷ trước.

Từ lần xuất bản đầu tiên với số lượng in 1.000 cuốn, đến nay sách vẫn chưa thấy được in lại. Theo website *Tailieu.vn*, sách còn ở dạng bản thảo hiện được lưu giữ tại Thư viện Khoa học Trung ương và gia đình tác giả. ■

Tài liệu tham khảo:

- *Đông Kinh nghĩa thực*, Nguyễn Hiến Lê, Nxb Lá Bối, 1968.
- *Lương Văn Can - xây dựng đạo đức kinh doanh cho người Việt*, Nguyễn Hồng Dung, Nxb Trẻ, 2007.

Lời trẻ hỏi

những điều phải suy gẫm

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Thiên có được phép lạ thần thông?

Trong bài viết *Đâu chỉ của mình trăng thôi*, tác giả Nguyễn Duy Nhiên có kể về việc bà Sylvia Boorstein, được mời vào lớp sáu của đứa cháu ngoại để nói về đạo Phật. Bà Boorstein là tác giả của quyển *"Dễ hơn là bạn nghĩ: Con đường hạnh phúc theo lời Phật dạy"*.

Lần đó, sau khi bà Boorstein trình bày, có một em trai đưa tay lên hỏi: "Cháu có nghe nói là những người tập thiền giỏi, họ có thể biết trước được tương lai của mình, họ có phép lạ thần thông, có phải vậy không ạ?".

Bà Sylvia đáp: "Có thể, nhưng đó không phải là mục đích của thiên!".

Cậu bé hỏi tiếp: "Thế thì bà có biết ai tập thiền và có được phép lạ thần thông không?".

"Bà có nghe nói về một thiền sư ở Ấn Độ có khả năng đi xuyên được qua tường".

Cậu bé có vẻ không tin lắm: "Nhưng bà có chính mình thấy được việc ấy không?".

"Bà chưa thấy điều ấy, nhưng mà vị thầy của bà kể lại là ông đã nhìn thấy, và bà chỉ nói lại theo lời của ông mà thôi".

"Nhưng mà làm sao người ta có thể đi xuyên qua tường được?".

Bà Sylvia cố gắng giải thích thêm, "Bà nghĩ có lẽ cũng giống như là cơ thể chúng ta được cấu tạo bởi những phân tử rất nhỏ hợp lại, và những người có năng lực thiền định giỏi họ có thể tự làm tách rời những phân tử ấy ra, đi xuyên qua tường, và rồi họ gom hợp chúng lại với nhau như cũ!".

Bé trai im lặng, suy nghĩ một hồi, rồi nói: "Cháu thấy là nếu họ làm như vậy, rũi như họ đang đi xuyên qua bức tường, và quên thiền tập, họ có bị kẹt cứng trong bức tường ấy luôn không?".

Suy nghĩ của cậu bé thường người lớn chúng ta chẳng để ý, và lắm lúc cho rằng chẳng đáng suy gẫm. Tác giả Nguyễn Duy Nhiên lại cho rằng: "Các em nhỏ lúc nào cũng có những suy nghĩ và thắc mắc mới lạ bạn hả! Câu chuyện ấy cũng khiến tôi liên tưởng đến những 'bức tường' vô hình trong cuộc sống chúng ta. Có biết bao lần, vì thiếu chánh niệm và tỉnh giác, chúng ta đã bị kẹt cứng trong những 'bức tường' của hờn giận, lo âu, của thất vọng, sợ hãi... và không thể thoát ra được".

Tác giả Nguyễn Duy Nhiên cũng cho rằng: "Trong thiền quán thì phép lạ không phải là đi xuyên qua tường hay đi trên mây, mà phép lạ là đi trên mặt đất. *Địa hành thần thông*. Tổ Lâm Tế nói, phép lạ là ta có thể đi như một người có tự do, thông dong giữa những bận rộn và lo toan của cuộc đời, không bị vướng mắc hay kẹt vào nơi đâu cả. Nhưng thật ra, không phải chỉ có phiền não mới là những 'bức tường', mà đôi khi ta cũng có thể bị kẹt trong những bức tường của 'hạnh phúc' nữa kia".

Theo tôi, thiền quán không gì khác hơn nhằm để thấu thị Phật tánh. Theo tác giả Yongey Mingyur Rinpoche: "Phật tánh không thể được diễn tả bằng những từ ngữ thuộc khái niệm tương đối. Nó cần được kinh nghiệm một cách trực tiếp, và kinh nghiệm trực tiếp thì không

thể diễn tả bằng lời. Mặc dù Phật tánh không thể diễn tả được. Đức Phật đã đưa ra một số gợi ý như tấm bản đồ giúp chúng ta biết phương hướng và con đường dẫn đến kinh nghiệm không thể diễn tả đó. Một trong những phương pháp của Ngài là nêu lên ba tính chất của Phật tánh: *Tự do vô hạn* là khả năng nhận biết một cách tự tại về mọi sự việc quá khứ, hiện tại và tương lai; *Năng lực vô hạn* là sức mạnh không giới hạn để đưa chúng ta và tất cả chúng sanh thoát khỏi đau khổ; và *Lòng từ bi vô hạn* là ý thức không giới hạn về sự tương liên giữa tất cả vạn vật, một tâm thức mở rộng ra cho kẻ khác, điều được coi là động lực trong việc tạo ra những điều kiện thuận lợi giúp tất cả chúng sanh tiến hóa.

Tôi cũng như rất nhiều người tin tưởng vào Đức Phật để qua học hỏi và thực hành, để có thể thể nghiệm trực tiếp phép lạ là *sự tự do, sức mạnh và lòng từ bi không giới hạn* kể trên.

Cái “không” có phải là cái gì đó?

Cách đây không lâu, tôi có dịp đọc trên mạng tạp chí viết bằng tiếng Anh *Lion’s Roar Buddhist wisdom for our time & Buddhadharma* (Tiếng rống sư tử - Trí tuệ Phật giáo của thời đại chúng ta & Buddhadharma). Trong đó có bài viết “Thầy Thích Nhất Hạnh trả lời các câu hỏi của trẻ con”. Bài viết này dựa vào các câu hỏi hồn nhiên của trẻ và câu trả lời rất thú vị của thầy Nhất Hạnh trong cuốn sách có vẽ minh họa *Is Nothing Something?* (Cái không có phải là cái gì đó?). Trong sách, thầy Nhất Hạnh cho biết: “*Quả là tôi quá già so với đám trẻ đặt các câu hỏi, nhưng khi chúng tôi ngồi và thực tập hít thở cùng nhau có vẻ chúng tôi cùng trang lứa thôi.*”

Sau đây là các câu hỏi và trả lời

Sự tỉnh thức là gì?

Sự tỉnh thức là năng lượng. Năng lượng này giúp chúng ta tận hưởng những gì đang xảy ra ngay hiện giờ. Năng lượng của tỉnh thức có thể mang đến cho chúng ta rất nhiều niềm vui. Nó giúp chúng ta giảm bớt sự đau khổ và học hỏi từ sự đau khổ đó. Một cách rất tốt nhằm thu được phần nào năng lượng của tỉnh thức là các con nhắm mắt và hít thở nhẹ nhàng. Nếu các con có thể tận hưởng một cách thú vị sự hít vào thở ra là các con đã tạo ra năng lượng của tỉnh thức rồi đó.

Chúng ta nên làm gì khi có người cảm thấy khổ sở và chúng ta muốn an ủi người đó, làm người đó thấy khá hơn?

Điều đơn giản và đáng làm nhất ta có thể giúp cho người đang đau khổ là ở bên cạnh họ và thở cùng họ. Ta nên nói: “Tôi ở đây cùng với bạn nè”. Ta đang dang hiến sự hiện diện cùng với người đau khổ, đó là món quà tuyệt vời nhất ta có thể dâng tặng họ.

Chúng ta làm gì khi chúng ta sợ hãi?

Thông thường khi chúng ta sợ hãi, chúng ta cố chạy trốn khỏi vật làm chúng ta sợ. Riêng đối với thầy (tức thầy Thích Nhất Hạnh), khi thấy sợ, thầy thở thật sâu và

tự trấn an mình. Thầy ngừng suy nghĩ và dồn tâm trí cho việc thở. Mỗi khi thấy thấy dạ dày mình khó chịu, thầy dùng chai chứa đầy nước nóng và áp nó lên bụng chỗ có dạ dày, thấy thấy dễ chịu liền. Thấy cho rằng, khi tâm trí chỉ nghĩ đến việc thở thì cũng giống như mình dùng chai nước nóng áp lên, làm dịu tâm trí. Mỗi lần thấy sợ, thầy chú tâm đến việc thở, thế là nỗi sợ tan biến.

Cái “không” có phải là cái gì đó?

Đúng rồi. Cái “không” là cái gì đó. Bởi vì chúng ta có ý tưởng về cái không trong đầu chúng ta. Cũng như chúng ta có ý tưởng về một cái gì đó trong đầu. Cả hai ý tưởng đều có thể làm chúng ta đau khổ hay hạnh phúc. (Lời người viết: *Đúng là “Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc; Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc.”*)

Tại sao con có khi thấy cô đơn

và nghĩ rằng không ai yêu thương mình?

Có đôi khi những người chung quanh con xao lãng và họ quên đi việc bày tỏ lòng yêu thương. Nhưng nếu con cứ nghĩ rằng mọi người không có ai yêu thương con thì con hãy nhìn vạn vật thiên nhiên chung quanh con. Con có thấy cái cây ngoài kia không? Cái cây ấy yêu thương con lắm đó. Chính yêu thương nó mới phô bày vẻ đẹp và sự tươi tắn của nó đối với con, nó cung cấp dưỡng khí (oxygen) cho con thở. Còn trái đất cũng thế, nó cho con nước uống, cho các loại trái cây ngon lành con ăn. Cả thế giới này đều bày tỏ yêu thương đối với con, bằng nhiều cách chứ không phải chỉ bằng lời nói.

Làm sao con yêu thương người khác cho đáng

khi họ thích thú mà con chẳng thích?

Yêu thương chính là khám phá. Nếu con thật sự yêu thương một ai đó, con sẽ khám phá những điều tuyệt vời ở người đó. Con có thể chấp nhận sự khác biệt ở người khác vì thật ra, nếu mọi người đều giống nhau cả thì buồn chán lắm. Ngay cả khi con thấy ở một người có điều mà con không thích chút nào, con có thể thực tập yêu thương người đó, đúng với con người thật của họ chứ không phải mẫu người mà con mong muốn.

Làm cách nào con bình tâm cho đáng

khi thấy quá nhiều điều xấu xa trong thế giới này?

Mỗi khi thấy thấy sự bạo hành hay ác độc, thầy vẫn tức giận đó chứ. Tất cả chúng ta đôi khi vẫn giận dữ. Nhưng chúng ta hãy học cách kiểm soát sự tức giận của chúng ta. Nếu chúng ta nhìn cho thật sâu vào, chúng ta sẽ thấy thật ra, kẻ làm điều độc ác cũng đau khổ dữ lắm bên trong con người của họ. Nếu chúng ta thấy được như vậy, chúng ta động lòng trắc ẩn, thực hành tính từ bi. Chúng ta góp phần tìm cách cải thiện tình hình bằng những biện pháp hòa bình, ngay đối với cả những gì xảy ra chung quanh ta hoàn toàn đối nghịch với hòa bình. Chúng ta có thể thực hành hít thở để có sự tỉnh thức, chuyển hóa năng lượng tức giận của ta thành năng lượng của sự từ bi. Khi ta có năng lượng của từ bi, ta có thể làm nhiều việc giúp cuộc sống bớt đau khổ lắm đó. ■



Đất phương Nam ngày cũ

Đêm phù sa châu thổ

TRẦN BẢO ĐỊNH

1 Trời chuyển mưa chớp giục, Tư chìa vôi níu chặt be xuống vỏ gòn và có ảo giác mặt nước sông nghiêng. Anh Sáu tỉnh bơ, ngồi hút thuốc sau lái chờ bạn hàng tới nhận hàng. Tư chìa vôi đâm lo: *"Sắp mưa mà anh Sáu không kêu mình che đây, rủ cả đồ đạc lẫn hàng bông ướt ráo nạo thì sao, trời!"*

Thành linh, sấm đang găm gù muốn nổ bồng ngưng, tự dưng chớp giục cũng lặng trang; trời quang mây tạnh. Anh Sáu "đi guốc trong bụng" thằng Tư, có điều anh chưa nói ra đó thôi! Tư ở phương xa, mới tới xin "đi bạn" chưa "quen nước quen cái" thì nói chi quen phong thổ đồng bằng.

Đợi chờ chuyến hàng bạn về và chờ con nước, anh rủ Tư lên bờ kiếm cái gì mần lai rai cho đỡ buồn miệng. Tư giữ phận, không dám vượt ranh chủ tớ. Anh Sáu vỗ vai Tư, rồi cười bằng mắt: *"Trong việc mần ăn, người Nam bộ coi nhau là 'bạn'. Tui mời chú em đi 'kéo ghế'. Ghế ở đây thuộc loại ghế đầu, tuy không sang, nhưng cũng vừa đủ ấm lòng kẻ thương hồ"*.

Anh Sáu ngó bộ dạng và cặp giò ốm tong teo, cao lêu nghêu của Tư chẳng khác mấy cái chìa vôi ngoáy trâu; hèn gì dám "đi bạn" chung với nó gọi nó là "Tư chìa vôi". Bước lên thân cây dừa đẹo rãnh bực thang, Tư cúi rúm sọt trật chun té.

Thềm quán cao, Tư ngồi ghế đầu ngó bến sông thấy chiếc xuống vỏ gòn giống hệt vỏ trái gòn trong khu vườn nhà ở Quảng Yên. Tư cố giấu cảm xúc chạnh lòng ly hương, quay sang hỏi anh Sáu:

"Khi này sao anh gọi đi kéo ghế?"

"Thì gốc gác của tui cũng từ ngoài đó vô đây!"

Ánh mắt xa xăm, anh buông thõng một câu:

"Đã hơn ba đời người, chớ ít ỏi gì đâu!"

Dường như muốn né tránh xúc động, anh hớp ngụm rượu rồi nói lảng sang chuyện mưa nắng.

"Miền phù sa châu thổ có năm tháng mưa, bảy tháng nắng. Nếu gió mùa Tây Nam đem mưa về, thì gió mùa Đông Bắc mang nắng hạn đến. Và xứ Rạch Giá bao giờ cũng được trời mưa sớm hơn các nơi khác độ mươi ngày, nửa tháng".

"Anh nói chi? Tui không hiểu!"

Anh Sáu lắc lắc chai rượu, rót đều đôi chén bằng nhau.

Theo chuyện kể dân gian, sở dĩ Rạch Giá uống nước trời mưa sớm vì nó "hứng ngọn gió Tây Nam đầu tiên" và cũng bởi trời sanh cây giá mọc đôi bờ hai con rạch ăn thông nhau nhằm bảo vệ đất cù lao không trôi ra biển. Cây giá khát nước mưa, trời chiếu nó như sự thường công giữ đất. Lưu dân từ ngũ Quảng vô khẩn hoang lập điền, nghe thấy vậy, đồng tình đặt tên miền

đất mới là cù lao Giá. Đất sống nhờ nước, cù lao phát triển nhờ rạch. Rạch trữ nước ngọt cận kề biển chứa nước mặn nên người đời tôn vinh rạch: ngăn mặn, giữ yên bờ cõi. Từ đó, thiên hạ gọi Rạch cây giá; lâu ngày dài tháng, chữ “cây” rễ mất sâu lòng đất chỉ còn hai tiếng gọn hơ: Rạch Giá!

Chủ hàng chắt hàng gửi đã xong, con nước anh Sáu chờ cũng vừa kịp tới. Lúc xuống tách bến, anh Sáu cười và nói lớn: “Trời gấm gù, chớp giựt vào tháng cuối năm... Tui không kêu chú em che đậy hàng hóa vì hiểu trời hù dọa chơi; chớ nếu mưa trái mùa, chả lẽ trời tạo cơ xúi giục vạn vật trần gian đảo điên, ly tán à!”

* * *

Tính ra thì Tư chia vôi cũng đã đi bạn với anh Sáu hơn ba cái Tết. Tư quen dân cảnh vật, nếp sống sông nước miền Nam. Anh Sáu nhiều lần nhắc nhở: Cần ‘để’, không cần ‘giữ’ ý tứ. Nhiều đó, đủ hòa nhau và được thuận lòng. Rồi anh dặn: “Để” phải tinh tường, “giữ” cái phải giữ, không câu nệ. Anh Sáu thương Tư vì tánh nét hơn vì cảnh ngộ. Bản chất dân sông rạch không tùy hứng ngẫu nhiên... mà từ kinh nghiệm thực tế khi lựa chọn nơi ăn chốn ở cho phù hợp với môi trường tự nhiên. Anh Sáu nói thêm cho Tư ‘để ý’: “Dòng chảy con sông như sợi dây thiên nhiên cột ràng xóm ấp, vì nhà cất tiền sông, hậu ruộng. Chú em nghiên ngẫm rồi sẽ hiểu ra. Biết đâu sau này nó hữu ích khi chú em muốn chọn nơi lập thân”.

Chuẩn bị chở chuyến hàng đêm, Tư hối hả tắm gội, giặt giũ áo quần trên cây cầu ván gie ra mé nước ở bến sông. Bên kia liếp vườn, nắng tấp hỏn, hàng cau mềm rũ lá, thứ nắng người ta thường nói nắng quá chiều hôm.

2 Đêm phù sa đen tối mặt.

Chiếc xuồng vỏ gòn bốn chèo chở hàng về Rạch Giá. Xuồng nước thuận gió thuận nước lướt nhanh trên dòng kinh xáng Xà No băng ra sông Cái Lớn. Thị trấn Gò Quao xưa kia, có tên chữ Đại Hà huyện đã ngái ngủ êm đềm dưới trời sao đồng bằng. Từ sau lái, anh Sáu nhắc: “Chú em! Cần trọng khi tới khoảng giữa rạch Cái Tư và rạch Cần Thơ ăn ngang thị tứ Vị Thanh”.

Tư hiểu ý anh Sáu nhắc “cẩn trọng” là cẩn trọng cái gì. Rạch Cái Tư là một nhánh của sông Cái Lớn, khoảng giữa con rạch này và rạch Cần Thơ tạo nên vùng “đất mặt”, dân tứ xứ đổ xô về kiếm sống, dân chuyên nghề “bồi” và “ghe quan” cũng lảng vảng mò tới kiếm ăn. Ông bà mình thường nói: “Có mặt có ruộng, theo ruộng sẽ đến cầu tiêu”. Bởi vậy, vùng “đất mặt” cũng là vùng “đất đặng”.

“Dạ! Tui biết rồi, anh Sáu!”

Tư vừa chèo vừa căng mắt quan sát. Sông nước im ắng lạ thường, thỉnh thoảng có tiếng cú kêu hoặc tiếng vạc ăn sương rời rạc... người nghe ai mà chẳng sợ, chẳng

chạnh lòng. Tư mong, và rất mong, có tiếng hò của ai đó vào lúc này, cái sợ sẽ tan đi và lòng thì bớt chạnh.

Tư nhớ những chi tiết do anh Sáu chỉ vẽ: “Ghe hầu khác ghe điệu cả hình dáng lẫn kẻ sử dụng. Ghe hầu của đám quan lại, ghe điệu của bọn giàu có. Ghe điệu mũi lái chạm trổ, kèo mũi sơn phết sơn vàng. Ghe hầu tàng lộng, về đêm đèn đuốc sáng choang”. Hề nhắc thấy hai loại ghe đó, né lẹ tránh xa; kéo “tai bay vạ gió”.

Xuồng đang lướt mái chèo ngon trốn. Bỗng, anh Sáu la thất thanh: “Bát! Bát!...” âm vang giựt dội mặt nước. Chiếc ghe trước mũi chẳng những không chịu “cạy” mà nó lao xấn tới. Trên ghe lở nhố năm, bảy thằng bơi mặt giấu tông tích, chực chờ nhảy qua xuồng.

Không kịp trở tay chèo, Tư la chói lói: “Bối! Bớ người ta, bối!... B...ố...i...!”

Lấy hết sức bình sinh trung niên, anh Sáu cố “cạy” chiếc xuồng.

- Rầm! Rầm! R...ầ...m...!

Tư văng xuống kinh. Mũi xuồng quay mòng mòng đâm vô chiếc ghe neo bờ không treo đèn báo hiệu. Cùng lúc, chiếc ghe của đám “bối” đựng thẳng hông xuồng. Trời tối, ghe bàn tay không thấy!

* * *

“Giờ tý canh ba, Bá hộ đi đâu qua hướng rạch Cái Tư?”

Huyện Heo nghiêm sắc mặt hỏi Bá hộ Thao.

“Dạ! Bẩm quan anh, em... e...m...!”

Bá hộ Thao cà lăm cà lạp một hồi mới nói được, rằng: “Em lặn lội đêm hôm sương gió là để kiểm tra bất thành bọn tá điền bê trễ việc tá túc”². Huyện Heo ngồi tréo ngoáy, tay se se sợi lông tài mọc trên mực ruồi đen mép phải miệng. Bởi huyện Heo thừa biết âm mưu của thằng Thao “mượn tay quan cướp ruộng đất thằng Sáu”.

Đời trước, ông bà anh Sáu khẩn hoang được mười mẫu đất và qua nhiều mùa cấy cày, đất trở nên “ruộng mứt”. Rủi cho gia đình anh, “ruộng mứt” đó lại nằm cạp ranh đất Bá hộ Thao.

Huyện Heo đập tay xuống bàn.

“Đi kiểm tra bọn tá điền bê trễ việc tá túc, hay lén phéng đi thông dâm với vợ thằng Biện Tình vậy, ông bá hộ?”

Bị huyện Heo điểm ngay chóc huyết, Bá hộ Thao đứng chết trân, trán rịn lấm tẩm mồ hôi. Quán tính “đầu trộm đuôi cướp” có từ buổi chập chững hành nghề trộm bắt chợt hiện về, giúp Bá hộ Thao kịp lấy lại bình tĩnh.

“Thì em cũng vì muốn mang lợi lộc dâng tặng quan anh đó thôi! Miễn sao, quan anh xử nó đi tù và bắt nó bán nhà cửa, ruộng vườn lo chạy án, lo phí tổn, để sắm lại cái ghe điệu cho em”.

Cặp mắt giống mắt heo của huyện quan lạnh lùng ngó lên trần nhà, giọng nói không xì hơi qua đôi hàm răng khít rít: “Bá hộ khinh khi quan quá mức, tù một gông đó nha!”



Nguồn: hailua_mientay.blog.com

Nói xong, quan chấp tay sau đít, đi tới đi lui, mặt tai tái, đống kịch giận dữ.

“Đẩy vào thế kẹt, nó bán mình mua theo giá mình định. Minh có cướp giật của nó đâu, quan rầy rà em quá thể!”

Bá hộ Thao tức mình thầm nghĩ: *“Minh với va mần ăn nhiều năm, nào phải lần đầu. Ngay vợ thằng Biện Tình, va cũng mần banh chia sút gọng. Chuyện bọn bối lộng hành khúc sông về miệt Cái Tư cũng chính va giao kèo bán bãi cho chúng. Lạ thiệt, sao hôm nay, va trở chúng?”*

Nghĩ thì nghĩ vậy, sợ sẩy mỗi và hồng việc mần ăn với quan, Bá hộ Thao chơi bài ngựa: *“Em bỏ tiền mua, quan khỏi lo!”*

Bấm bụng nói vậy, chớ trong bụng Bá hộ Thao tiếc tiền hùi hụi và chẳng phải Bá hộ Thao mù tịt lai lịch huyện Heo. Huyện quan xuất thân hương quản làng Hòa Hưng, họ tên cúng cơm Lê Văn Nạo, con Lê Văn Ráo. Dân Hậu Giang thời đó không ai không ngán “cặp bài trùng Ráo-Nạo”. Tuy đặng gì ăn đó, nhưng ở vùng phù sa châu thổ không có cái ăn nào ngon lành hơn “ăn đất” và ăn đất khỏi cần cặp. Tía con thằng Nạo cố sức ăn sạch sành sanh, ăn ráo nạo; ăn đến đổi thành danh: *“Heo, ăn như heo!”*

Huyện Heo vỗ vai bá hộ.

“Thôi được, cứ vậy mà mần!”

Bầy chim sẻ đậu mái hiên huyện đường vụt bay tán loạn!

3 Sau cái đêm hãi hùng đó, anh Sáu bị bắt. Chị một nách nuôi ba con nhỏ và chăm sóc má chồng. Tư chết đứng, chứng kiến cảnh nhà chị sa sút dần, và có lẽ chuyện “tán gia bại sản” đối với chị chỉ là thời gian. Lớp nào đến tiền chủ hàng, lớp

nào bỏ tiền sửa “ghe điệu” của Bá hộ Thao đang đem “đi khám điên thổ”, chưa kể “tiền lót lại, đút quan”... hòng cứu chống thoát vòng lao lý! Lần hồi, chị cắn răng bán nhà cửa, ruộng vườn để trang trải nợ nần. Chị nuốt lệ, má chồng khóc hết nước mắt; còn anh thì được huyện Heo “chụp cho cái mũ” đội chơi, gỡ bốn cuốn lịch kể cả năm nhuận, không bớt một ngày, về cái tội “Bối ghe điệu”, nghĩa là cướp ghe Bá hộ Thao(!?).

* * *

“Ghe lui khỏi bến còn dầm

Người thương đâu vắng chỗ nằm còn đây”

(Ca dao)

Đêm khuya khoắt, lời ru con của chị Sáu buồn man mác. Hẳn là lời đặng tâm ý thuộc về mẹ, còn tiếng ru chứa âm điệu thuộc về con. Phù sa châu thổ từ sông nước mà mệnh mông, tinh con người từ cảnh ngộ mà lai láng.

Và:

“Mật ngọt còn tổ chết ruồi

Những nơi cay đắng là nơi thiệt thà”

Họa phúc cùng chia, Tư chẳng thể quay lưng bỏ đi khi chủ sa cơ thất thế.

Tư gom số tiền tích góp, dành dụm bấy lâu “đi bạn” đưa cho chị Sáu mượn dựng quán ở giáp nước rạch Cái Tư. Má chồng chị Sáu nói: *“Chỗ nào giáp nước, chỗ đó tấp nập xuống ghe ngược xuôi ghé lại. Trước là vô hàng quán ăn uống, nghỉ ngơi qua chuyển đi dài. Sau là đợi con nước để đi tiếp. Nó cũng là đầu mối nghe*

ngóng, trao đổi “đường đi, nước bước” và truyền miệng rất nhanh đủ thú chuyện trên đời... Người ta gọi đó là “chợ thông tin”.

Hỏi ra, Tư mới biết, chỗ giáp nước là chỗ con sông đổi con nước.

Buổi trưa, đám trẻ con xóm chợ rủ nhau tắm sông, đứa thả ngữa, đứa trắm nghịch ở bến đậu ghe xuống tạo nên hoạt cảnh náo nhiệt, người buồn mấy cũng vui lây. Tư nhớ lời anh Sáu: “Nghèo khó không bó cái lạc quan”.

Phải rồi, một khi cái lạc quan bị bó thì “chó cũng bỏ đi” nói chỉ tới người. Anh Sáu gặp nạn do nghề hay do nghiệp? Tư không sao giải nổi. Nói gương người xưa, Tư mượn rượu “phá thành sấu”. Thành sấu bị phá ở đâu chẳng thấy, chỉ thấy cái sấu đốt cháy tâm can.

“Bánh lái gãy, xuống cần tay chèo tình tảo. Gia cảnh tui giờ rối như canh hẹ; suốt ngày chú nhậu li bì... Tui biết mần sao?”

Tiếng chị Sáu buồn buồn, nửa khuyên nửa trách.

Tư nhớ hồi chiều, anh em bàn nhậu hỏi: “Tư chia vôi, chú mầy thuộc loại ‘anh hai xuống ba lá’ hay ‘anh ba ghe chài’?”

Tư ngơ ngơ, ngáo ngáo giữa đám cùng đi bạn. Tới lúc về nhà học lại cho chị Sáu nghe, Tư vỡ lẽ: “Xuống ba lá là người uống được rượu ít, ghe chài là người uống được rượu nhiều”.

Đời cũng có lắm khi công bằng: “Uống ít, say mau, tình mau. Uống nhiều, say lâu, tình lâu”.

Tư chợt nghĩ: “Kẻ sống đoan hậu sẽ mất cơ may trường phúc”.

Và hạng người như Bá hộ Thao, dù điền sản mấy ngàn mẫu đất chẳng kém gì ruộng đất của Tổng đốc Phương ở vùng Hỏa Lộ, Vĩnh Hòa Hưng... cũng không có cơ may tận hưởng trường phúc lộc, nói chi tới trường thọ!

4.

“Này con! Giờ thì thằng Sáu đã thụ án, vợ nó cũng tạm sống “gạo chợ nước sông” đắp đổi qua ngày bằng cái nghề buôn bán lật vật để nuôi con, đợi ngày chồng về. Má tính như vậy, con coi có đặng không?”

“Tính sao, hả má?”

Bà nói nhỏ nhẹ: “Má tính tới mùa lúa sau, lãnh ruộng thầy Cai cho con mần tá điền; với sức vóc và tính cần cù của con, rồi con chẳng thua kém ai”.

Từ lâu, Tư coi má anh Sáu như mẹ của mình. Lời má là lời chơn tình, muốn Tư có việc làm ổn định. Nhưng Tư không thích trở thành tá điền để cả đời làm tôi mọi chủ điền. Những tháng năm “đi bạn” và có lúc thúc thủ “ăn nhờ ở đậu” miền phù sa châu thổ, bằng trải nghiệm tự nhiên và tự thân, Tư nhận ra “mái chèo, con thuyền” vẫn hơn “tay cày, tay cuốc”. Sông nước cho người sự phóng khoáng, tự do; còn đồng ruộng, cho người trực canh ruộng chủ để rồi đói nghèo, nợ nần lưu cữu, không đủ

lúa nộp lúa ruộng. Thân tá điền, dẫu cơ cực sơn trường, cái ăn quanh quẩn cũng chỉ là:

“Vai mang bông súng, tay cầm củ cơ”.

(Ca dao)

“Dạ! Thưa má, con vẫn muốn nối tiếp trở lại cái nghề của anh Sáu. Đợi anh Sáu ra tù hẳn rồi sẽ hay!”

Tư rụt rè thưa chuyện với má. Mặt má buồn dàu dàu, chẳng nói chẳng rằng, hồi lâu má mở lời: “Má tuy là đàn bà chỉ có phận, không có danh; nhưng vì là người cố cựu ở vùng này nên má biết nhiều chuyện. Đường đi sông rạch chẳng thiếu cái cần luật lệ, chỉ thiếu cái tâm của người cầm cân. Con “đi bạn” với thằng Sáu nhà má đã ba cái Tết, nếu con không để ý để tứ thì dù con có đi bạn hơn vài mươi cái Tết cũng bằng không. Chỉ là, “chèo xuống vọc nước” chẳng hữu ích gì cho tấm thân bám cuộc sống thương hồ”.

Rồi, má chép miệng than thở: “Luật lệ đường thủy càng chất chồng đống, xuống ghe càng khốn đốn trên sông. Má già rồi, không có đứa nào chịu nghe má. Thằng Sáu nhà này, không nghe má mới ra nông nổi!”

* * *

Tiếng trở mình của chị Sáu, tiếng ho sù sụ của má chồng chị, Tư thức giấc.

Nằm im trên cái phản nẹp tre, Tư lắng nghe từng cơn gió lẻ loi nghịch con nước nơi giáp nước, thổi thốc mái lá xạc xào nửa khuya. Đầu cứ hể vấp ngã trên con đường mình đã chọn thì con đường đó hẳn là sai. Tư nghĩ lung lăm! Má nói chẳng sai; nhưng cái chẳng sai đó còn tùy thời. Xuống ghe coi vậy, vẫn là cái thuộc về mình; đồng ruộng “thẳng cánh cò bay” dẫu sao, vẫn là cái thuộc về người. Tư cân phân, nhắc lên bỏ xuống lúc buộc phải đối mặt với sự chọn lựa: Thương hồ hay tá điền! Và, bất chợt, Tư nghe văng vẳng lời anh Sáu căn dặn hồi nằm: “Tiền sông, hậu ruộng” một khi đã tới lúc lập thân.

Tư bồi hồi nhớ thân côi cút từ nhỏ, cơ cực cũng lắm, đắng cay cũng nhiều. Tuổi thơ của Tư thả theo dòng sông Bồ trôi qua vùng đất Quảng Thọ. Xứ ruộng lúa mà quanh năm suốt tháng dân vẫn thiếu ăn. Rồi, Tư nhớ anh Sáu, nhớ những chuyến đò dọc không chở người chỉ chở hàng, nhớ trăng đồng bằng rụng xuống lòng nước lung linh, mang bao câu hò tình tứ đậm đà tình quê. Nỗi nhớ day dứt và mênh mông! Tư rưng rưng nước mắt, giận Trời bất công: “Anh Sáu nào phải kẻ gian, sao Trời bất dung?”

Tư bước xuống bến sông, xuống ghe đồng ken nằm chờ con nước và bầu trời, hằng hà sa số sao cũng không đủ sáng soi thấu đêm phù sa châu thổ! ■

Chú thích:

1. Ghe đi phía hữu gọi là bát, ghe đi phía tả gọi là cạy (quy ước xuống ghe đi đêm trên sông rạch miền Nam).

2. Số lúa gạo tá điền phải nộp tô cho điền chủ.

Sách *Thánh nữ Maha Majapati Gotami* của Hòa thượng Thích Trung Hậu

Lời giới thiệu

CAO HUY THUẦN

Tôi đã có hai ba lần động đến vấn đề Ni giới trong Tăng-già, nhưng chưa bao giờ dám đi sâu. Lần này cũng vậy, dù phải viết một lời giới thiệu cho một tập sách dành cho Di mẫu Gotami, tôi cũng chỉ muốn dừng lại ở xúc động của tôi trước hình ảnh của Di mẫu. Hình ảnh đó, có Phật tử nào không xúc động tận tâm can: chân rướm máu vượt hàng trăm cây số gian nan, Di mẫu dẫn một đoàn năm trăm phụ nữ, đầu tự cạo, y tự khoác, bất kể mọi trở ngại, hiểm nguy, quyết tâm đi đến gặp Phật để khẩn cầu Ngài, lần thứ ba, chấp nhận cho nữ giới được xuất gia. Tôi thương quyết tâm của Di mẫu. Nhưng tôi cũng thương dẫn đo của Đức Phật. Đẹp thay: quyết tâm ấy và dẫn đo ấy đã hòa hợp một đôi trong một quyết định. Từ quyết định ấy, ngày nay chúng ta có được những chùa Ni để tôn kính.

Di mẫu Gotami đã đội quyết định ấy lên đầu, nhẹ nhàng, thơm tho, như một thiếu nữ cài lên tóc một vòng hoa. Lê nào tôi đem Bát kính pháp trong đó ra đây để làm rận Di mẫu? Sách vở phương Tây nghiên cứu, bình luận tràn đầy về vấn đề này, và tất nhiên tôi cũng có thái độ. Nhưng tôi, một cư sĩ, làm sao tôi dám động đến một vấn đề tày trời của các bậc xuất gia? Tôi không muốn làm công việc của một nhà nghiên cứu, cũng không muốn chạy theo các bình luận gia soi mói vào ngõ ngách của vấn đề bình đẳng nam nữ đang là đại vấn đề nan giải trong xã hội và trong các tôn giáo bạn. Tôi nghĩ Phật tử chúng ta, cả nam lẫn nữ, nên có một cái nhìn khác về vấn đề ấy trong đạo của chúng ta, cao hơn, vượt lên trên vấn đề bình đẳng nam nữ. Tôn ty trật tự trong đạo của chúng ta đặt nặng trên tu chứng, tất cả đều nhằm vào một mục tiêu duy nhất là giải thoát, không đặt trên một cách tổ chức trên dưới chấp chặt, với một hệ thống danh vị, quyền uy. Tất cả các vị Tăng, trên dưới đều là Tỳ-kheo. Tất cả các vị Ni,

danh vị ngang hàng, Tỳ-kheo-ni. Chúng ta chỉ có một lòng tôn kính, bất kể Tăng hay Ni, bất kể trên hay dưới, đối với các bậc “đạo cao đức trọng”, dù ở trên chót vót thủ đô hay ở tận thôn quê làng mạc. Trên phương diện tu chứng ấy, không có gì, cũng không có ở đâu, bình đẳng hơn đạo Phật. Nữ hay nam, ai cũng có thể đạt đến quả vị cao nhất là A-la-hán, Di mẫu Gotami có khác gì Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất? Mà đã nói đến Xá-lợi-phất thì cũng đừng quên rằng ngài Đệ nhất Đại đệ tử ấy của Phật đã có lần bị một Sa-di cảnh giác là không giữ chéo áo ngay thẳng. Ai dám nói trong một Sa-di không có một A-la-hán sẽ thành? Bởi vậy, nếu Bồ-tát Thường Bất Khinh lay mỗi người trong chúng ta như là Phật sẽ thành, ai dám nói lay một Sa-di là bất bình đẳng? Có điều là: người được lay đừng tưởng rằng mình cao hơn. Không có ai cao hơn mỗi người trong chúng ta, bởi vì tất cả mọi người, dù nam hay nữ, đều có khả năng cao hơn chính ta, ai mà chúng ta tôn kính là “bậc tu chứng” đều cao hơn chính ta, bất kể tôn ty trật tự rập mẫu theo thể tục, bất kể nam hay nữ. Nam hay nữ đều là hình thức bên ngoài, đạo của chúng ta dạy thế, ở bên trong ai cũng giống ai, không phân biệt, chỉ có tu và không tu, chỉ có giải thoát và không giải thoát, chỉ có khiêm cung và không khiêm cung. Khiêm cung là thánh, không khiêm cung là phàm, Thánh mẫu Gotami dạy học trò chúng ta như vậy, nam hay nữ đều học chung một bài, nam nào học lếu thì nam ấy đứng dưới nữ.

Thánh mẫu Gotami dạy chúng ta một bài học nữa. Nhưng trước khi nói đến bài đó, tôi xin trích một huyền thoại trong sách này do người đời sau diễn tả thần thông của Di mẫu trước khi chết:

“Lúc bấy giờ Đại Ái Đạo đóng cửa giảng đường, giống kiến chùy, trái tọa cụ trên đất trống. Sau đó, bà bay lên hư không, ngồi, nằm, hoặc kinh hành, hoặc

phát ra ngọn lửa, dưới thân bốc khói, trên thân bốc lửa, hoặc dưới thân bốc lửa, trên thân bốc khói, hoặc toàn thân bốc lửa, hoặc toàn thân bốc khói, hoặc hông trái phun nước, hông phải phun lửa, hoặc hông trái phun lửa, hông phải phun nước, hoặc phía trước phun nước, phía sau phun lửa, hoặc toàn thân phun nước. Sau khi thực hiện các biến hóa như vậy, Đại Ái Đạo trở về chỗ ngồi, kiết-già mà ngồi, thân ngay, ý chánh, buộc niệm trước mắt, nhập sơ thiên...".

Thần thông như vậy có phải là bậc nhất không? Nếu tưởng tượng Di mẫu hiện ra trước mắt chúng ta, và nếu chúng ta đặt câu hỏi đó, chắc bà Thánh của chúng ta sẽ cười mà nói rằng: thối thía gì tài mọn đó so với thần thông mà Đức Phật đã dạy, mà ai cũng nói, nói huyền thuyên mà không làm, thần thông của Vô Ngã đó mà. Cái Ta, cái Ta, cái Ta sừng sững, choán cả vũ trụ, lấp cả trăng sao, thoát một cái biển mắt. Nam biến mất, nữ biến mất, Bát kính pháp biến mất. Niết-bàn hiện ra. Chẳng phải là thần thông đệ nhất sao? Chẳng phải đó là Bát kính pháp mà chúng ta nên hiểu?

o o o

Trong sách này, tác giả có đăng nguyên văn một bài nghiên cứu đứng đắn của thầy Thích Tâm Hạnh, tôi không biết nói và dám nói gì hơn. Chỉ vì đọc bài kệ của Di mẫu trong sách nên muốn tặng thêm cho sách một bài thơ của một vị Ni đã gia nhập Ni đoàn của Di mẫu từ những ngày còn tu trong rừng, tên là Dantika. Cũng như bài kệ của Di mẫu và nhiều bài kệ và thơ khác nữa của các vị Ni đã đạt thánh quả, bài thơ được truyền khẩu trong suốt sáu thế kỷ trước khi được ghi lại trong tập *Therigatha* vào thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch bằng tiếng Pali.

*Khi tôi rời chỗ nghỉ
và đi đến núi Linh Thứu
tôi thấy một con voi
đứng thẳng trên bờ sông.*

Tâm ấy không có nam, không có nữ. Không có trên, không có dưới.

Paris, Quý Xuân Đinh Dậu (2017), PL.2561



*Một người nắm gậy cong
nói với voi:
"Đưa chân đây"
Con voi đưa chân ra
người ấy leo lên voi.
Cái gì trước đây hung hãn
bây giờ trở nên tuân phục dưới tay người.
Thấy vậy tôi trở về rừng
và trụ tâm lắng lại.*

Anh không chết đâu em

TRƯƠNG HOÀNG MINH

Nếu anh chết, em đừng thương tiếc nhé
Đừng bi ai cũng đừng khóc ly tan
Dù anh không tồn tại chốn dương gian
Nhưng vẫn sống ở bên em mãi mãi

Anh vẫn nhớ như in lời Phật dạy,
Cái thân này do tứ đại hình thành
Thế cho nên nó không phải là anh
Mà chỉ là giả danh, không thật tướng

Khi duyên hợp, nó trở thành hiện tượng
Lúc duyên tan, nó theo đó ẩn tàng
Ở trần gian, vạn vật vốn vô thường
Nên tất cả đều sinh-thành-trụ-hoại

Nghiệp duyên hết, anh về cùng tứ đại
Nhưng vẫn luôn quán quít mãi bên em
Khi nhớ anh, em cất tiếng gọi tên
Hoặc hãy đến nâng niu từng biểu tượng

Đóa hoa tươi khoe mình trong nắng sớm
Áng mây trôi lơ lửng giữa chiều êm
Giọt mưa khuya rơi tí tách bên thềm
Làn gió nhẹ vi vu qua cửa sổ

Cùng ngọn nến đang lung linh rục rở
Nghĩa là em đã gặp gỡ anh rồi
Nghĩa là em không phải sống đơn côi
Và em cũng không trở thành góa phụ

Thế gian này, nếu không còn như cũ?
Thì đôi ta mới vĩnh viễn xa nhau
Không bao giờ chuyện đó xảy ra đâu
Đôi ta vẫn sống bên nhau hạnh phúc.

Hạ thương

TRẦN THỊ HỒNG XUÂN

Con đường xưa lá me bay
Đầy vương kỉ niệm chiều nay đứng chờ
Bóng mùa ủ ngậy hương thơ
Phượng phơi tình nhớ dạ ngơ ngẩn sầu

Tháng Tư mùa đã hạ đâu?
Mà em mắt biếc nhuộm màu suy tư
Ngập ngừng bao lẽ hình như
Lời em ngập ngừng tình thơ trao buồn

Hẹn chiều chiều lỡ loang sương
Hẹn ta phân nửa đôi phương xa chờ
Nhòa màu kí ức giăng thơ
Đậm thương màu nhớ lạc bơ vơ mình

Tháng Tư hạ đến im thinh
Trên cành ru những bản tình ca xưa
Con ve nhẩn hỏi gì chưa?
Chiều nay lạ quá đường mưa hoa gầy

Chân ai về dẫm qua đây
Vừa in kỉ niệm buồn cay mắt xè
Đường xưa phủ rợp tán me
Mình tôi dạo vắng ướt nhòe mi thương.

Vương giọt kinh chiều

TK VY TIỂU

Âm từ vời vợi rót,
Làm dịu mát trần gian,
Lời kinh thiêng diệu vợi,
Hiểu và thương ngập tràn,
Trao người nghĩa đạo chứa chan,
Ru hồn bằng những lời vàng ngọt thơm,
Về tìm dấu tích nguồn cơn,
Uyên nguyên từ đạo càn khôn tác thành.

Mơ sát-na hồi sinh,
Chiếu lung linh kinh kệ,
Khói hương trầm phảng phất
ẩn hiện bóng Phật về.
xua dần bóng tối si mê,
nhất tâm hằng niệm, tình quê Di Đà,
Tây phương Cực lạc không xa,
Nhất tâm niệm Phật chan hòa tình thương.

Giọt kinh chiều vương vương,
Giữa vô thường hư ảo,
Về trong đời sống đạo,
Nghe tâm hồn tịnh an,
Niệm Di Đà - diệt xan tham,
Hương về Tịnh độ Lạc bang sáng ngời,
Về miền đất Phật thành thơi,
Niệm kinh cứu khổ cho đời an vui.

Sóng bồ-đề

MIÊN ĐỨC THẮNG

Sóng bồ-đề gợi niềm bùng cảm
Nghe mệnh mông bi mẫn gọi về
Nghịệp áo cơm đảo điên điên đảo
Mãi chấp chờn hờ hững cơn mê.
Sóng bồ-đề hay sóng từ tâm
Sóng Như Lai chuyển nghịệp ý thân
Là ngọn sóng vĩnh hằng vi diệu
Trí và bi diệt hẳn mê lầm.
Trong địa ngục sóng tâm địa ngục
Cõi niết-bàn cơn sóng tâm vô
Không có A lấy gì B tương tác
Không có Hai thì chẳng có so đo.
Chỉ một tâm một nguyện trọn thành
Bồ-đề đó chưa từng sinh diệt.

Về bên dòng sông hoa tím

HÀ NHỮ UYÊN

Dẫu khó khăn anh cũng quay về xứ Cẩm
Lưng dựa dòng sông hoa tím thương yêu
Bên kia xanh bao la bãi bờ Tiên Thuận
Lúa mạ ai tung vàng cả màu chiều.

Gió áp vào sông âu yếm nâng niu
Dan díu cùng khóm lục bình xanh mơn mớn
Dòng sông ngọt mệnh mang ngày em lớn
Chảy hiền hòa tắm mát cuộc đời ta.

Xưa mẹ đưa anh em ta qua những chuyến phà
Khăn gói sách đèn lên tỉnh học
Chỉ một lần mẹ quay đi ràn rụa khóc
Khi em rặng rở dung nhan xiêm áo theo chồng.

Cuối thu vàng rồi khê chạm đầu đồng
Ngỡ mới hôm qua, mà "... đã chín ba mùa lúa"
Em cứ mãi hẹn lần hẹn lửa
Nào phải xa đường hay núi cách sông ngăn.

Cuộc mưu sinh phải đầu nhọc nhằn nắng gọi mưa chan
Út chưa về, để bao lòng hoài mong tha thiết
Mẹ ta đó như bắc đèn dầu hao leo lét
Thần cau già queo quắt trái cau khô.

Chân cầu sóng bỡn lô xô
Bến Đình an tịnh ngăn ngơ tâm mình.



Cổng nhà có giàn hoa giấy

LÊ THỊ XUYÊN

"Anh đang làm gì? Nhớ em không? Em rất nhớ và muốn được gặp anh..."

Đêm đã về khuya, trong không gian yên tĩnh của gian phòng nhỏ nhắn, chỉ có tiếng nhạc phát ra từ chiếc điện thoại cảm ứng của Chi vẫn rủ rì đều đều. Nằm trên giường, mắt chăm chú vào tấm hình của Hào, sau tin nhắn, cô tủm tỉm cười, chốc chốc lại đưa ngón tay mơn trớn khuôn mặt người yêu trong ảnh, rồi lại nhìn vào facebook như chờ đợi.

"Cô gái của anh, em đợi anh lâu chưa? Nãy giờ anh bận xíu công chuyện, giờ là thời gian dành cho em"

Đọc tin nhắn của anh, cô cười rạng rỡ.

"Em chờ anh nãy giờ. Anh biết trong thời gian chờ đợi, em đã làm gì không?"

"Em đọc báo? Nhìn tin với bạn? Nghe một bản nhạc em thích?..."

"Đúng một nửa. Em vừa nghe nhạc vừa ngắm hình anh"

"Ngắm hình anh? Trời đất! Anh có gì đâu mà ngắm?"

"Em thích. Vì em nhớ anh, vậy thôi..."

Những dòng tin nhắn qua lại của Chi và Hào gần một năm nay đã kết nối hai trái tim yêu lại gần hơn. Cuộc gặp gỡ giữa họ tuy bất ngờ nhưng lại là hữu duyên. Trong một lần lướt face tìm bạn, Chi ngộ nhận Hào là người bạn cũ của mình nên nhắn tin kết bạn. Tuy vậy, sau khi biết mình nhầm, thỉnh thoảng hai người vẫn nhắn tin thăm hỏi, trò chuyện với nhau. Thời gian gần một năm với biết bao chuyện vui, buồn, thành công, thất bại được cả hai chia sẻ cho nhau. Và tình yêu nảy nở giữa họ lúc nào chẳng biết.

Hào, chàng trai 27 tuổi, có khuôn mặt khôi ngô, vẻ phong trần và đặc biệt là nụ cười biết nói. Tuy nhiên, sau một tai nạn giao thông, cả hai chân của anh đều đã bị liệt. Chấn thương ấy với anh là một cú sốc vô cùng lớn. Bác sĩ bảo, để có thể đi lại được bình thường như trước phải mất rất nhiều thời gian. Hào không giấu Chi điều đó, trái lại, trước khi thổ lộ tình cảm với cô, anh đã trải hết lòng mình cho người yêu hiểu. Chi yêu Hào, tình yêu của cô dành cho anh trong như ánh nắng mai. Biết anh như vậy, cô càng thương và dành tình cảm cho anh nhiều hơn.

Dù bị ngăn cách bởi không gian địa lý, thế nhưng vẫn không có một trở lực nào khiến họ bớt nhớ, bớt thương nhau. Ngày hai buổi lên trường truyền đạt kiến

thức và bài học cuộc sống cho học trò, Chi càng tin yêu vào cuộc sống này.

"Cô bé của anh, nhà em trước cổng có một giàn hoa giấy màu hồng đúng không?". Tin nhắn của người yêu khiến Chi sửng sốt:

"Đúng rồi. Sao anh biết? Anh đoán mò, phải không?"

"Không! Anh đang ở trước cổng nhà có giàn hoa giấy ấy!"

Chi bật dậy khỏi giường, mở toang cánh cửa sổ nhìn xuống. Ánh nắng mai từng sợi giăng mắc trên giàn hoa giấy, lay phay đám lá nhẹ đưa theo gió. Quen nhau gần một năm trời, địa chỉ nhà mình, Hào đã thuộc lòng. Thế nhưng làm sao anh ấy có thể tự mình từ miền Nam ra tận giữa mảnh đất miền Trung với chiếc xe lăn ấy.

Không thể nào. Nay đã là tháng Năm chứ đâu còn là ngày cá tháng Tư mà anh ấy đùa với mình. Với lại, anh cũng chưa khi nào đùa như thế.

Chi vén tấm rèm cửa, nhìn lại một lần nữa. Quả thực có ai đó đang nép mình bên cánh cửa sắt trước nhà. Cô lao nhanh ra khỏi phòng. Bước chân khựng lại khi cánh cửa cổng từ từ mở ra.

"Hào! Anh phải không?". Dù chưa gặp nhau lần nào nhưng khuôn mặt ấy, nụ cười ấy vẫn như in trong tâm trí Chi. Hào không giấu nổi niềm hạnh phúc.

"Anh đi chuyển xe đêm, ra đến bến rồi đi taxi đến địa chỉ em nói"

Trong giây phút đầu, Chi tần tần như chẳng thể tin điều đó là thực. Cô cảm nhận được trái tim mình trở nên ấm áp với một cảm giác rất lạ. Từng chùm bông giấy nở bung, gieo mình xuống nền đất trước ngõ nhẹ bằng tạo nên một tấm thảm nhung. Chi vội dìu người yêu vào nhà. Từ ba, mẹ đến em gái đều không thể tin vào mắt mình. Sau một vài phút im lặng, Chi nhẹ nhàng nhắc lại câu nói của mình:

"Đây là anh Hào, người con yêu. Chúng con quen nhau trên mạng đã được gần một năm. Mong ba mẹ đồng ý"

Hào đỡ lời người yêu:

"Con hiện đang sống cùng gia đình trong Sài Gòn. Con yêu Chi thật lòng. Mong hai bác chấp nhận tình cảm của chúng con"

Bà Hạnh, mẹ Chi, chưa hết bàng hoàng. Hết đưa mắt nhìn chồng, nhìn Chi, bà lại nhìn chăm chăm vào đôi chân không thể tự mình đi được của Hào, tỏ ý không hiểu. Ông Chánh, ba của Chi, nãy giờ vẫn im

phăng phắc. Ông đang trách đứa con gái của mình. Trong thâm tâm ông có rất nhiều điều muốn nói với con, nhưng vì thể diện của một bí thư huyện, không muốn tai tiếng đồn ra ngoài nên ông im lặng. Kỳ thực, ông không hiểu vì sao con gái mình vừa xinh đẹp, vừa có học thức, có nghề nghiệp ổn định gần nhà lại đi yêu một anh thanh niên trong tận Sài thành, đã thế lại phải ngồi xe lăn.

Sau khi được Hào kể về hoàn cảnh của mình, ông Chánh thẳng thắn:

"Cháu thông cảm, nhà bác có mỗi hai đứa con gái. Bác chỉ trông mong nó yên bề gia thất với ai đó ở đây, dù sao gần mẹ gần ba cũng sẽ tốt hơn. Biết hai đứa quen và có tình cảm với nhau, thế nhưng để tác thành cho con Chi và cháu thì hai bác không đồng ý".

Sau khi để lại lời xin lỗi, ông Chánh dắt xe ra khỏi nhà, sáng nay ông có hẹn đi thăm một số gia đình nghèo khó ở dưới thôn, xã cùng với mấy cán bộ lãnh đạo huyện. Bà Hạnh thương con gái, nhưng vì nghĩ đến hạnh phúc sau này của con, bà cũng có cùng suy nghĩ như chồng và đành ngậm ngùi lách đi chỗ khác. Hào nhìn Chi cười đắng đót. Thấy người yêu buồn bã, Chi bước lại gần:

"Anh đừng lo. Rồi ba mẹ sẽ suy nghĩ lại và đồng ý chuyện của hai đứa mình thôi".

"Anh cũng mong ba mẹ sẽ hiểu và chấp nhận anh".

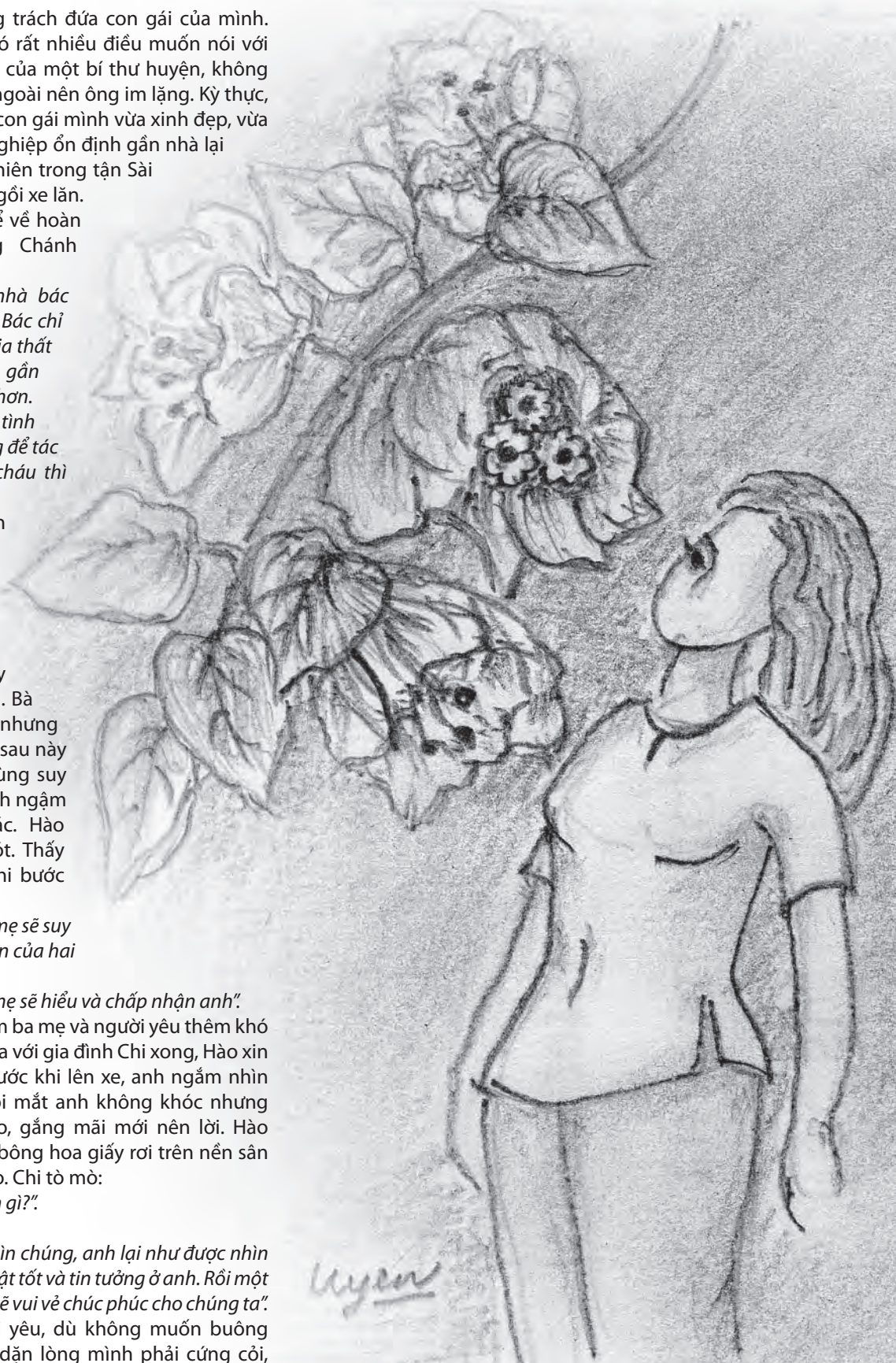
Biết mình ở lại chỉ làm ba mẹ và người yêu thêm khó xử nên sau bữa cơm trưa với gia đình Chi xong, Hào xin phép về lại Sài Gòn. Trước khi lên xe, anh ngắm nhìn người yêu lần cuối. Đôi mắt anh không khóc nhưng giọng anh nghẹn ngào, gặng mãi mới nên lời. Hào không quên nhặt mấy bông hoa giấy rơi trên nền sân khê đặt vào trong túi áo. Chi tò mò:

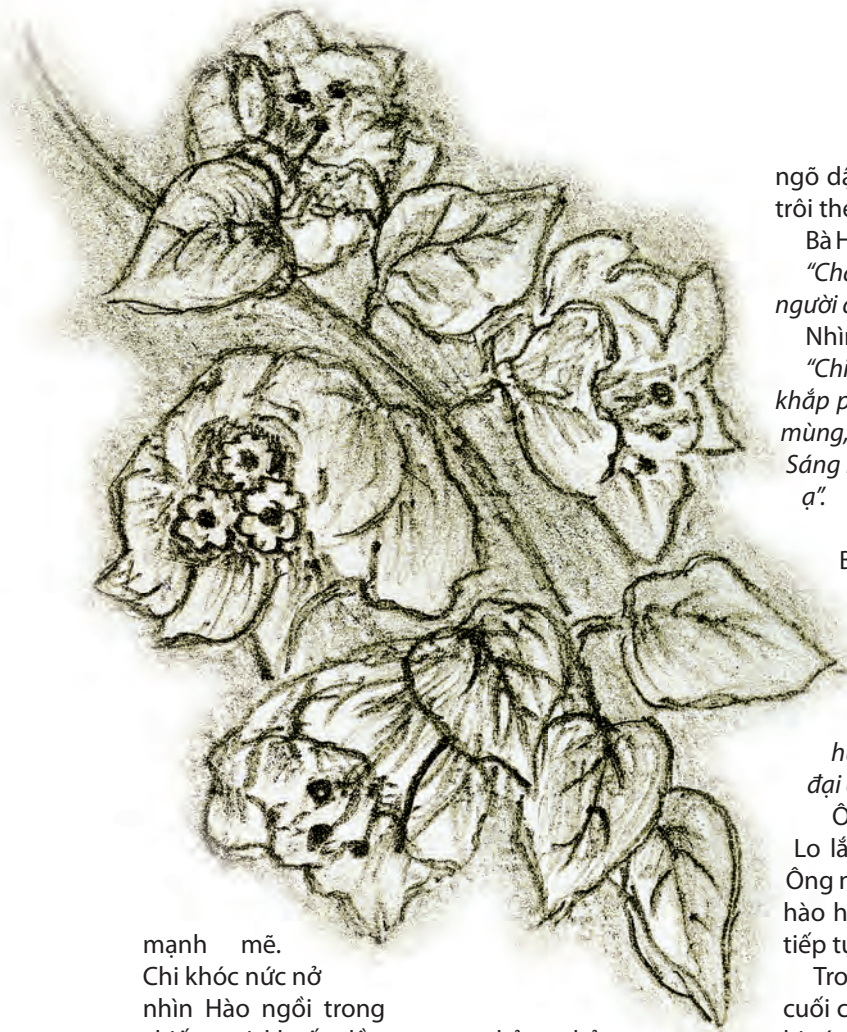
"Anh lấy hoa giấy làm gì?"

Hào gượng cười:

"Để mỗi lần ngắm nhìn chúng, anh lại như được nhìn thấy em. Em hãy sống thật tốt và tin tưởng ở anh. Rồi một ngày nào đó, ba mẹ em sẽ vui vẻ chúc phúc cho chúng ta".

Nắm chặt tay người yêu, dù không muốn buông rời nhưng Hào vẫn tự dặn lòng mình phải cứng cỏi,





mạnh mẽ.
Chi khóc nức nở
nhìn Hào ngồi trong
chiếc taxi khuất dần sau con hẻm nhỏ.
Niềm vui ngẩn chẳng tày gang, mới gặp nhau
đây giờ lại chia tay, trái tim Chi như rỉ máu. Tuy vậy, cô
vẫn ấp ủ niềm tin rằng tình yêu chân chính thể nào rồi
cũng chiến thắng rào cản.

Ba năm trôi qua, giờ Chi đã là một giáo viên dày
dạn, kiêm bí thư đoàn năng nổ, nhiệt huyết. Ngoài các
giờ lên lớp, Chi còn phối hợp với đoàn trường thường
xuyên tổ chức các hoạt động giúp đỡ những gia đình
học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong huyện,
khuyến khích và tiếp thêm động lực cho các em phấn
đấu hơn trong học tập.

Thấy con gái chẳng lo lắng đến chuyện lấy chồng,
bà Hạnh đâm ra lo lắng. Bà đoán trong lòng con gái
vẫn nhớ thương và dành trọn tình yêu cho chàng trai
bị liệt cả hai chân kia. Nhiều lần, bà bàn với chồng thúc
giục rồi mai mối con trai của mấy người bạn cho Chi
nhưng cô vẫn nhất mực từ chối.

Bên bộ bàn ghế sofa, ông Chánh ngồi trầm ngâm
nhấp chén trà nóng. Mắt ông chăm chú dõi theo thông
tin thời sự liên quan đến mưa lớn, lũ lụt nhấn chìm
nhiều tỉnh miền Trung, trong đó có người dân huyện
ông. Vừa trải qua một chuyến thực tế ở mấy xã vùng
ven biển, ông đang suy nghĩ xem cần phải làm gì để
giúp người dân nơi đây ổn định lại cuộc sống. Đôi mắt
ông bản thân nhìn ra ngoài trời, bầu trời vẫn đen kịt,
mưa xối xả, gió quật tới tấp khiến giàn hoa giấy đầu

ngõ dập tơi bời. Hoa, lá rồi cành non cứ thế gãy rụng
trôi theo dòng nước.

Bà Hạnh từ trong buồng bước ra, chép miệng than thở:
*"Chẳng biết ông trời bao giờ mới chịu tạnh mưa cho
người dân bớt khổ".*

Nhìn chồng, bà lại tiếp tục phân trần:

*"Chiều nay, cái Chi cùng với huyện đoàn vừa mới đi
khắp phố để kêu gọi mọi người ủng hộ. Quần áo, chăn
mùng, mền rồi mì tôm, nước uống đã được chuẩn bị sẵn.
Sáng mai sẽ chuyển đến tận tay người dân vùng lũ ông
ạ".*

Nhấp xong hộp trà, ông buông tiếng thở dài.
Bỗng tiếng chuông điện thoại vang lên cắt
ngang câu chuyện của hai vợ chồng.

"Alo! Tôi Chánh nghe đây!".

*"Dạ. Chúng tôi là đại diện đoàn từ thiện
trong miền Nam ra. Chúng tôi muốn đóng góp
hai trăm triệu đồng để giúp đỡ người dân vùng lũ
huyện ông. Sáng mai, mời ông đến Ủy ban huyện,
đại diện cho người dân nhận phần quà này...".*

Ông Chánh nghe xong, khuôn mặt như giãn ra.
Lo lắng vơi dần, thay vào đó là niềm vui nho nhỏ.
Ông nói với vợ về một đoàn tài trợ nào đó có tấm lòng
hào hiệp giúp dân qua cơn hoạn nạn. Rồi ông bà lại
tiếp tục dằng dai câu chuyện về người dân vùng lũ.

Trong phòng của mình, Chi đang sắp xếp số quần áo
cuối cùng vào thùng giấy và đóng cẩn thận để chuẩn
bị sáng mai theo đoàn từ thiện của huyện về giúp đỡ
người dân. Mấy hôm nay nước lớn, học trò nghỉ học. Cô
thấy nhớ chúng đầu đầu. Chi mong nước rút nhanh để
lại được đến trường, được gặp mấy cô cậu học trò lém
lỉnh, tinh nghịch. Chi thấy mình yêu hơn nghề giáo đã
lựa chọn. Điều đó giúp Chi vui đi phần nào nỗi nhớ Hào.

Ông Chánh không tin vào mắt mình khi biết người
đại diện cho tổ chức từ thiện hôm nay lại chính là Hào.
Không phải là chàng trai ngồi xe lăn ông gặp cách đây
ba năm. Hôm nay, anh đi thẳng bước đi nhẹ thênh như
có một phép màu kỳ diệu. Anh cúi đầu chào ông, nở nụ
cười tươi tắn khi trao quà. Từ một người phải ngồi xe
lăn; sau ba năm, anh không chỉ đứng dậy bằng chính
nghị lực của bản thân mà còn tự mình lập thân lập
nghệp để trở thành giám đốc điều hành một doanh
nghệp như hiện tại.

Gặp lại nhau sau ba năm dài đằng đẵng là niềm
hạnh phúc được nhân lên gấp bội đối với cả hai người.
Họ ngồi dưới giàn hoa giấy, thủ thỉ đủ chuyện vào
những ngày nắng đã trở lại vàng sáng trên từng chùm
hoa màu hồng phấn. Một chiếc hộp nhỏ xíu được Hào
lấy ra trao tận tay cho Chi. Đó là những bông hoa giấy
đã được anh cất giữ suốt ba năm ròng như tình yêu
bền chặt anh dành cho Chi.

Rồi họ vui vẻ bàn chuyện sẽ tổ chức một đám cưới
đơn giản nhưng ấm áp bên gia đình và những người
bạn thân. ■

Thiền tông Việt Nam

TRẦN TUẤN MÃN



I. Đòi điều về Thiền định

Thực ra, rất khó định nghĩa về Thiền, về Định một cách khái quát. Thiền (Phạn: dhyana, Pali: jhàna) có nghĩa là tư duy, tập trung tâm ý, tĩnh lặng, thông hội tâm mình với ngoại cảnh; từ đó hành giả tập trung vào một đề tài, một đối tượng đấy là định (Phạn Samadhi). Như thế, nếu không kể đến mức độ sâu cạn, thì thiền định là phương cách tư duy của mọi người, thuộc một tôn giáo hay không tôn giáo nào, chứ không riêng của Phật giáo.

Trước và trong thời Đức Phật, các tu sĩ Ấn Độ cũng đã rất quen thuộc với Thiền định và rất nhiều vị đã đạt trình độ cao, đã đạt được một số thần thông. Tam vô lậu học của Phật giáo bao gồm Giới luật, Thiền định và Trí tuệ. Như vậy, tu học Phật pháp, là tu sĩ hay tín đồ Phật giáo, đều phải thực hành Thiền định. Khoảng một ngàn năm sau thời Đức Phật, truyền thuyết kể rằng Tổ Bồ-đề-đạt-ma, vị Tổ thứ 28 của Thiền tông Ấn Độ và là Sơ tổ của Thiền tông Trung Hoa, đưa Thiền tông vào Trung Quốc, truyền cho Nhị tổ Huệ khả. Dòng

Thiền được nối tiếp qua Tam tổ Tăng Xán, Tứ tổ Đạo Tín, Ngũ tổ Hoàng Nhẫn và Lục tổ Huệ Năng. Từ Lục tổ Huệ Năng, Thiền tông xuất hiện các thoại đầu, công án với những cách dạy dỗ phóng túng, quát, đánh, những hành vi kỳ đặc, khác thường... Văn học Thiền thường nhắc đến sự việc Đức Phật tại núi Linh Thứu đã đưa cành hoa lên, cả hội chúng đều im lặng, chỉ có Tôn giả Đại Ca-diếp rạng mặt mỉm cười và được Đức Phật truyền mật pháp với lời dạy: "Ta có Chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng vi diệu pháp môn, bất lập văn tự giáo ngoại biệt truyền, nay trao cho Ma-ha Ca-diếp". Giai thoại này thực ra không hề thấy chép trong kinh điển nào cả, chỉ là sự phổ biến trong văn học Thiền Trung Hoa!

Kinh điển Đại thừa là một sự triển khai tài tình, thiện xảo, sáng tạo từ kinh điển nguyên thủy, tạo triết học Phật giáo thành một nền triết học đỉnh cao. Thiền tông Trung Hoa cũng là một sự triển khai, tài tình, thiện xảo và sáng tạo từ Thiền tông Nguyên thủy. Thế nhưng sự



triển khai này của Thiên tông (cũng như của Phật giáo Đại thừa) lại mang tính cường điệu hóa. Cho nên, văn học Thiên Trung Hoa có khá nhiều các sự kiện, chi tiết khó có thể thuyết phục người đọc: lắm khi lối ghi chép sự kiện pha lẫn với tính chất tiểu thuyết, tưởng tượng, thậm chí hoang đường, hoặc đôi khi có vẻ hung bạo: ví dụ, Nhị tổ tự chặt tay, đứng suốt đêm ngoài tuyết để cầu đạo, Nam Tuyền chém mèo để dạy chúng, Câu Chi chặt đứt ngón tay của chú tiểu... Ngay cả tôn chỉ “bất lập văn tự” trong *Pháp bảo Đàn kinh* cũng không nhất quán: Tổ Huệ Năng vẫn giảng kinh *Kim Cương*, *Bát-nhã*, *Niết-bàn*, *Duy-ma-cật*..., vẫn giảng nghĩa các thuật ngữ tiếng Phạn, và nhất là yêu cầu các đệ tử ghi chép “*Pháp bảo Đàn kinh*” do Tổ nói để phổ biến, cứu đời... Các tông phái Thiên từ Tổ Huệ Năng trở về sau cũng không khác gì nhau về nội dung tu tập: đó là sự triển khai kinh Đại thừa, trong một cung cách đặc biệt: vô ngã, vô niệm, vô đắc, không, bất nhị, phá chấp, tâm ấn, đốn ngộ, sự tự tại, thông dong, vô vi... gần như của triết lý Lão Trang.

Thiên tông Việt Nam cũng mang nội dung và hình thức tương tự như vậy.

Thiên tông Việt Nam được truyền từ Thiên tông Trung Hoa, tất nhiên là chịu ảnh hưởng rất lớn của Thiên tông Trung Hoa và cũng tất nhiên có một số khác biệt.

II. Các Thiên phái tại Việt Nam

Như trên đã nói, tu học Phật pháp là phải tu học và thực hành Thiên định. Từ thế kỷ thứ I Tây lịch, đạo Phật đã du nhập vào Giao Châu do các nhà sư Ấn Độ theo thuyền buôn. Đây chỉ là tư tưởng Phật giáo của người bình dân. Nhưng đến thế kỷ II hoặc đầu thế kỷ III, khi trung tâm Phật giáo Luy Lâu được thành lập, chùa Phật ở Giao Châu đã có vài trăm và kinh điển đã được phổ biến, dịch thuật ra Hán ngữ, hoặc sáng tác, chú giải, luận giải như *Lý hoặc luận*, *Lục độ Tập kinh*, *Nê-hoàn Phạm bố*... Đáng chú nhất là Khương Tăng Hội, gốc người

Sogdiane, đã dịch *Lục độ Tập kinh* ra chữ Hán vào đầu thế kỷ III và các sách luận giải, chú sớ của ngài như *Pháp Cảnh kinh*, *Đạo Thọ kinh*, *An-ban thủ ý* (để tựa)... Đây là các kinh sách để cập đến Thiên định rất sâu sắc.

Trước thời Khương Tăng Hội, đất Giao Châu đã có hàng trăm chùa, nghĩa là Thiên tông đã có mặt tại vùng châu thổ sông Hồng và đến thời Khương Tăng Hội thì Thiên học đã có phần đậm đà bản sắc. Thế nhưng chưa có chứng cứ cụ thể nào để xác định ngài Khương Tăng Hội khai sơn ở đâu, mở Pháp hội nào, truyền pháp cho ai, vị nào kế tục ngài... Ta cũng không thấy tài liệu nào gọi ngài là Tổ thiên của một tông phái.

Lịch sử Phật giáo Việt Nam ghi nhận cụ thể các vị Đại Thiên sư từ Trung Hoa sang Việt Nam, đến một ngôi chùa Việt, thành lập một tông phái Thiên và được xem là Tổ. Các tông phái này được kế thừa bởi nhiều thế hệ nhưng về sau có sự ảnh hưởng qua lại giữa tông phái này và tông phái khác, nhiều vị sư thuộc tông phái này lại đến tu tập, chung cư với các vị thuộc tông phái khác. Càng về sau, ý nghĩa tông phái không còn đậm đà. Hiện nay, ý nghĩa tông phái tại các tự viện không còn sâu đậm, không mang nét đặc thù của từng tông phái.

1. Thiên phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi

Ngài Vinitaruci (Nam Ấn) sang Trung Hoa năm 562, là đệ tử của Tam tổ Trung Hoa là Tăng Xán. Đại sư sang Việt Nam năm 580 đến chùa Pháp Vân, gặp Sư Pháp Hiền đang dạy chúng và truyền pháp cho Pháp Hiền. Thiên phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi kể từ Pháp Hiền nối tiếp được 18 thế hệ.

Đại sư Tỳ-ni-đa-lưu-chi giảng Thiên của Tổ Tăng Xán, vị Tổ nổi danh với bài “Tín tâm minh”, biểu lộ tính tự tại, vô chấp, vô cầu. Thiên phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi cũng được xem là có nội dung tu tập gồm Thiên tông và Mật tông. Có lẽ các học giả về sau căn cứ vào sự việc Tỳ-ni-đa-lưu-chi dịch kinh Tượng đầu (tư tưởng Thiên) và Siêu việt hữu vô và kinh Tổng trì (tư tưởng Mật).

Các vị Đại sư kế tục Thiên phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi,

ngoài tư tưởng Thiền, còn có những vị nghiêng về Mật tông, với sấm ký, pháp thuật như Sùng Phạm, Vạn Hạnh, Từ Đạo Hạnh, Pháp Thuận...

2. Thiền phái Vô Ngôn Thông

Đại sư Vô Ngôn Thông là người Quảng Châu, Trung Quốc, từng ngộ pháp từ câu nói của Đại sư Bách Trượng Hoài Hải (thuộc thế hệ thứ 3 từ sau Lục tổ Huệ Năng). Năm 820, Đại sư từ Quảng Châu sang Việt Nam, đến chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng ở Bắc Ninh truyền pháp cho ngài Cầm Thành. Thiền phái Vô Ngôn Thông bắt nguồn từ đó, truyền được 16 thế hệ sau khi ngài Vô Ngôn Thông tịch, tức gồm tất cả 17 thế hệ.

Thiền phái này chú trọng sự đốn ngộ, Phật chính là tâm, bất nhị, vô đắc. Có lẽ phương pháp thoại đầu thiền là rõ nét nhất trong việc giáo hóa, truyền pháp của Thiền phái Vô Ngôn Thông: Các thiền sư phái này như Thiện Hội (thế hệ 3), Định Hương (thế hệ 7), Ngộ Ấn (thế hệ 9). Ngoài ra, cần kể một nét đẹp, đặc sắc của Thiền phái này là các thiền sư thường là những nhà thơ thiền, dùng thơ để giải đáp cho người vấn đạo, mở đầu cung cách nêu thoại đầu bằng thi ca về sau, tạo thành nét đẹp, đặc sắc trong văn học Thiền Việt Nam: Thiền Lão (thế hệ 7), Viên Chiếu (thế hệ 8), Trí Bảo (thế hệ 11), Tịnh Không (thế hệ 11).

3. Thiền phái Thảo Đường

Đại sư Thảo Đường là người Trung Hoa, đệ tử của Thiền sư Tuyết Đậu (lịch năm 1052). Tuyết Đậu, đệ tử của Đại sư Vân Môn Văn Uyển (864 – 949) là một Thiền sư, một bậc trí giả Phật học, tác giả của nhiều tác phẩm trong đó nổi tiếng nhất là bộ *Tuyết Đậu ngữ lục*. Ngài Thảo Đường thuộc thế hệ thứ 8 của dòng Thanh Nguyên Hành Tư, tức là thuộc thế hệ thứ 9 của Lục tổ Huệ Năng. Trong lúc hành hóa ở Chămpa, Đại sư Thảo Đường bị vua Lý Thánh Tông trong lúc đem quân chinh phạt Chămpa bắt làm tù binh (năm 1069) và đem về Đại Việt. Tại đây người ta phát hiện ngài là vị Đại sư, tài trí, đức độ cao vời, được vua phong làm Quốc sư. Từ đó, ngài trụ trì chùa Khai Quốc tại kinh thành Thăng Long, lập ra Thiền phái Thảo Đường của Việt Nam, gồm 6 thế hệ, trong đó các Đại sư Bát Nhã (thế hệ 2), Không Lộ, Định Giác (thế hệ 3) là các đại sư nổi tiếng.

Thiền phái Thảo Đường không có ảnh hưởng lâu dài nhưng so với thời trước đó, đây là Thiền phái trí thức, gồm vua quan và một số cư sĩ trí thức. Điều đáng lưu ý là Thiền phái này có sự dung hợp với Thiền phái Vô Ngôn Thông và một phần có sự ảnh hưởng của Mật tông, ví dụ trường hợp của Bát Nhã và Đại Điền vốn đã có từ Thiền phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi và Thiền phái Vô Ngôn Thông.

4. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử

Tổ khai sơn của Thiền phái Yên Tử là Đại sư Hiện Quang (mất năm 1220), tu ở chùa Lục Tổ do Đại sư Thiện Chiếu (Thiền phái Vô Ngôn Thông) trụ trì, về sau tham học với các ngài Trí Không, Pháp Giới rồi khai sơn núi Yên Tử, thường được gọi là Trúc Lâm Đại Sa-môn được phong làm Quốc sư. Từ đó, truyền thống Trúc Lâm Yên Tử được hình thành.

Đại sư Hiện Quang tịch, nối tiếp truyền thống Trúc Lâm là Đạo Viên (thầy của vua Trần Thái Tông). Đại Đăng (thầy của vua Trần Thánh Tông), Tiêu Diêu (thầy của Tuệ Trung), Huệ Tuệ, Trúc Lâm (tức Trần Nhân Tông), Huyền Quang, Pháp Loa... cho đến Vô Phiến; tổng cộng là 23 vị. Năm thế hệ đầu của truyền thống Trúc Lâm Yên Tử nổi bật về cung cách tu tập Thiền tông chỉ gồm vua Trần Thái Tông và Tuệ Trung thượng sĩ, nhưng hai vị này là cư sĩ và không cụ thể truyền pháp cho ai. Sự truyền thừa chỉ gần như là nối nghiệp trụ trì. Đến Trúc Lâm Đầu đà Điều ngự Trần Nhân Tông, vị vua anh minh, anh hùng, vị Thái Thượng hoàng cao quý, bỏ ngai vàng để thành Sa-môn, Đại Thiền sư, lập Thiền am trên núi Yên Tử, trở thành vị Tổ của 17 Đại sư thuộc 17 thế hệ sau của truyền thống Trúc Lâm.

Đất nước và Phật giáo Đại thừa phát triển mạnh mẽ, rực rỡ nhất vào thời nhà Trần, tức vào thời Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử được thành lập. Nội dung thực hành chủ yếu nhằm vào tư tưởng của Trần Thái Tông, Tuệ Trung, Sơ tổ Trúc Lâm, Nhị tổ Pháp Loa và Tam tổ Huyền Quang: Phật tại tâm, Chân tâm, Bất nhị, Sự thông đồng tự tại, Ý nghĩa Truyền tâm, Truyền Y bát. Đặc biệt, Thiền phái này có lối ứng cơ tiếp vật qua các thoại đầu, chen lẫn thơ ứng khẩu nhưng nội dung thực hành thì khác với Thiền tông Trung Hoa, lại có sự pha trộn ít nhiều với Thiền phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi và Vô Ngôn Thông.

Do việc mở mang đất nước, chống ngoại xâm của Trúc Lâm Sơ tổ Trần Nhân Tông mà nhiều nhà nghiên cứu hiện nay cho rằng Thiền học đời Trần, cụ thể là Trúc Lâm Yên Tử, mang màu sắc dân tộc, lòng yêu nước, ý chí độc lập tự cường... Thiết nghĩ, quan niệm như thế quả là không phù hợp với Thiền.

Đáng tiếc là thời kỳ hưng thịnh này của Thiền phái Trúc Lâm không kéo dài được bao lâu, 15 thế hệ sau Tam tổ Huyền Quang không thấy có hoạt động gì ngoài việc chỉ được nêu pháp danh pháp tự của mỗi một người thuộc một thế hệ!

Một số học giả cho rằng Thiền sư Chơn Nguyên (mất 1722) đã phục hưng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử vì ngài là người được truyền thừa y bát Trúc Lâm, ngoài việc ngài và các đệ tử trú tại Trúc Lâm và các ngôi chùa của phái này và trùng san một số sách đời Lý Trần; điều này không vững vàng và cũng không thấy chủ trương tu tập của ngài giống với Trúc Lâm. Gần đây, Hòa thượng Thích Thanh Từ, bậc cao tăng trí tuệ và đức độ, từ 1971 đến 2011 đã xây dựng khoảng 40 Thiền viện. Các Thiền viện này tạo được không khí an tịnh, trang nghiêm giống như các chùa Thiền ngày xưa; nhiều người cho rằng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử được khôi phục. Nhưng, qua sinh hoạt của các Thiền viện (đặc biệt là các Thiền viện Trúc Lâm mới được tạo lập) vẫn không mang sắc thái của truyền thống Trúc Lâm và chư Tăng đang tu tập tại những nơi này cũng không thuộc dòng Thiền Trúc Lâm.

5. Thiên phái Lâm Tế

Một số sách về lịch sử Thiền Việt Nam ghi rằng từ thời chúa Nguyễn Hoàng (1559-1513), khoảng mười vị sư từ Trung Quốc sang Việt Nam, đến các tỉnh Quảng Trị, Thuận Hóa (Huế), Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên... lập chùa, phần lớn là thuộc dòng Thiền Lâm Tế. Thuận Hóa là kinh đô nên nhiều thiền sư đến hoàng hóa. Đáng kể nhất là Đại sư Minh Hoàng Tử Dung (nguyên quán Quảng Đông, đời thứ 34 dòng Lâm Tế) khai sơn của Ấn Tôn, truyền Thiền Lâm Tế cho Đại sư Liễu Quán vào năm 1708. Ngài Liễu Quán (mất năm 1793) trở thành Tổ của dòng Lâm Tế Việt Nam và thuộc thế hệ 35 dòng Lâm Tế, người xây dựng, trú trì các chùa Thiền Tông, Viên Thông ở Thuận Hóa, Hội Tông, Cổ Lâm, Bảo Tịnh tại Phú Yên. Thiên phái này vẫn theo truyền thống truyền tâm, truyền công án, thoại đầu.

Đến nay, Thiên phái này vẫn tồn tại nhiều nhất tại Thừa Thiên Huế. Đại sư Nhất Hạnh, xuất thân từ chùa Từ Hiếu, thuộc thế hệ thứ 8 dòng Liễu Quán và thứ 42 dòng Lâm Tế, người đã phát triển Thiền Việt Nam ở hải ngoại, trở thành vị Thiền sư nổi tiếng khắp thế giới.

Trước kia có Đại sư Nguyên Thiều (phái Lâm Tế) và Đại sư Thạch Liêm (phái Tào Động) đến Đại Việt, nhưng hai vị này dựng chùa, giảng Phật pháp chứ chưa thấy tài liệu ghi nhận việc lập Thiên phái Lâm Tế hay Tào Động...

6. Thiên phái Tào Động

Thiên phái Tào Động khởi từ phép tu của Động Sơn Lương Giới và Tào Sơn Bản Tịch (thế kỷ IX) ở Trung Hoa, quan điểm của phái này được tượng trưng bằng *ngiên* và *thẳng*. Thẳng là tuyệt đối, chân không pháp thân, nghiêng là tương đối hiện tượng diệu hữu. *Thẳng* và *ngiên* vốn là một.

Tổ Thiên phái Tào Động Việt Nam là Đại sư Thủy Nguyệt (1636-1704), quê ở Thái Bình, sang Trung Quốc tu học. Đến năm 1667, sau ba năm ở Trung Quốc, ngài về nước, trú tại chùa Vọng Lão, huyện Đông Triều, Hải Dương. Đại sư thành lập Thiên phái Tào Động tại Đàng Ngoài, phát triển mạnh mẽ hơn 100 năm. Về sau, tuy Thiên phái này không còn mạnh như trước, có dấu hiệu lụi tàn dần nhưng không bị mai một. Đến ngày nay còn khá nhiều chùa và chư Tăng Ni thuộc Thiên phái Tào Động ở nhiều tỉnh thành miền Bắc.

III. Tổng quan về các Thiên phái ở Việt Nam

Các Thiên phái Việt Nam đều xuất phát từ các Thiên phái Trung Hoa, dĩ nhiên mang đậm tính chất Thiền Trung Hoa và dĩ nhiên cũng có đặc điểm riêng của Thiền Việt Nam. Những đặc điểm ấy là gì?

1. Thiền Việt Nam không phân biệt các đặc điểm của từng Thiên phái, không phải vì các Đại sư Trung Hoa theo Thiên phái nào của Trung Hoa mà các Thiên phái Việt Nam phải theo đúng phương cách tu tập của Thiên phái ấy. Hơn nữa, các Đại sư Trung Hoa đến Việt Nam để hành đạo, thuyết giảng giáo lý Đại thừa chứ không nhằm phát triển Thiên phái của các ngài.

2. Từ hai ngàn năm qua, các chùa Việt Nam là chùa Phật giáo Đại thừa; trong thế kỷ XX, các chùa thuộc Phật giáo Nam tông, Khất sĩ Việt Nam, Phật giáo Hòa Hảo xuất hiện. Tất cả các chùa đều có tụng kinh, niệm Phật, hành thiền (tu Phật thì phải có hành thiền), không phân biệt chùa thuộc Thiên phái nào.

3. Thiền tông Việt Nam không chú trọng "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền" mà chú trọng vào sự tĩnh lặng, an định tâm thức để tiến đến sự lĩnh hội tâm mình, nhận biết khổ, vô ngã, vô thường mà Đức Phật đã dạy.

4. Thiền Việt Nam "nhẹ nhàng, hiền lành" chứ không có những cách đối cơ tiếp vật "kỳ khu, khốc liệt" như Thiền Trung Hoa. Có lẽ đây cũng là do sự kết hợp giữa tâm tính của người Việt, do sự kết hợp chặt chẽ của Thiền và Tịnh.

5. Thiên phái không phải là yếu tố quan trọng ở Việt Nam mà sự kế tục vị Thầy tổ khai sơn của một chùa, các đệ tử về sau thành lập chùa riêng; và ngôi chùa đầu tiên, được gọi là Tổ đình, không mang ý nghĩa của một Thiên phái. Ý nghĩa Thiên phái hầu như không còn trong Tăng-già mà chỉ tồn tại của các dòng thầy trò kế từ vị sư khai sơn một chùa.

6. Các Đại Thiền sư Việt Nam thường là thi sĩ, những học giả tạo tác nhiều tác phẩm nghiên cứu, luận giảng Phật học. Các công trình của chư vị đã đóng góp lớn lao cho văn học Phật giáo và văn học Việt Nam nói chung.

Thời đại mới, quan niệm về Thiền cũng có phần đổi mới, ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam và có lẽ ở hầu hết tự viện trên thế giới của bớt đi, hoặc chấm dứt sự quan trọng của Thiên phái. Cung cách trao truyền, công án, thoại đầu, tâm ấn... của Tổ sư Thiền (Trung Quốc) cũng hầu như đã mai một. Thiền Việt Nam cũng vậy. Hiện nay có nhiều trung tâm dạy Thiền theo cung cách của các Thiền sư thời đại mới, không chú trọng gì đến Tổ sư Thiền của Trung Quốc và của Việt Nam; và số Tăng, Ni, cư sĩ... tham gia học tập và thực hành Thiền là khá đông đảo. ■

Nguồn: *Les écoles de méditation au Vietnam*; bài tham luận tại Hội thảo "La méditation et les écoles Bouddhiques de méditation" tại Paris, ngày 4-7-2017.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, I,II,III, Nxb Văn Học, 1992. 2. Thích Mật Thể, *Lược sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Minh Đức, 1960. 3. Trần Văn Giáp, *Le Buddhism an Annam*, Tuệ Sỹ dịch, Đại học Vạn Hạnh, 1967. 4. Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, 1999. 5. Nguyễn Đăng Thục, *Thiền học Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, 1997. 6. Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb TP.HCM, 1999. 7. Thích Thanh Từ, *Kinh Pháp Bảo Đàn giảng giải*, Nxb Tôn Giáo, 2003. 8. Thích Thanh Kiểm, *Lịch sử Phật giáo Trung Quốc*, Nxb TP.HCM, 1991. 9. Vô Môn Huệ Khai, *Vô môn quan*, Trần Tuấn Mẫn dịch, Nxb Lá Bối, 1972. 10. *Tứ đại Thiên gia ngữ lục*, Trần Tuấn Mẫn dịch và chú, Nxb Phương Đông, 2006.

Những điều cần biết VỀ BỆNH ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

1. Đái tháo đường là gì?

Bệnh đái tháo đường là một bệnh rối loạn chuyển hóa, do sự thiếu hụt hoặc giảm hoạt động của insulin hoặc kết hợp cả hai dẫn đến tình trạng tăng đường huyết mạn tính. Hậu quả của bệnh làm tổn thương nhiều cơ quan như tim, các mạch máu, thận, mắt, thần kinh.

2. Phân loại bệnh đái tháo đường

Có 2 loại đái tháo đường chính:

- **Đái tháo đường týp 1:** Thường xảy ra ở trẻ em và người trẻ tuổi, chiếm khoảng 5 - 10% số người bệnh đái tháo đường. Bệnh có liên quan đến yếu tố tự miễn gây phá hủy tuyến tụy khiến cơ thể hầu như không sản xuất được insulin.

- **Đái tháo đường týp 2:** Xảy ra chủ yếu ở người trưởng thành, chiếm 90 - 95% các trường hợp đái tháo đường. Bệnh có liên quan đến yếu tố tuổi, béo phì, ít vận động, di truyền.

3. Cách xác định bệnh đái tháo đường

Bệnh đái tháo đường được xác định bằng cách xét nghiệm glucose máu (còn gọi là đường huyết). Bị bệnh đái tháo đường nếu kết quả xét nghiệm máu 2 lần đều có một trong các kết quả như sau:

- **Glucose máu sau khi nhịn đói trên 8 giờ đồng hồ:** từ 7.0mmol/l trở lên (hay từ 126mg/dl trở lên).

- **Glucose máu sau khi làm nghiệm pháp dung nạp glucose:** từ 11.1mmol/l (hay từ 200mg/dl trở lên).

- **Glucose máu ở trong thời điểm bất kỳ:** từ 11.1mmol/l trở lên (hay từ 200mg/dl trở lên) kèm các triệu chứng uống nhiều, tiểu nhiều, sụt cân nhanh không giải thích được.

4. Một số yếu tố nguy cơ của bệnh đái tháo đường

- **Các yếu tố không thể can thiệp được**

+ Trên 45 tuổi.

+ Trong gia đình có người thân ruột thịt bị mắc bệnh đái tháo đường.

- **Các yếu tố có thể can thiệp được**

+ Ít hoạt động thể lực, hút thuốc lá, lạm dụng rượu - bia.

+ Thừa cân, béo phì, béo bụng.

+ Có tiền căn bị rối loạn đường huyết lúc đói hay bị rối loạn dung nạp glucose *

+ Tăng huyết áp.

+ Rối loạn mỡ máu.

+ Phụ nữ sinh con nặng trên 4kg, phụ nữ bị đái tháo đường thai kỳ.

- **Rối loạn đường huyết lúc đói**

Glucose máu sau khi nhịn đói trên 8 giờ đồng hồ: Từ 5.6mmol/l đến 6.9mmol/l (100mg/dl đến 126mg/dl) và glucose sau khi làm nghiệm pháp dung nạp glucose: 7.8mmol/l đến 11.0mmol/l.

- **Rối loạn dung nạp glucose**

Glucose máu sau khi làm nghiệm pháp dung nạp glucose: từ 7.8mmol/l đến 11.0mmol/l (140mg/dl đến dưới 200mg/dl).

5. Các biện pháp phòng ngừa bệnh đái tháo đường chủ yếu

- Chế độ ăn uống hợp lý.

- Sống năng động, thường xuyên vận động, tập thể dục đều đặn.

- Duy trì cân nặng phù hợp, tránh bị béo bụng.

- Không hút thuốc lá, không lạm dụng rượu bia.

6. Các biến chứng bệnh đái tháo đường

- **Biến chứng cấp tính**

+ Hôn mê do tăng đường huyết.

+ Hôn mê do hạ đường huyết (do bỏ bữa, ăn quá ít, tập luyện quá mức, nôn mửa hoặc tiêu chảy...).

Các biến chứng cấp tính này sẽ gây tử vong với tỷ lệ rất cao nếu không xử lý kịp thời.

- **Biến chứng mạn tính**

- Bệnh tim mạch (đột quỵ, bệnh mạch vành...), suy thận, mù lòa, dễ nhiễm trùng, viêm đa dây thần kinh, hoại tử chân...

- Các biến chứng mạn tính gây ra nhiều di chứng, giảm chất lượng cuộc sống, giảm năng suất lao động, giảm tuổi thọ.

7. Các biện pháp phòng chống biến chứng do đái tháo đường

- Cần phối hợp tốt 3 biện pháp: ăn uống hợp lý, hoạt động thể lực phù hợp, sử dụng đúng theo hướng dẫn của thầy thuốc.

- Kiểm soát tốt đường huyết, mỡ trong máu và huyết áp.

- Không hút thuốc, hạn chế/không dùng rượu bia.

8. Các mục tiêu kiểm soát bệnh đái tháo đường

- Glucose máu lúc đói từ 4,4 đến 6,1mmol/l

- Glucose máu sau ăn 2 giờ dưới 8mmol/l

- Duy trì cân nặng phù hợp: BMI từ 18.5 đến 22kg/m²

- Huyết áp dưới 130/80mmHg

- Trillyceride dưới 1.5mmol/l

- HDL cholesterol trên 1.1mmol/l

- LDC cholesterol dưới 2.5mmol/l

Lưu ý: Các mục tiêu trên có thể thay đổi tùy theo từng đối tượng, người bệnh cần được bác sĩ tư vấn để biết mục tiêu của riêng.

9. Phòng ngừa và xử trí cơn hạ đường huyết trên người bệnh đái tháo đường

- **Các triệu chứng bị hạ đường huyết**

Cảm giác đói, đổ mồ hôi, hồi hộp, tim đập nhanh, kém tập trung, tay chân bủn rủn, mắt mờ.

- **Xử trí**

Nhai 2 - 3 viên kẹo có đường hoặc uống nước đường (2 - 3 muỗng cà-phê đường kính và 100ml nước), hoặc một hộp sữa nước có đường, hoặc 1 ly nước ngọt 200ml.

+ Nếu tình trạng hạ đường huyết xảy ra thường xuyên, người bệnh nên gặp bác sĩ để được tư vấn cụ thể về cách ăn uống và sử dụng thuốc.

- **Cách phòng ngừa bị hạ đường huyết**

+ Ăn uống đầy đủ, đúng giờ, không được bỏ bữa, phải có bữa phụ.

+ Lượng bột đường ở các bữa ăn phải được ổn định.

+ Sử dụng thuốc uống, thuốc chích (insulin) hạ đường huyết phải đúng giờ, đúng liều.

+ Khi vận động với cường độ nặng và thời gian nhiều hơn, phải ăn thêm các thực phẩm có bột đường (ví dụ: trái cây hay 1 ly sữa dùng cho người đái tháo đường).

+ Luôn mang theo các thức ăn có đường hấp thu nhanh như kẹo, sữa có đường... khi đi tập thể dục hay đi bên ngoài.

+ Tự theo dõi đường huyết tại nhà bằng máy đo đường huyết cá nhân (nếu có) để nhận biết sớm tình trạng hạ đường huyết.

Kỳ sau: Chế độ dinh dưỡng điều trị đái tháo đường

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



XIN MỞ RỘNG LÒNG, SAN SẺ YÊU THƯƠNG

PHÁP TUỆ - NHƯ THÔNG

Trong cuộc sống vô thường, lão bệnh là điều khó tránh khỏi cho mỗi con người, không ai tự hào mình không bao giờ bệnh tật. Một số người bệnh tật chỉ lướt qua, nhưng cũng có nhiều trường hợp không vượt qua được do vì nghịch duyên, khó khăn tài chánh để trợ duyên chữa trị như hoàn cảnh của vị Sa-môn Thích Kiến Giải mà chúng tôi được biết đến sau đây:

Thầy Thích Kiến Giải, thế danh Nguyễn Văn Điều, xuất gia năm 1982, là đệ tử của HT.Thích Thanh Từ. Sau thời gian tu học tinh chuyên, vô thường ập đến Thầy phát sinh nhiều bệnh như cao huyết áp vô căn (nguyên phát), bệnh đái đường không phụ thuộc insulin, suy tĩnh mạch (mạn) (ngoại biên), rối loạn chức năng tiền đình, rối loạn lipid máu, táo bón, đau lưng, HA 164/86mmhg. M 98 I/P. Do vì bệnh hành nên sức khỏe Thầy giảm nhanh... Thầy Kiến Giải xét nghĩ mình sẽ là gánh nặng cho chốn thiền môn nên đã tự nguyện xin về lưu trú tại một thất nhỏ ở bìa rừng Long Hải do bà con trong vùng dựng và được người cháu chăm sóc thuốc thang (nhưng gia cảnh của người cháu cũng eo hẹp). Với bệnh duyên như thế, nhưng do khả năng tài chính không đủ chi trả thuốc men nên căn bệnh mỗi ngày càng phát tác, hành hạ thân mạng Thầy rất đau đớn...

Chúng tôi thành kính cầu mong hồng ân Tam bảo gia hộ cho Thầy bệnh tật tiêu trừ. Và kính mong được các vị đạo tâm mở rộng lòng từ, san sẻ yêu thương hỗ trợ tịnh tài thiết thực giúp cho Thầy trong việc chữa trị.

Mọi chi tiết xin liên hệ:

Địa chỉ: Tô 11, Ô 3, khu phố Hải Điều, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Gặp Phật tử Liêu Chính. ĐT: 0167.440.6099
Hoặc anh Hiệp (hàng xóm). ĐT: 0937.354.954





Cơ sở điều khắc gỗ THIÊN PHÚ THẠO

Nghệ nhân ưu tú: Nguyễn Hữu Thọ 0837181818 - 01666000666 - 01222999666 Email: dkhuuthao@gmail.com - Website: thienphuthao.com

APT CÔNG TY TNHH TM-XD AN PHÚ THÀNH
AN PHU THANH

Chuyên sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu:
Sản phẩm được làm từ Gỗ và Đá tự nhiên

- * Hàng thủ công mỹ nghệ cao cấp.
- * Vật phẩm Phong thủy.
- * Trang sức Phong thủy.
- * Tinh dầu chiết xuất từ Gỗ Xá xị.



Địa chỉ: 281/25/11 Lê Văn Sỹ, Phường 01, Quận Tân Bình, tp.HCM

ĐT: 08.3991 8688 Hotline: 0902864455

Email: huongthuy2505@gmail.com Website: www.anphuthanh.com

APT CÔNG TY TNHH TM-XD AN PHÚ THÀNH
AN PHU THANH

281/25/11 Lê Văn Sỹ, P.1, Q. Tân Bình, tp.HCM

TINH DẦU XÁ XỊ



Tinh dầu xá xị hay còn gọi là gù hương được chiết xuất từ vỏ thân, gỗ thân và rễ bằng phương pháp chưng cất hơi nước. *Tinh dầu xá xị nguyên chất* thường có màu vàng nhạt và mùi hương dịu nhẹ mang đậm chất gỗ.

Tác dụng của tinh dầu xá xị :

- Hỗ trợ điều trị tê thấp, Trị mắt ngủ , mang lại cảm giác cân bằng, Thanh lọc không khí

Lưu ý khi sử dụng tinh dầu xá xị:

- Để xa tầm tay trẻ nhỏ, bảo quản nơi thoáng mát, khô ráo, tránh ánh nắng.
- Không dùng tinh dầu thoa lên vết thương hở, vùng nhạy cảm, mắt.

Tinh dầu hoa Oải hương là loại tinh dầu nhiều công dụng nhất.

và rẻ nhất, có khả năng chữa trị mụn, chứng bội nhiễm, dị ứng, vảy nến, vết thâm tím, chấy nắng, hen suyễn, viêm phế quản, chứng đau nửa đầu và đau cả đầu, chứng mất ngủ.

Hoa oải hương có nguồn gốc từ vùng

Địa Trung Hải, nhưng giờ đây nó đã có mặt phổ biến ở nhiều nơi trên thế giới.

Ngoài ra **Tinh dầu hoa Oải hương** còn được sử dụng rộng rãi trong các phương pháp trị liệu bằng hương thơm.

tên "Lavender-Oải hương" có thể xuất phát từ "lavare" trong tiếng Latinh, có nghĩa là "rửa sạch".

Chú Ý: Phụ nữ có thai và đang cho con bú không được sử dụng.

Đến với An Phú Thành luôn đảm bảo về chất lượng cũng như nguồn gốc của sản phẩm.



pháp uyển

D H A R M A G A R D E N

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHE CO., LTD.

NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm

Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



TƯ VẤN THIẾT KẾ NỘI THẤT PHÒNG THỜ - KHÔNG GIAN TRÀ ĐẠO

HOTLINE: 0902 848 363 - 0938 959 503 - 0906 955 663



HỒ CHÍ MINH:

- NAM KỶ 1: 382B NKKN, P.8, Q.3, TP. HCM
- NAM KỶ 2: 382D NKKN, P.8, Q.3, TP. HCM
- NAM KỶ 3: 382G NKKN, P.8, Q.3, TP. HCM

- VIÊN DUNG ĐƯỜNG: 668 NGUYỄN CHÍ THANH, P.4, Q.II, TP. HCM
- 3 THÁNG 2: 212 BA THÁNG 2, P. 12, Q. 10, TP. HCM

HÀ NỘI:

112 PHỐ HUẾ, P. NGỘ THỊ NHẠM, Q. HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI



CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com
 Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms.Thanh Lan)

- **Ấn Độ - Delhi-Tiểu Tây Tạng - Nepal:** 17N16Đ: 29 triệu (Phật tử) - Ủng hộ quý Tăng Ni **chiêm bái đất Phật:** 22,5 triệu
 - **Singapore - Malay - Indo** 6N5Đ: 10,9 triệu (hàng tuần)
 - **Đài Loan-Đài Bắc-Đài Trung** 5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)
 - **Thành Đô - Cửu Trại Câu - Nga Mi Sơn** 6N5Đ: 22,5 triệu (hàng tháng)
 - **Hàn Quốc** 5N4Đ: 12,5 triệu (hàng tuần)
 - **Thái Lan** (Buffet 86 tầng): 5N4Đ: 5,490 triệu(hàng tuần)
 - **Cam - Thái - Lào - Myanmar** 12N11Đ: 8,8 triệu (hàng tháng - tầng 2 suất buffet)
 - **Myanmar - Yangon - Tầng đá vàng - Thanlyin** 5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)
 - **Xuyên Việt:** 20N19Đ: 7,5 triệu. **Cam - Thái:** 6N: 4,3 triệu
- **Đặc biệt ưu đãi cho khách nhóm và đạo tràng quý Tăng Ni**



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (08) 3880 9766
 Email: saigonphukim@gmail.com
 Website: www.sgpk360.com
 Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM





CHÚC MỪNG SINH NHẬT

Nhằm tri ân quý khách gần xa đã luôn ủng hộ **Nhà hàng chay Việt An** trong thời gian qua và cũng là dịp đón mừng sinh nhật (20/6) của mình, nhà hàng chúng tôi sẽ tìm tòi chế biến thêm nhiều món ăn mới để phục vụ thực khách.

Tạp chí VHPG kính mừng sinh nhật của nhà hàng chay và mong rằng Việt An luôn được phát triển để giữ trọn niềm tin tất cả khách hàng gần xa.

Trân trọng
Trị sự
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

◦ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



◦ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

◦ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời

Nhà Gốm Nhật

Đặng Thị Trúc Giang

☎ 0908.62.0908 - 0918.62.0918

✉ nhagomnhat@gmail.com

🏠 04 - Đinh Bộ Lĩnh - Phường 24 - Quận Bình Thạnh - TP. HCM
290/13 - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Phường 8 - Quận 3 - TP. HCM
Hẻm 380 - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - (82/114 Lý Chính Thắng) - P. 8 - Q.3
Trà Thuần Việt: 159-169 - Nghi Tâm - Quận Tây Hồ - Hà Nội
f Đặng Thị Trúc Giang (Nhà gốm nhật) - Hotline: 0908.18.28.38



Nhà Gốm Nhật

Chuyên Kinh Doanh Sĩ & Lễ!

Gốm sứ Japan, Nhang Trầm, Trà Việt - Nhật và Trang Sức Đá Quý - ☎ 0822.536.538



Du Lịch Phật Giáo

☎ Liên hệ: 0866 810 113 - 0963 339 571 (gặp Pháp Tâm) - 0972 090 977 - 0975 280 504 (gặp Sang)

🏠 Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM 🌐 Website: www.dulichphatgiaoc.vn

- ✓ Ấn Độ - Nepal: 30tr500 - Hỗ trợ Quý Tăng Ni 24tr500 (16 N) (Delhi - Tứ Động Tâm - Tiểu Tây Tạng - Thủ Đô Kathmandu)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 10tr500 (6N5Đ)
- ✓ Đài Bắc - Đài Trung - Cao Hùng: 10tr500 (5N4Đ) (Cao Hùng - Phật Quang Sơn)
- ✓ Hongkong - Thẩm Quyển - Quảng Châu: 13tr790 (5N4Đ)
- ✓ Myanmar: 10tr900 (5N4Đ)
- ✓ Campuchia - Thái Lan: 4tr600 (7N6Đ)
- ✓ Cam - Thái - Lào - Myanmar: 8tr900 (12N)
- ✓ Hàn Quốc: 13tr500 (5N4Đ)
- ✓ Nhật Bản: 27tr500 (5N4Đ)
- ✓ Bhutan: 42tr500 (7N6Đ)

Đặc biệt

LUÔN CÓ GIÁ ƯU ĐÃI CHO QUÝ TĂNG NI VÀ ĐẠO TRẰNG PHẬT TỬ

Đón đọc

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Số 276

Phát hành ngày 1 - 7 - 2017

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay - trà đạo
Bồ Đề Tâm - Giác mơ nhỏ
9 Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Nhà sách Chân Tịnh
Anh Bùi Quý Dương
Đc: số 866 dịch vụ 20, khu Hàng Bè Mậu
Lương, P.Kiến Hưng, Q.Hà Đông - Hà Nội
ĐT: 0938071188 - 0904990666
01227328866 - 01239519999

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trình Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP.Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành
Q.Sơn Trà - TP.Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP.Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP.Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP.Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10
TP.Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8
Phan Rang, Ninh Thuận
ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu
TP.Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP.Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hường)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP.Vũng Tàu
Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa - Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình
TP.Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tĩnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG